



CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

LỊCH SỬ **8** NĂM
**NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH**
1946 - 2026



NHÀ XUẤT BẢN KINH TẾ - TÀI CHÍNH



CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

LỊCH SỬ **8** NĂM
**NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH
1946 - 2026**



NHÀ XUẤT BẢN KINH TẾ - TÀI CHÍNH



LỜI NÓI ĐẦU

Sau khi cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 6/1/1946, bộ máy của Chính phủ và chính quyền các cấp được hình thành. Xuất phát từ yêu cầu phục vụ quản lý Nhà nước trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 6-5-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL thành lập Nha Thống kê Việt Nam, nằm trong Bộ Quốc dân Kinh tế. Đây là dấu mốc đầu tiên và đặt nền móng cho việc hình thành, xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam.

Để phục vụ công cuộc kháng chiến kiến quốc, cũng như nhiều ngành khác, ngành Thống kê cũng được điều chỉnh, thay đổi về tên gọi, chức năng nhiệm vụ phù hợp với tình hình mới. Ngày 20/02/1956 Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ số 695/TTg thành lập Cục Thống kê Trung ương, trực thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Ở tỉnh Bắc Ninh, bộ phận Thống kê thuộc Văn phòng Ủy ban Hành chính cũng được tách ra và thành lập Ban Thống kê, đây là tiền thân của Thống kê tỉnh ngày nay. Trải qua 80 năm xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức của ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã nhiều lần thay đổi nhưng các thể hệ lãnh đạo, công chức và người lao động luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, kiên trì học tập, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và năng lực, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

Nhằm hệ thống hóa những tư liệu về quá trình xây dựng, phát triển và những đóng góp của ngành Thống kê trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Lịch sử 80 năm **NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH** 1946-2026

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam, Thống kê tỉnh Bắc Ninh tổ chức biên tập và xuất bản cuốn “*Lịch sử 80 năm ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh 1946-2026*”. Nội dung gồm 2 phần:

Phần thứ nhất: Quá trình hình thành địa giới hành chính và tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh.

Phần thứ hai: Lịch sử 80 năm xây dựng và hoạt động của ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh.

Phần thứ ba: Lãnh đạo thống kê tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ (1956 - 2026)

Phần thứ tư: Hình ảnh tiêu biểu ngành thống kê tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ (1956 - 2026)

Khi biên soạn, Ban Biên tập đã sử dụng các tư liệu của những lần trước và cập nhật thêm những thay đổi có tính lịch sử trong những năm qua. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi những sai sót, Ban Biên tập rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các thế hệ lãnh đạo, công chức và người lao động để hoàn thiện hơn cho những lần sau.

BAN BIÊN SOẠN



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

3

PHẦN THỨ NHẤT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH

9

1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ THAY ĐỔI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
TỈNH BẮC NINH QUA CÁC THỜI KỲ

9

2. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH

13

PHẦN THỨ HAI

LỊCH SỬ 80 NĂM XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH (1946 - 2026)

17

CHƯƠNG I

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH TỪ NĂM 1946 - 3/1963

19

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

19

II. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH

20

III. NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

25

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

26

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH; CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ

35

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC THỜI KỲ 4/1963-12/1996

39

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

39



II. TỔ CHỨC CÁN BỘ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ	48
III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC	65
IV. NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC (4/1963-12/1996)	71
CHƯƠNG III	
HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ BẮC NINH VÀ BẮC GIANG THỜI KỲ CHIA TÁCH 2 TỈNH (01/1997-6/2025) VÀ KHI SÁP NHẬP TỈNH BẮC NINH MỚI TỪ 01/7/2025	
	113
I. TÌNH HÌNH CHUNG VÀ BỐI CẢNH	113
II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC NGÀNH THỐNG KÊ	121
III. VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ	132
IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC	140
V. NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ	148
BÀI HỌC KINH NGHIỆM	177
PHẦN THỨ BA	
LÃNH ĐẠO THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH QUA CÁC THỜI KỲ (1956-2026)	183
PHẦN THỨ TƯ	
HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH QUA CÁC THỜI KỲ (1956-2026)	191
I. LỊCH SỬ NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH	191
II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ	194
III. CÁN BỘ CÔNG CHỨC NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH	207
CÁC CHỮ VIẾT TẮT	216
TƯ LIỆU THAM KHẢO VÀ SỬ DỤNG	217



Một số thành tích tiêu biểu





Lịch sử 80 năm **NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH** 1946-2026



Phần thứ nhất

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH

1. Khái quát quá hình thành và thay đổi địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ

Bắc Ninh là một miền đất cổ, có truyền thống lịch sử gắn bó với cả nước trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Từ thời vua Hùng đất nước được chia thành 15 Bộ, dọc theo bờ sông Cầu là Bộ Vũ - Ninh. Thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn một nghìn năm, theo Sách Đại Nam thống nhất chép: “Bắc Ninh thuộc quận Giao Chỉ (đời Hán), tức là đất hai huyện Luy Lâu và Long Biên; đời Ngô làm quận trị châu Giao, đời Nam Tấn là châu Vũ Ninh; đầu đời Đường là châu Long, tức là đất ba huyện Vũ Ninh, Bình Lạc, Long Biên và đất hai huyện Xương Quốc, Vũ Bình thuộc châu Đạo, sau bỏ châu và bỏ cả hai huyện Vũ Ninh và Bình Lạc; đem huyện Long Biên và Xương Quốc thuộc về An Nam đô hộ phủ¹”.

Dưới triều lý (1010-1225), sau khi dời đô về Thăng Long, Nhà Lý chia đất nước thành 24 Lộ, Bắc Ninh khi đó thuộc Lộ Bắc Giang. Trong thời Trần (1229 - 1400) vùng Bắc Ninh gồm Bắc Giang lộ và Như Nguyệt Giang lộ, đến cuối triều Trần, Như Nguyệt giang lộ đổi thành lộ Lạng Giang. Từ 1397 trở đi và dưới triều Hồ (1400 - 1407) Bắc Ninh được tổ chức thành Bắc Giang lộ đô tổng phủ. Kể từ năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) của nhà Minh, tỉnh Bắc Ninh bao gồm phủ Bắc Giang và châu Lạng Giang của phủ Lạng

¹ Đại Nam nhất thống chí, Sđd, tr 50.



Giang. Phủ Bắc Giang quản lý trực tiếp các huyện Siêu Loại và Gia Lâm. Nó bao gồm ba châu: Gia Lâm, Vũ Ninh và Bắc Giang. Thời thuộc Minh (1407-1427), Kinh Bắc gồm 2 phủ Bắc Giang và Lạng Sơn.

Thời nhà Lê (1428-1788), năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) Bắc Ninh thuộc Bắc Đạo, đời Thiệu Bình (1434) là lộ Bắc Giang thượng và lộ Bắc Giang hạ đặt làm Bắc Giang Thừa Tuyên; Năm thứ 10 (1469) - định lại bản đồ cả nước - đổi gọi là đạo Kinh Bắc. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490), Lê Thánh Tông tổ chức lại đất nước thành 13 xứ - Kinh Bắc đạo trở thành Kinh Bắc xứ, đến cuối thời Lê lại gọi là Trấn Kinh Bắc và kéo dài đến thời nhà Nguyễn (1802).

Thời nhà Nguyễn (1802-1945), năm Minh Mạng thứ 3 (1822) trấn Kinh Bắc đổi thành “Trấn Bắc Ninh”, đến năm 1831 vua Minh Mạng đổi tên Trấn Bắc Ninh thành tỉnh Bắc Ninh. Năm 1894, Pháp xâm chiếm tỉnh Bắc Ninh. Và từ năm 1895-1901 Bắc Ninh tách thành 3 tỉnh và cắt 14 tổng về cho Hải Dương, Thái Nguyên và Hưng Yên.

Tính chung ở thời kỳ Pháp thuộc (1895-1925), địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh liên tục thay đổi do sáp nhập thêm Hữu Lũng (Lạng Sơn) và chia tách một số đơn vị về Phù Lỗ. Giai đoạn từ 1925-1945, tỉnh Bắc Ninh được sáp nhập thêm Văn Giang, gồm 2 phủ, 8 huyện và 78 tổng, với 594 xã².

Thời kỳ (1945-1954), địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh cũng có nhiều thay đổi. Ngay sau khi Quốc hội khóa I được bầu và ban hành Hiến pháp 1946, đã phân chia cả nước thành 73 đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó có Bắc Giang và Bắc Ninh (gồm cả Gia Lâm). Từ năm 1946, để thuận lợi cho việc chỉ đạo công cuộc kháng chiến chống Pháp, Chính phủ

² Sách “*Những thay đổi địa danh và địa giới hành chính 1945-2002*”, Sđd, trang 43.



đã thành lập 9 chiến khu, khi đó Bắc Ninh (gồm Bắc Giang và Bắc Ninh) thuộc chiến khu 1 (gồm 12 tỉnh), rồi thuộc liên khu Việt Bắc (gồm 12 tỉnh và 01 đặc khu).

Thời kỳ (1954-1962), miền Bắc được chia ra thành khu tự trị Việt Bắc, khu tự trị Thái - Mèo, khu tự trị Lào Hà Yên, liên khu 3, 4 và khu Tả ngạn; trực thuộc Trung ương có 2 thành phố (Hà Nội và Hải Phòng), 01 đặc khu Hồng Quảng và 5 tỉnh (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang và Hải Ninh). Tỉnh Bắc Ninh khi đó có 1 thị xã Bắc Ninh và 8 huyện (Gia Lương, Gia Lâm, Yên Phong, Quế Dương, Tiên Du, Từ Sơn, Thuận Thành và Võ Giàng); tỉnh Bắc Giang gồm các huyện: Hiệp Hoà, Lục Ngạn, Yên Thế (1957 tách thành Yên Thế và Tân Yên), Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng, Sơn Động (1955 từ Quảng Yên nhập về Bắc Giang), Lục Nam (1957 thành lập từ một số xã của các huyện Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Ngạn, Sơn Động và 3 xã của huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Ngày 27/10/1962, Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá II đã ban hành Nghị quyết sáp nhập tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc. Trong thời gian này, việc chia tách và sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp huyện và xã cũng liên tục diễn ra. Đến cuối năm 1996, tỉnh Hà Bắc khi đó có 14 huyện và 02 thị xã với 10 phường, 01 thị trấn (Từ Sơn) và 320 xã.

Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 ban hành Nghị quyết tách tỉnh Hà Bắc thành tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh.

Sau 28 năm chia tách, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Ngày 12/6/2025, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XVI đã ban hành Nghị quyết 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính. Theo đó, đã sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy



mô dân số của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh mới có tên gọi là Bắc Ninh. Sau khi sắp xếp, tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 4.718,6 km² và quy mô dân số là 3.619.433 người; đồng thời cũng thực hiện chủ trương bỏ cấp huyện để thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 đã ban hành Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh còn 99 xã (gồm 33 phường và 66 xã).

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bắc Ninh mới chính thức được vận hành và hoạt động, trung tâm hành chính của tỉnh Bắc Ninh đặt tại phường Bắc Giang, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 50 km về phía Đông Bắc, có vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Thái Nguyên; Phía Tây giáp thủ đô Hà Nội; Phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên; Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh. Bắc Ninh có địa hình trải dài từ đồng bằng đến trung du và là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Bắc với châu thổ sông Hồng ở phía Nam. Vùng đồi núi thấp và đồng bằng trung du nằm kẹp giữa hai dãy núi hình cánh cung là cánh cung Đông Triều ở phía Đông Nam và cánh cung Bắc Sơn ở phía Tây Bắc. Tại vùng núi phía Đông Bắc của tỉnh, giáp với Quảng Ninh có khu rừng nguyên sinh Khe Rồ rộng 7.153 ha với hệ động vật và thực vật phong phú...

Về vị trí địa lý, là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, vùng thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Bắc Ninh có hệ thống giao thông kết nối thuận tiện gồm đường bộ, đường sắt và gần các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia. Ngoài ra, tỉnh còn nằm trên 2 hành lang kinh tế: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, với 5 sông lớn chảy qua gồm: sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Thương và sông Lục Nam.



Về văn hóa, Bắc Ninh là vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa, được xem là cái nôi của dân ca Quan họ và đồng sở hữu các di sản hát then, ca trù, Tín ngưỡng thờ mẫu Việt Nam đều được ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Bắc Ninh cũng là 1 trong 3 tỉnh, thành phố sở hữu Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn - Kiếp Bạc đã được UNESCO công nhận di sản thế giới. Trong năm, tỉnh có nhiều lễ hội truyền thống, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị, góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc song song với phát triển kinh tế hiện đại.

2. Khái quát về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh

Năm 1996, Hà Bắc khi đó vốn là tỉnh thuần nông, với điểm xuất phát thấp, kinh tế chậm phát triển, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế; sản xuất công nghiệp, thương nghiệp manh mún, nhỏ lẻ và phân tán; hạ tầng cơ sở lạc hậu, xuống cấp, giao thông bị chia cắt bởi các con sông lớn (chủ yếu dùng phà, đò ngang để qua sông); thu ngân sách Nhà nước thấp (chỉ đạt 301,5 tỷ đồng) chủ yếu do ngân sách Trung ương hỗ trợ; tỷ lệ hộ nghèo lớn (chiếm gần 30% gia đình toàn tỉnh).

Từ năm 1997, sau khi chia tách thành 2 tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng các khu, cụm công nghiệp, đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, đường, trường, trạm để phục vụ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Trải qua 28 năm, đến khi sáp nhập lại 2 tỉnh bộ mặt kinh tế - xã hội đã thay đổi rõ rệt. Đặc biệt trong khoảng 10 năm gần đây, Bắc Ninh đã nổi lên là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, với nhiều tập đoàn lớn đa quốc gia đến đầu tư, như: Samsung, Foxconn (Hồng Hải), Canon, Microsoft Mobile, Goertek, Amkor... lĩnh vực đầu tư chủ yếu là điện tử, công nghệ cao và sản xuất linh kiện, bán dẫn. Nhờ đó, quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp - dịch vụ.



Năm 2025, quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá hiện hành đạt 522,6 nghìn tỷ và tốc độ tăng trưởng đạt 10,27% đứng thứ 5/34 tỉnh, thành phố; so với năm 1996 (khi là tỉnh Hà Bắc) gấp 131 lần; GRDP bình quân đầu người đạt 5.852 USD, gấp 32 lần năm 1996. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp và dịch vụ. Năm 1996, tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,4%; khu vực dịch vụ chiếm 27,9%, còn khu vực nông nghiệp chiếm tới 51,7%. Đến năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng đã chiếm tới 71,3%; khu vực dịch vụ (gồm cả thuế sản phẩm) chiếm 22,3%, trong khi tỷ trọng khu vực nông nghiệp giảm mạnh, còn 6,5%.

Các ngành kinh tế then chốt và chủ lực đều đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh. Trong những năm đầu tách tỉnh, nông nghiệp là ngành giúp đảm bảo an ninh lương thực, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân của 2 tỉnh. Những năm sau, khi công nghiệp phát triển và mở rộng nhanh về quy mô, tỷ trọng, nông nghiệp dần chuyển hướng từ canh tác, chăn nuôi truyền thống sang “dồn điền, đổi thửa” sản xuất tập trung theo hướng cánh đồng mẫu lớn, tích tụ ruộng đất cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ và tích hợp đa giá trị theo hướng du lịch sinh thái; chăn nuôi chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ của hộ gia đình trong khu dân cư sang gia trại, trang trại tập trung quy mô lớn. Năng suất lúa đã tăng từ 35,5 tạ/ha năm 1997 lên 58,1 tạ/ha năm 2025 và sản lượng thóc tăng từ 687,8 nghìn tấn năm 1997 lên 867,7 nghìn tấn năm 2025. Diện tích gieo trồng cây lâu năm tăng từ 19.320 ha năm 1997 lên 54.645 ha năm 2025. Trong đó, cây vải năm 1997 mới có 3.803 ha, chiếm 19,7% diện tích cây lâu năm, đến năm 2025 đã tăng lên 29.978 ha, gấp gần 8 lần năm 1997 và chiếm tới 54,9% diện tích lâu năm; năng suất từ 25,7 tạ/ha năm 1997 đã tăng lên 77 tạ/ha năm 2025. Trong chăn nuôi, Bắc Ninh là một trong những tỉnh là thủ phủ chăn nuôi lợn và gia



cầm (chủ yếu là gà) và luôn đứng trong nhóm 5 tỉnh có sản lượng cao nhất cả nước. Đàn lợn, có thời điểm chăn nuôi lên tới 1,72 triệu con (2016) và tại thời điểm 31/12/2025 có 1,15 triệu con, gấp 1,2 lần năm 1997; đàn gia cầm có 25,7 triệu con, gấp 3,1 lần; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2025 đạt 252,1 nghìn tấn, gấp gần 4 lần năm 1997, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 166,4 nghìn tấn, gấp 14 lần và sản lượng trứng gia cầm đạt 646 triệu quả, gấp 10 lần năm 1997.

Trong công nghiệp, nhờ thế mạnh về vị trí địa lý với hệ thống đường giao thông kết nối nhanh với nhiều tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, lại sớm quy hoạch, đầu tư và xây dựng các khu công nghiệp tập trung với nhiều ưu đãi nên đã thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài, với nhiều dự án, doanh nghiệp quy mô lớn được thành lập và hoạt động, như: Samsung, Foxconn, Canon, Microsoft Mobile, Goertek, Amkor... đã tạo ra một “kỳ tích” cho tỉnh Bắc Ninh - từ một tỉnh thuần nông đã vươn lên trở thành “thủ phủ công nghiệp” của cả nước. Nếu như năm 1997, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) mới đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, đến năm 2025 đã trên 2,4 triệu tỷ đồng. Nhiều sản phẩm công nghiệp của Bắc Ninh đã được xuất khẩu khắp các châu lục, như: Điện thoại thông minh, màn hình điện thoại, tai nghe không dây, đồng hồ thông minh, máy in-photocopy, Pin, mạch điện tử, quần áo các loại, phân đạm,...

Các ngành thương mại và dịch vụ ngày càng phát triển và mở rộng nhanh cả về số lượng cơ sở và quy mô doanh thu. Những năm đầu mới chia tách tỉnh, các hoạt động thương mại, dịch vụ chủ yếu mang tính tự phát, tập trung vào các ngành dịch vụ có chất lượng và trình độ phục vụ thấp, sử dụng lao động chưa qua đào tạo, như: Thương nghiệp (chủ yếu bán lẻ, hàng xáo), cắt tóc vỉa hè, sửa chữa xe đạp... Những ngành dịch vụ “chủ chốt” có đóng góp lớn cho phát triển kinh tế như: Dịch vụ tài chính, du lịch, cung ứng lao động,... tuy đã được hình thành nhưng hiệu quả



mang lại chưa cao. Khi kinh tế phát triển, các ngành thương mại và dịch vụ đã “nở rộ” và phát triển nhanh với nhiều hình thức tổ chức hiện đại, dịch vụ hậu mãi chu đáo... đã đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đến năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh đạt 145,2 nghìn tỷ đồng, gấp 98 lần năm 1997; năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa bình quân đạt 40,7 triệu đồng/người, gấp 66 lần năm 1997 (đạt 0,62 triệu đồng); năm 2025, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 16,7 nghìn tỷ đồng, gấp 73 lần năm 1997.



Phần thứ hai

LỊCH SỬ 80 NĂM XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH (1946 - 2026)

Cùng chung bối cảnh của cả nước, lịch sử 80 năm xây dựng và hoạt động của ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh đi cùng với các dấu mốc và sự kiện của ngành Thống kê Việt Nam, đồng thời cũng gắn liền với những thay đổi của tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ, gồm:

1. THỜI KỲ 1946 - 3/1963;

2. THỜI KỲ 4/1963 - 12/1996;

3. THỜI KỲ 01/1997 - 6/2026.





CHƯƠNG I

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH TỪ NĂM 1946 - 3/1963

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Thời kỳ 1946 - 3/1963: Ngay sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhưng đến ngày 27/9/1945 thực dân Pháp nổ súng xâm chiếm Nam Bộ, đồng thời mượn cơ giải giáp quân đội Nhật, 20 vạn quân Tưởng đã kéo vào miền Bắc với ý đồ chiếm giữ lâu dài. Không để các thế lực thù địch chia cắt đất nước, hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 12/1946 Bắc Ninh cùng với cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời từ tháng 01/1953 đã bước đầu thực hiện cải cách ruộng đất ở các vùng tự do. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến, lập lại hoà bình, miền Bắc bước vào công cuộc khôi phục kinh tế và cải tạo Chủ nghĩa xã hội, đến năm 1960 đã cơ bản hoàn thành và chuyển sang thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, bộ máy chính quyền các cấp từng bước được hình thành và đi vào hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm là diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lúc này, yêu cầu đối với công tác thống kê là rất lớn, đó là: Thu thập, tổng hợp và báo cáo kịp thời cho Chính phủ, các cấp chính quyền về tình hình kinh tế - xã hội của các địa phương, làm cơ sở để Chính phủ đề ra các quyết



sách kịp thời về sản xuất và đời sống nhân dân dưới chế độ mới. Trong khi đó, số liệu thống kê vừa thiếu, vừa chậm lại được ghi chép và truyền đưa hoàn toàn chỉ bằng phương tiện thô sơ, bộ máy Thống kê các cấp chưa hình thành. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho công tác thống kê là phải hình thành tổ chức bộ máy thống kê. Trước tình hình đó, ngày 6/5/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SI thành lập Nha Thống kê trong Bộ Quốc dân Kinh tế, đây là mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời của ngành Thống kê Việt Nam.

II. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

1. Thời kỳ 1946-1955

Về mô hình tổ chức: Do đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, bộ máy hành chính các cấp liên tục di chuyển địa điểm làm việc, nên không thành lập bộ máy Thống kê riêng. Ở tỉnh Bắc Ninh, tổ chức Thống kê nằm trong Ty Kinh tế với nhiệm vụ phân phát các mẫu thống kê về giá thị trường cho các Đoàn Công an và mỗi tháng 2 kỳ làm báo cáo gửi về Nha Thống kê và Sở Kinh tế liên khu. Bên cạnh đó, các Ty chuyên ngành và Văn phòng Ủy ban Kháng chiến - Hành chính cũng thu thập các số liệu thống kê thuộc lĩnh vực quản lý để phục vụ yêu cầu điều hành của các cấp chính quyền và Chính phủ. Ở tỉnh, việc tổng hợp số liệu phục vụ công cuộc kháng chiến kiến quốc chủ yếu do Văn phòng Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh thực hiện và cũng chưa phân công cán bộ chuyên trách công tác thống kê, mà phân công ông Đỗ Lệnh Hanh, trưởng phòng I “Bộ phận văn phòng mật” (trong 8 phòng, Ban của Văn phòng Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh) kiêm công tác thống kê, tất cả cán bộ Văn phòng theo dõi lĩnh vực nào làm thống kê lĩnh vực đó, các trưởng Phòng, Ban đều có nhiệm vụ tổng hợp phần việc của phòng báo cáo cho phòng I để tổng hợp chung.



Về hoạt động thống kê: Với sự phân công như vậy, Văn phòng Ủy ban Kháng chiến-Hành chính của 2 tỉnh đã theo dõi tổng hợp khá đầy đủ các hoạt động kinh tế-xã hội, quân sự của tỉnh phục vụ công cuộc kháng chiến kiến quốc, như:

- Thống kê kết quả tăng gia sản xuất chống giặc đói, phát triển kinh tế dân sinh, công điền, công thổ, khai hoang phục hoá, tạm cấp ruộng đất, giảm tô, giảm tức, ruộng đất ngoại kiều; di dân cư; công kỹ nghệ; giao thông công chính, đường xá, đê điều, nông giang, tiếp tế, vận tải, bưu chính, tài chính, lương và cấp phát kinh phí cho các cơ quan, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, thị xã và các trại tù; cấp phát nguyên vật liệu, tồn quỹ ngân khố hàng năm.

- Thống kê kết quả hoạt động chống giặc đốt, dân sinh: Phong trào bình dân học vụ, tiểu học vụ và hoạt động của trường trung học, phong trào y tế, phòng bệnh; tình hình cứu tế, thương binh, hộ tịch, nhân lực, dân công.

- Thống kê phục vụ cuộc cải cách ruộng đất, tình hình nông dân, nông hộ, các thành phần giai cấp; tình hình trưng thu, trưng mua ruộng đất tài sản của phú nông, địa chủ chia cho dân nghèo; tình hình trưng tập cán bộ đi cải cách ruộng đất, sửa sai...

Đặc biệt trong giai đoạn này, Văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh đã tổ chức thống kê tổng hợp tình hình phục vụ cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: Thống kê kết quả tuyển quân, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, sử dụng xe cộ vận tải cho các chiến dịch; kết quả phong trào quyên góp “Tuần lễ vàng”, Phong trào “Hũ gạo kháng chiến”; Thống kê kết quả thực hiện “Vườn không nhà trống”; phá đường, lập trường ngại vật chặn đường tiến công của giặc; “Thống kê địch tình”: Tình hình càn quét, lấn chiếm của địch, tù binh, kết quả các trận đánh tiến công của quân dân trên địa bàn 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang.



Hoà bình lập lại, Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh đã tiếp tục theo dõi báo cáo kết quả công tác cải cách ruộng đất, sửa sai trong cải cách ruộng đất; báo cáo thiệt hại trong chiến tranh, các công trình đường, cầu cống, nông giang bị phá huỷ, diện tích cần được khai hoang, phục hoá.

Trên lĩnh vực văn hoá xã hội, đã thống kê, tổng hợp báo cáo với Ủy ban Hành chính tỉnh về số người bị đói, tản cư chưa về, số người mù chữ, số trẻ em từ 6 đến 12 tuổi chưa đi học... giúp Ủy ban Hành chính tỉnh chỉ đạo phong trào diệt dốt, xoá mù chữ và mở các trường học ở các khu vực...

2. Thời kỳ 1956-1963

Về mô hình tổ chức: Sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc, nhu cầu thông tin thống kê không chỉ tăng nhanh về số lượng mà còn đòi hỏi phải được nâng cao về chất lượng. Để kịp thời phục vụ cho nhiệm vụ khôi phục cải tạo, phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng kế hoạch, điều hành, quản lý nền kinh tế đất nước. Để kịp thời thực hiện công tác thống kê, ngày 20/02/1956 Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ 695/TTg về tổ chức Cục Thống kê Trung ương, các cơ quan thống kê địa phương và tổ chức thống kê các Bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Theo đó, ở địa phương có Ban Thống kê Liên khu (Khu Việt Bắc, Khu tự trị Thái Mèo và Khu Hồng Quảng); Ban Thống kê tỉnh, thành phố; ở cấp huyện có Thanh tra Thống kê và cấp xã có cán bộ phụ trách Thống kê.

Ở tỉnh Bắc Ninh, do chưa thành lập Ban Thống kê tỉnh và cũng chưa xây dựng được tổ chức Thống kê ở huyện và xã. Ở Ủy ban Hành chính (UBHC) tỉnh chỉ có 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác thống kê trong Ban Dân sinh Kinh tế và ở các huyện, thị cũng có 01 cán bộ văn phòng thuộc UBHC huyện kiêm nhiệm, còn ở xã tùy từng điều kiện sẽ do Chủ tịch UBHC phân công cán bộ thực hiện.



Ở tỉnh Bắc Giang, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Ủy ban Hành chính tỉnh, bộ phận Thống kê thuộc Văn phòng UBHC được tách ra và thành lập Ban Thống kê tỉnh Bắc Giang. Ông Nguyễn Thế Hồng (Kim Tiến) Chi sở phó Chi sở Thuế tỉnh Bắc Giang được điều động vào bổ nhiệm làm phó Ban (Nghị định số 2154/UB-BĐ ngày 20/12/1956) và 2 cán bộ là ông Đỗ Lệnh Hanh và Dương Minh Phồn.

Ngày 25/3/1957, Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 106/TTg về việc thành lập Ban Thống kê xã. Để đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa, ngày 8/4/1957, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 142/TTg - ND về việc Quy định lại tổ chức nhiệm vụ của cơ quan thống kê các cấp, các ngành, bãi bỏ Điều lệ 695/TTg ngày 20/02/1956, bộ máy Thống kê các cấp bao gồm 4 cấp: (1) Cục Thống kê Trung ương (nằm trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước); (2) Chi cục Thống kê liên khu, khu, tỉnh; (3) Phòng Thống kê huyện, châu; (4) Ban Thống kê xã.

Thi hành Nghị định số của Chính phủ, tháng 5/1957 tỉnh Bắc Ninh đã thành lập Chi cục Thống kê (cùng chung trụ sở với UBND tỉnh) với 8 cán bộ do Ông Nguyễn Huy Biên (tức Nguyễn Văn Thoại) nguyên Bí thư Huyện ủy Tiên Du giữ chức Chi cục trưởng và Ông Ngô Sỹ Tuấn, nguyên Ủy viên UBND Nhà nước giữ chức Phó Chi cục trưởng. Đến cuối năm 1957, đã tiếp nhận thêm 5 sinh viên khoa Thống kê của Trường Kinh tế Tài chính Trung ương về làm việc.

Ở tỉnh Bắc Giang, Chi cục Thống kê được thành lập trực thuộc UBND tỉnh có trụ sở làm việc riêng nằm trong khuôn viên UBND tỉnh (sau này là Sở Giáo dục-Đào tạo). Ông Nguyễn Thế Hồng (Kim Tiến) Phó trưởng Ban Thống kê tỉnh được bổ nhiệm Phó Chi cục trưởng phụ trách. Ngày 13/12/1957, Ông Nguyễn Thế Hồng được đề bạt Chi cục trưởng, ông Đỗ Lệnh Hanh được đề bạt Phó Chi cục trưởng (Nghị định số 2278/UB-ND UBND Nhà nước). Trong thời gian này ở Văn phòng Chi cục đã có 8 cán



bộ, phần lớn đều được tuyển dụng từ cán bộ đi cải cách ruộng đất trở về và bộ đội chuyển ngành.

Ở các huyện, thị và phủ đều thành lập Phòng Thống kê thay thế Thanh tra Thống kê. Theo đó, tỉnh Bắc Ninh đã thành lập 8 Phòng Thống kê và tỉnh Bắc Giang thành lập 10 phòng Thống kê. Khi mới thành lập, mỗi phòng chỉ có từ 2-3 cán bộ, chủ yếu là cán bộ làm công tác chính trị ở quân đội được điều động sang ngành Thống kê nên chưa có nghiệp vụ chuyên môn.

Ngày 21/12/1960, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quyết định số 15-NQ/TVQH về việc tách Cục Thống kê Trung ương ra khỏi UBKH Nhà nước, thành lập Tổng cục Thống kê. Ở tỉnh Bắc Ninh, Chi cục Thống kê có 16 cán bộ, do Ông Nguyễn Huy Biên làm Chi cục trưởng và Ông Ngô Sỹ Tuấn làm Phó chi cục trưởng. Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có 17 cán bộ, do ông Nguyễn Đông Nguyên - Trưởng ban Xây dựng công trường, Bí thư Đảng ủy công trường xây dựng Nhà máy xay xát Bắc Giang được Tỉnh ủy điều sang và đề bạt làm Chi cục Trưởng, ông Nguyễn Mậu Hãn làm Phó chi cục trưởng.

Theo quy định, ở Chi cục Thống kê tỉnh sẽ có các bộ phận chuyên môn và hành chính, gồm: Tổng hợp; Nông nghiệp; Công nghiệp - XDCB; Thương nghiệp, giá cả, vận tải và văn xã; Tổ chức, đào tạo; Hành chính, Văn thư, Kế toán.

Để công tác thống kê phục vụ kịp thời tình hình khi cả nước thực hiện Kế hoạch 6 năm lần thứ nhất (1961-1965), ngày 29/9/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 131- CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê. Theo Nghị định này, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo tập trung và thống nhất toàn bộ công tác điều tra thống kê theo



đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý phân tích các tài liệu thống kê có căn cứ khoa học về kinh tế, văn hoá, xã hội, nhằm phục vụ cho các công tác quản lý nhà nước, lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân.

Như vậy, từ năm 1956-1961, ngành Thống kê Việt Nam nói chung và Thống kê các tỉnh, thành phố liên tục có sự thay đổi về mô hình tổ chức, nhưng chức năng và nhiệm vụ ngày càng được bổ sung và hoàn thiện hơn. Đến cuối năm 1961, khi đã ổn định theo mô hình mới, Chi cục Thống kê tỉnh được thành lập các phòng và bộ phận sau:

(1) *Phòng Nông nghiệp*: Gồm các bộ phận theo dõi tiến độ sản xuất nông nghiệp; Thống kê chăn nuôi; Thống kê cơ bản HTX nông nghiệp và thu thập phân phối hoa lợi của Hợp tác xã Nông nghiệp; Thống kê đời sống nông dân.

(2) *Phòng Công Thương nghiệp*: Gồm các bộ phận: Thống kê Công nghiệp; Tiểu thủ Công nghiệp; Giao thông Vận tải, bưu điện; Thống kê Xây dựng cơ bản, Chỉ số Vật giá; Tài chính; Ngân hàng.

(3) *Phòng Tổng hợp*: Gồm các bộ phận cân đối kinh tế quốc dân, quản lý biểu mẫu, tổng hợp tình hình chung, lao động tiền lương, dân số, văn hoá xã hội, đời sống công nhân viên chức.

(4) *Bộ phận hành chính, văn thư kế toán*: Bộ phận này chủ yếu là phục vụ lãnh đạo, số lượng cán bộ từ 1-2 người nên chưa đủ điều kiện thành lập phòng.

III. NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Nhiệm vụ trong giai đoạn này của Thống kê địa phương được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều lệ 695/TTg ngày 20/02/1956 và Nghị định số 131/CP ngày 29/9/1961 là:



1. Thực hiện công tác thống kê do Chính phủ đề ra cho địa phương, thi hành chương trình và nhiệm vụ công tác do Tổng cục Thống kê đề ra.
2. Kiểm tra có hệ thống việc thực hiện kế hoạch trong địa phương mình phụ trách; nghiên cứu, phân tích những số liệu chứng minh việc phát triển kinh tế, văn hoá ở trong tỉnh, huyện...
3. Kiểm tra công tác thống kê ở các cơ quan, xí nghiệp trong phạm vi mình phụ trách và kiểm tra sự chính xác báo cáo của cơ quan đó.
4. Hệ thống hoá những số liệu thống kê kinh tế ở địa phương và báo cáo kịp thời lên tổ chức thống kê cấp trên.
5. Triệu tập hội nghị cán bộ thống kê và kế toán ở các cơ quan xí nghiệp trong phạm vi mình phụ trách để cải tiến công tác thống kê, kế toán.
6. Thường xuyên gửi báo cáo cho Ủy ban Hành chính địa phương gồm những báo cáo tổng kết thống kê, tình hình kinh tế - văn hoá ở địa phương, báo cáo phân tích, nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch ở địa phương, nội dung và cách thức làm các báo cáo do Thống kê Trung ương quy định.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

Trong thời gian 7 năm (4/1956-3/1963), Tổng cục Thống kê đã nghiên cứu, ban hành hơn 370 văn bản quy định, hướng dẫn và chỉ đạo về phương pháp nghiệp vụ và chế độ hoạt động của ngành Thống kê, nên hoạt động của ngành Thống kê đã phát triển khá toàn diện.

1. Thống kê phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương

Sau khi đã cơ bản ổn định về mô hình tổ chức, ngành Thống kê 2 tỉnh đã tập trung lực lượng cán bộ thu thập, tổng hợp, lập báo cáo phục vụ việc tổng kết nhiệm kỳ của HĐND các cấp từ 1959-1961, phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh. Ngành Thống kê đã xây dựng các báo cáo đánh giá tình



hình kinh tế - xã hội, đặc biệt là các nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) phản ánh kết quả xây dựng các tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã công tư hợp doanh tiểu tư sản, tiểu chủ... Đồng thời, triển khai xây dựng công tác thu thập thông tin và tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Với hệ thống biểu mẫu toàn diện, được áp dụng các phương pháp khoa học để thu thập, tổng hợp số liệu, các báo cáo thống kê là cơ sở quan trọng và chỗ dựa cho các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm. Từ năm 1961, ngành Thống kê là thành viên tham gia tích cực vào các hoạt động của tỉnh về công tác xây dựng kế hoạch và kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch. Trong thời gian này, Chi cục Thống kê 2 tỉnh đã chỉ đạo sát sao tới từng phòng, từng cán bộ phải chuẩn bị đầy đủ các tư liệu về kế hoạch (Cả chỉ tiêu và văn bản); coi trọng độ chính xác của các con số trong báo cáo chính thức, báo cáo nhanh (Tiến độ 10 ngày đối với sản xuất nông nghiệp; công trình xây dựng cơ bản...), báo cáo định kỳ tháng, quý, năm đều phải so sánh với kế hoạch... đã giúp cho cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp có các biện pháp tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Từ các nhiệm vụ kế hoạch, các ngành, các cấp đã phát động nhiều phong trào thi đua như “Tổ lao động Xã hội chủ nghĩa” trong công nhân viên chức, “Gió đại phong” trong nông nghiệp, “Hai tốt” trong giáo dục, “3 nhất” trong quân đội,... đều yêu cầu thống kê theo dõi, xét duyệt hoàn thành kế hoạch. Từ năm 1961, Thống kê giữ vai trò chủ đạo giúp Ủy ban Hành chính cấp tỉnh xét duyệt mức độ hoàn thành kế hoạch ở các đơn vị huyện, ngành và các xí nghiệp.



2. Hoạt động nghiệp vụ thống kê ngày một tiến bộ và hoàn thiện

2.1. Về phương pháp chế độ

Trong giai đoạn này ngành Thống kê đã phối hợp với các ngành nghiên cứu triển khai, chỉ đạo các đơn vị kinh tế - xã hội thực hiện các báo cáo: Báo cáo nhanh (tiến độ) trong sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ; báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và cả năm đối với các Xí nghiệp, Hợp tác xã, nông, lâm trường...; sản xuất kinh doanh ổn định trong các lĩnh vực kinh tế công nghệ, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, vật tư kỹ thuật, xây dựng cơ bản... Đã áp dụng các phương pháp điều tra đối với các cuộc tổng điều tra lớn và điều tra định kỳ, như: Tổng điều tra dân số 01/3/1960; điều tra toàn diện các chỉ tiêu về diện tích đất đai, diện tích gieo trồng, trồng cây gây rừng; điều tra chăn nuôi, thủy sản, sử dụng lao động nông nghiệp, tình hình cơ bản Hợp tác xã; thu nhập và ăn chia phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp; điều tra tồn kho hàng hoá, vật tư, thiết bị kỹ thuật; điều tra tiểu thương; điều tra điển hình, chọn mẫu đối với năng suất cây trồng, đời sống nông dân, tính toán sức mua xã hội, xác định chỉ số giá cả một số nhóm hàng, tính tỷ lệ sinh tử và kết hôn trong dân số; áp dụng phương pháp tính toán một số chỉ tiêu: Giá trị Tổng sản lượng nông nghiệp, vận tải; giá thành và phí lưu thông trong sản xuất công nghiệp; cân đối vật chất; cân đối tiền tệ trên địa bàn theo hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê ngày một hoàn thiện hơn, phù hợp với từng loại báo cáo ở các ngành kinh tế quốc dân, gồm cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu chất lượng; cả chỉ tiêu ghi chép đăng ký ban đầu và chỉ tiêu tính toán phân tích...

2.2. Các nghiệp vụ Thống kê

Thống kê Công nghiệp: Thống kê Công nghiệp được hình thành từ những năm 1950, đến năm 1956 Cục Thống kê Trung ương tiếp tục



ngiên cứu, hoàn thiện cả phương pháp và chỉ tiêu thu thập thống kê. Năm 1960 bắt đầu áp dụng rộng rãi phương pháp điều tra, để thu thập số liệu về công nhân chuyên nghiệp; điều tra đánh giá kết quả cải tạo và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; áp dụng chế độ thống kê giá thành và phí lưu thông trong sản xuất công nghiệp, đồng thời áp dụng chế độ báo cáo định kỳ cho công nghiệp địa phương. Năm 1961 tiếp tục điều tra lao động vận tải lâm sản và khai thác than; hướng dẫn cho các xí nghiệp thống nhất phương pháp thống kê sáng kiến, phát minh cải tiến kỹ thuật sản xuất, quản lý xí nghiệp. Thống nhất so sánh phương pháp tính đổi giá trị tổng sản lượng theo giá hiện hành sang giá cố định. Từ năm 1962 ngành Thống kê tiếp tục mở rộng phạm vi thu thập sang ngành Bưu điện, vận tải, quy định báo cáo định kỳ cho ngành Điện, ngành Thăm dò địa chất; hướng dẫn phương pháp tính chi phí giá thành công nghiệp, tính quy đổi lao động công nhật sang người lao động trong danh sách của xí nghiệp; quy định tính khấu hao tài sản, thiết bị máy móc trong giá thành công nghiệp... Ngành Công nghiệp đã có được hệ thống biểu mẫu báo cáo trong phạm vi toàn tỉnh ở tất cả các lĩnh vực.

Thống kê Nông nghiệp: Thực hiện sự chỉ đạo của Cục Thống kê Trung ương, Thống kê tỉnh đã tiến hành tính giá trị tổng sản lượng nông nghiệp. Năm 1956 triển khai báo cáo tiến độ sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ, tiến hành điều tra đất đai. Năm 1957 điều tra sản lượng thu hoạch vụ đông xuân. Năm 1959 điều tra chăn nuôi; điều tra tình hình tổ đổi công, cơ bản hợp tác xã nông nghiệp; điều tra ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp; điều tra tình hình thu nhập, ăn chia phân phối của hợp tác xã và điều tra đời sống nông dân. Năm 1960 điều tra điển hình năng suất cây trồng: Lúa, hoa màu; điều tra thủy lợi, kết hợp điều tra chăn nuôi thủy sản trên các mặt nước. Năm 1961 bắt đầu áp dụng hệ thống biểu mẫu báo cáo diện tích năng suất, sản lượng cây trồng



phân theo đơn vị hành chính và thành phần kinh tế; kết hợp điều tra đời sống với điều tra hợp tác xã nông nghiệp, nhằm đánh giá mức sống của nông dân tập thể, đồng thời điều tra tình hình sử dụng lao động trong hợp tác xã, nhằm phát triển ngành nghề trong hợp tác xã, xoá tình trạng “nông nhàn”.

Năm 1962 áp dụng phương pháp và công thức tính một số chỉ tiêu trong trồng trọt và chăn nuôi quy đổi sản lượng màu lương thực sang thóc phục vụ phân tích số liệu điều tra.

Thống kê Xây dựng cơ bản: Ngay từ năm 1957 đã áp dụng phương pháp thu thập số liệu định kỳ đối với các đơn vị quản lý công trình và xây lắp. Năm 1959 áp dụng báo cáo nhanh hàng tháng. Năm 1960 áp dụng báo cáo nhanh 10 ngày, theo tiến độ xây lắp, tiến độ đầu tư vốn, cung cấp vật tư cho các công trình trên hạng ngạch. Năm 1961 áp dụng hệ thống biểu mẫu mới về Thống kê Xây dựng cơ bản. Năm 1962 áp dụng chế độ báo cáo nhanh 10 ngày/lần đối với các công trình trọng điểm về vốn và khối lượng xây dựng hoàn thành. Năm 1963 tiến hành điều tra toàn diện về đầu tư xây dựng cơ bản đối với cấp xã và hợp tác xã nông nghiệp.

Thống kê Thương nghiệp: Tháng 4/1956, Thống kê tỉnh đã tiến hành kiểm kê hàng hoá tồn kho. Năm 1957 điều tra tình hình hàng hoá bán ra của nông dân và điều tra tính sức mua hàng hoá xã hội và áp dụng hệ thống biểu mẫu báo cáo định kỳ trong các đơn vị kinh doanh thương nghiệp. Năm 1958 tiến hành điều tra, xác định quyền số tính chỉ số bán lẻ, tính thu nhập về tình hình hàng hoá bán ra của nông dân; áp dụng phương pháp tính sản lượng thuần túy ngành thương nghiệp, cách thức chọn mẫu điển hình; điều tra tính sức mua các mặt hàng chủ yếu. Năm 1960 tiếp tục điều tra tính chỉ số vật giá thị trường - chợ nông thôn; điều tra tiểu thương; điều tra hàng tồn kho 1/7; áp dụng phương pháp thu thập thuần túy trong ngành ăn uống và cung cấp vật tư. Năm 1961 áp dụng chế độ hạch toán



thống kê giá thành và chi phí lưu thông trong kinh doanh thương nghiệp cả nội thương và ngoại thương; điều tra điển hình thị trường tự do và hợp tác xã mua bán. Năm 1962 tiếp tục điều tra giá nông sản, sản phẩm chăn nuôi; điều tra giá thành và thu mua một số sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và ngư nghiệp, giá thu mua một số cây công nghiệp: Chè, mía, tơ tằm, kiểm kê tồn kho lương thực và bông vải sợi.

Thống kê Vật tư: Năm 1960 bắt đầu thực hiện thống kê vật tư chủ yếu bằng phương pháp báo cáo định kỳ theo hệ thống biểu mẫu thống nhất. Tháng 5/1960 thực hiện chế độ báo cáo về cung cấp vật tư. Tháng 10/1960 báo cáo tồn kho một số sản phẩm chủ yếu thuộc tư liệu tiêu dùng. Năm 1961 áp dụng danh mục kim khí, ký hiệu sản phẩm kim khí và quy định danh mục vật tư trong kỳ theo hệ thống biểu mẫu mới do Cục Thống kê Trung ương ban hành, tiến hành điều tra tình hình tăng, giảm 14 loại thiết bị chủ yếu. Năm 1962 tiếp tục điều tra đánh giá lại tài sản cố định các ngành kinh tế quốc dân.

Thống kê Dân số: Năm 1957 áp dụng phương pháp thống nhất phân định danh giới giữa thị trấn và nông thôn, làm cơ sở phân loại nhân khẩu giữa thành thị và nông thôn. Năm 1959 tạm thời áp dụng biện pháp điều tra sổ hộ, nắm tình hình dân số toàn miền Bắc sau cuộc kháng chiến chống Pháp. Đầu năm 1959 tiến hành đăng ký nhân khẩu chuẩn bị cho Tổng điều tra Dân số toàn miền Bắc dự kiến vào thời điểm 01/10. Ngày 24/9/1959, Chính phủ ban hành Thông tư số 343/TTCP về việc hoãn cuộc Tổng điều tra năm 1959 chuyển sang thời điểm 01/3/1960.

Chi cục Thống kê tỉnh được giao là cơ quan thường trực cuộc Tổng điều tra lớn đầu tiên ở miền Bắc. Ở tỉnh Bắc Ninh, Ông Lê Trung, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBHC tỉnh làm Trưởng ban; Ông Nguyễn Huy Biên, Chi cục trưởng làm Phó trưởng ban Thường trực và một số Trưởng, Phó trưởng phòng ở các Ty/Ngành làm Ủy viên. Ở tỉnh Bắc Giang, Ông



Ngô Duy Phương - Phó Chủ tịch UBHC tỉnh làm Trưởng ban; Ông Nguyễn Mậu Hãn - Phó Chi cục trưởng làm Ủy viên Thường trực. Đầu năm 1960, ông Nguyễn Đông - Chi cục trưởng làm Ủy viên Thường trực thay ông Nguyễn Mậu Hãn đi học. Ngành Thống kê đã tập trung cán bộ toàn ngành cho cuộc Tổng điều tra, chỉ đạo hàng ngày tới thôn, bản, điều tra viên là trưởng thôn, giáo viên cấp I, cấp II đều được tập huấn nghiệp vụ.

Ngành Thống kê đã tham mưu cho Tỉnh uỷ, UBHC 2 tỉnh ban hành Chỉ thị về lãnh đạo cuộc Tổng điều tra, đồng thời tổ chức công tác tuyên truyền, kẻ vẽ khẩu hiệu panô, áp phích ở các nơi công cộng, sử dụng học sinh cấp I, II đi cổ động, coi ngày điều tra là một ngày hội, tất cả các gia đình đều được học tập, phổ biến khai báo chính xác cho điều tra viên về các tiêu thức trong tờ phiếu...Cuối năm 1960 cuộc Tổng điều tra đã có số liệu công bố. Theo kết quả, dân số của tỉnh Bắc Ninh có 401.808 người trong đó nam 184.920 người, nữ 216.888 người; dân số thành thị chiếm 6,2%, nông thôn 93,8%; toàn tỉnh có 5 dân tộc, trong đó dân tộc kinh chiếm tới 99,93%. Dân số của Bắc Giang có 532.352 người, nam 251.475 người, nữ 271.877 người; dân số thành thị 4,9%, nông thôn 95,1%; người chưa biết chữ chiếm 36,1% dân số; toàn tỉnh có 13 dân tộc, trong đó dân tộc kinh chiếm 93,8%; lao động nông nghiệp chiếm 93,7% tổng lao động toàn tỉnh.

Từ 1960, ngành Thống kê đã phối hợp với ngành Công an xây dựng sổ sách, ghi chép, quản lý hộ tịch, hộ khẩu, ban hành Điều lệ quản lý hộ khẩu, đăng ký sinh, tử, kết hôn, làm cơ sở cho điều tra điển hình tính tỷ lệ phát triển dân số hàng năm và cũng từ tháng 3 năm 1961, thống kê dân số được tiến hành thường xuyên. Năm 1962, bắt đầu áp dụng phương pháp chọn xã điển hình cho từng vùng để tính tỷ lệ phát triển dân số thay cho điều tra. Đầu năm 1963 áp dụng biểu mẫu nhân khẩu nông nghiệp, phi nông nghiệp, nhân khẩu trong độ tuổi lao động trong báo cáo dân số hàng năm.



Thống kê Lao động: Năm 1957 áp dụng phương pháp xác định tổng mức tiền lương và phụ cấp ngoài lương làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và thống kê lao động, tiền lương. Năm 1958, 1959 tiếp tục bổ sung quy định này. Năm 1960 tiến hành điều tra tình hình sử dụng lao động ở thành thị; điều tra số lượng, chất lượng công nhân chuyên nghiệp và cán bộ kỹ thuật trong một số ngành sản xuất chủ yếu; thực hiện theo dõi và báo cáo lao động tiền lương trong khu vực không sản xuất vật chất. Năm 1961, tiếp tục điều tra diễn hình sử dụng lao động nông thôn, sử dụng lao động thành thị (tháng 7 và 12/1961) và tiến hành điều tra toàn diện về cán bộ, công nhân viên chức trong ngành kinh tế quốc dân. Năm 1962 áp dụng biểu mẫu báo cáo danh sách cán bộ công nhân viên chức. Thực hiện chế độ báo cáo lao động tiền lương trong các xí nghiệp có phân loại theo ngành, trình độ và tiến hành điều tra hàng năm về công nhân viên chức, cùng với quy định báo cáo định kỳ về công nhân viên chức trong khu vực không sản xuất vật chất.

Thống kê Đời sống công nhân viên chức: Năm 1957, ngành Thống kê tiến hành điều tra thu, chi gia đình công nhân viên chức; từ năm 1959 đến 1962 đều tiến hành điều tra, đánh giá mức sống của gia đình công nhân viên chức về thu nhập, nhân khẩu, lao động. Từ năm 1962 áp dụng chế độ báo cáo quý, năm về tình hình nhân khẩu, lao động của gia đình công nhân viên chức. Năm 1963 áp dụng chế độ báo cáo định kỳ quý, năm theo hệ thống biểu mẫu về tình hình lao động, nhân khẩu và thu nhập của gia đình công nhân viên chức.

Thống kê Văn xã: Hoạt động của thống kê văn xã thực hiện chậm hơn so với tất cả nghiệp vụ thống kê khác. Năm 1962, mới bắt đầu thực hiện thống kê y tế, bằng phương pháp thu thập, báo cáo định kỳ. Năm 1963 bắt đầu quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình phát triển sự nghiệp thể dục thể thao. Tháng 2/1963 chuẩn bị cho tổ chức thực hiện



thống kê tình hình giáo dục (Thời điểm này, Chi cục Thống kê mới có một số cán bộ phụ trách thống kê văn xã, nằm trong Phòng Công-Thương nghiệp).

Thống kê Tổng hợp: Năm 1957, tính cân đối tài chính tổng hợp. Năm 1960 ngành Thống kê đã tập trung cán bộ các Phòng giúp UBHC tỉnh tính toán mức độ hoàn thành kế hoạch 3 năm cải tạo Xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960); tính mức độ hoàn thành kế hoạch năm 1960, làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch năm 1961 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), cũng từ năm 1960 Chi cục Thống kê bắt đầu tính cân đối thu, chi tiền tệ trên địa bàn, năm 1961 thí điểm tính thu nhập quốc dân chuẩn bị triển khai nhiệm vụ này cho những năm sau.

3. Các ấn phẩm của ngành Thống kê

Trong điều kiện cán bộ còn thiếu, trình độ có hạn, trang thiết bị lạc hậu, cũ kỹ, ngành Thống kê không chỉ tập trung làm tốt công tác thống kê hàng năm, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, mà còn biên soạn và xuất bản một số ấn phẩm quan trọng, như:

(i) Tháng 2/1957, Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang biên soạn và xuất bản tập số liệu về tình hình kinh tế, văn hoá xã hội gồm 27 biểu... đây chính là **Niên giám Thống kê** đầu tiên của ngành. Tập số liệu này đã phản ánh khá đầy đủ các mặt kinh tế - xã hội, với 6 mục lớn: (1) Diện tích tự nhiên; (2) Dân số; (3) Kết quả sản xuất nông - lâm nghiệp; (4) Công nghiệp, thương nghiệp; (5) Kết quả thu-chi ngân sách; (6) Kết quả các hoạt động văn hoá, xã hội và công cuộc cải cách ruộng đất, cải cách dân chủ... Từ năm 1958, đã tiến hành biên soạn Tập số liệu hàng năm và xây dựng sổ theo dõi số liệu hàng năm ở các Phòng nghiệp vụ.

(ii) Tháng 10/1962, Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh biên soạn và xuất bản cuốn “Sổ tay Thống kê Nông nghiệp”, gồm 2 tập: Tập I - Thống kê



tình hình sản xuất trong Kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế (1955-1957);
Tập II - Kết quả 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế (1958-1960).

(iii) Tháng 11/1962, Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh tiếp tục biên soạn và xuất bản cuốn “Số liệu Thống kê tình hình 7 năm khôi phục, phát triển kinh tế và văn hóa 1955-1961” phản ánh cơ bản đầy đủ số liệu của các ngành, lĩnh vực của tỉnh Bắc Ninh, gồm các nội dung: (1) Vị trí địa lý, khí tượng và dân số; (2) Những chỉ tiêu tổng hợp; (3) Công nghiệp; (4) Nông nghiệp; (5) Thương nghiệp; Xây dựng cơ bản; (6) Vận tải, bưu điện; (7) Đời sống văn hóa, y tế, giáo dục.

Từ những kết quả trên, ngành Thống kê đã giúp cho cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp chỉ đạo khôi phục và cải tạo kinh tế trong những năm đầu sau hoà bình lập lại. Khôi phục và xây dựng mới các công trình giao thông, thuỷ lợi; bệnh viện, trường học bị tàn phá trong chiến tranh; xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã và phát triển ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải; phát triển kinh tế công nghiệp, thành lập các xí nghiệp tập thể ở các huyện, xí nghiệp công tư hợp doanh với tư sản, tiểu chủ ở một số lĩnh vực vận tải, cảng gổm; chỉ đạo phát triển sự nghiệp y tế, bảo vệ sức khoẻ, thể dục thể thao và sự nghiệp giáo dục... với những kết quả hoạt động của mình ngành Thống kê ngày càng được cấp uỷ Đảng và Chính quyền coi trọng, tích cực chỉ đạo phát triển về tổ chức và đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ, xây dựng mạng lưới tổ chức ở hầu hết các ngành, các cấp, các đơn vị.

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH; CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ

1. Tỉnh Bắc Ninh

Khi mới thành lập năm 1957, Chi cục Thống kê được sử dụng nhà của UBKH Nhà nước (thuộc khu Bách hóa Tổng hợp, ở Tiền An, thị xã Bắc



Ninh), gồm 4 phòng làm việc với trang bị chủ yếu là bàn và tủ bằng gỗ tạp; công cụ tính toán là một số bàn tính gậy tay; phương tiện đi lại là xe đạp riêng của cán bộ. Đến cuối năm 1960, Chi cục Thống kê đã chuyển trụ sở lên Trung tâm các cơ quan tỉnh ở dốc Suối Hoa. Ở các huyện, phòng Thống kê nằm trong trụ sở Văn phòng UBHC các huyện, thị xã; có 1 phòng làm việc là 01 gian nhà, phương tiện làm việc có tủ và bàn ghế.

2. Tỉnh Bắc Giang

Tháng 7/1956 Ban Thống kê Bắc Giang tách khỏi Văn phòng UBHC tỉnh, Ban có trụ sở làm việc riêng gồm 3 gian nhà tranh tre cạnh UBHC tỉnh (cũ), phương tiện làm việc như bàn, ghế, tủ từ Văn phòng UBHC tỉnh chuyển sang, phương tiện tính toán là 2 bàn tính gậy. Năm 1960, UBHC tỉnh cấp kinh phí cho Chi cục xây dựng trụ sở làm việc gồm 3 căn nhà cấp IV, với 12 gian, khi xây xong UBHC tỉnh giao cho Ủy ban Kế hoạch tỉnh sử dụng, Văn phòng Chi cục Thống kê được chuyển đến tiếp nhận trụ sở làm việc của Chi sở rượu gần chợ Thương nay là đường Lý Thái Tổ đối diện Công ty Lương thực, với 3 căn nhà tre lợp ngói, gồm 10 gian, phương tiện làm việc không có gì thay đổi.

Ở các huyện, thị, phòng Thống kê được UBHC huyện, thị bố trí nơi làm việc, mỗi phòng có từ 1 đến 3 gian nằm trong khuôn viên UBHC huyện, phương tiện làm việc như bàn, ghế, tủ... do Văn phòng UBHC huyện, thị trang bị mỗi phòng có từ 1 đến 2 bàn tính gậy; các báo cáo do cán bộ thống kê lập xong cần đánh máy, nhân bản, nhân viên đánh máy của huyện, thị đảm nhận, kể cả công văn đi, đến đều được gửi, nhận thông qua Văn phòng UBHC huyện, thị.

3. Công tác đào tạo cán bộ thống kê

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên ngành Thống kê, thực hiện sự chỉ đạo của Cục Thống kê Trung ương,



trong điều kiện có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhưng Chi cục Thống kê 2 tỉnh đã mở các lớp để đào tạo kiến thức thống kê cho cán bộ.

Ở tỉnh Bắc Ninh, tháng 6/1958 Chi cục Thống kê đã mở 01 lớp đào tạo cho cán bộ thống kê huyện, thị xã tại xóm 10 Đại Phúc với thời gian 10 ngày, giảng viên là Lãnh đạo Chi cục và một số bộ phận nghiệp vụ.

Ở tỉnh Bắc Giang, cuối năm 1960 Chi cục Thống kê đã mở lớp đào tạo nghiệp vụ Thống kê tại thôn Địa Núi xã Đình Trì, huyện Lạng Giang, phụ trách công tác đào tạo là ông Nguyễn Đông - Chi cục trưởng; Ông Nguyễn Mậu Tiến và Ông Khắc Kỷ tham gia công tác giảng dạy, lớp đào tạo được một số khoá (mỗi khoá từ 7 đến 30 ngày), đối tượng đào tạo là cán bộ thống kê tỉnh và huyện, đến cuối năm 1961 đã hoàn thành chương trình đào tạo và giải thể lớp.





CHƯƠNG II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC THỜI KỲ 4/1963-12/1996

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Bối cảnh chung và điều kiện tự nhiên

Ngày 27/10/1962, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa 2 đã ban hành Nghị quyết hợp nhất tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc, trung tâm tỉnh lỵ đóng tại thị xã Bắc Giang. Tỉnh Hà Bắc khi hợp nhất có diện tích 4.216,3 km², dân số 1.000.305 người, gồm 14 huyện, 2 thị xã với 353 xã, phường, thị trấn. Trong tỉnh có 3 vùng: Đồng bằng, Trung du và Miền núi; có 5 con sông chảy qua, với tổng chiều dài 396 km (sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Thái Bình); có 5 tuyến quốc lộ chạy qua với tổng chiều dài 310 km; 9 tuyến tỉnh lộ tổng chiều dài 278 km; 2 tuyến đường sắt chạy qua.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn từ tháng 4/1963 đến hết năm 1996: Tình hình kinh tế - xã hội của Hà Bắc cũng như của cả nước có nhiều biến động, có thể phân làm 3 thời kỳ lịch sử với những nhiệm vụ trọng tâm khác nhau:

A. Thời kỳ 4/1963 - 12/1975: Vừa xây dựng Chủ nghĩa xã hội vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

Sau khi hợp nhất, ngày 27/02/1963 UBHC tỉnh lâm thời đã tổ chức kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh Hà Bắc, để bầu ra UBHC và các cơ quan của HĐND tỉnh khoá I. Từ ngày 16-26/10/1963, tiến hành Đại hội Đảng



bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ nhất để bầu BCH mới, cũng trong thời gian này, UBHC tỉnh Hà Bắc đã quyết định thành lập các cơ quan trực thuộc UBHC tỉnh, trong đó có Chi cục Thống kê, đồng thời tiếp tục chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ 2 năm cuối của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ lấy cớ Sự kiện Vịnh Bắc bộ để tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Từ năm 1965, không quân và hải quân Mỹ bắt đầu bắn phá từ vĩ tuyến 17 ra miền Bắc, ngày 23/8/1965 chúng bắn phá vào Hà Bắc và từ đó Hà Bắc cùng miền Bắc bước vào giai đoạn vừa xây dựng Chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

* Hai năm đầu hợp nhất (1963 - 1964) Đảng bộ và nhân dân Hà Bắc tiếp tục phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) mà trước đó nhân dân 2 tỉnh đang thực hiện. Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế, củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa ở tất cả các ngành kinh tế: Nông nghiệp, thương nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải với mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng hợp tác xã bậc cao. Đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chất lượng công trình xây dựng cơ bản.

*Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XI (khoá III), ngày 28/8/1965, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết lãnh đạo chuyển hướng toàn diện tư tưởng, tổ chức kinh tế - xã hội và quốc phòng sang thời chiến, Nghị quyết nêu rõ "Tự lực cánh sinh, tin tưởng vào khả năng của mình, bất kỳ tình huống nào cũng nắm vững, đảm bảo chiến đấu thắng lợi, đảm bảo sinh hoạt của nhân dân về mọi mặt. Ra sức phát triển sản xuất, củng cố hợp tác, củng cố các cơ sở kinh tế, quyết tâm xây dựng hậu phương giàu mạnh... củng cố đầy đủ tiềm lực cho quốc phòng, làm tốt



việc xây dựng cho quân đội và làm đúng trách nhiệm chi viện cho miền Nam và quốc tế...”.

Trước tình hình mới, cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhận rõ vị thế quan trọng của tỉnh, ngay từ ngày đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, Đảng bộ tỉnh đã thực hiện chiến tranh nhân dân và xây dựng quốc phòng toàn dân xây dựng mạng lưới phòng không nhân dân, chủ động đối phó với địch.

Ngày 23/8/1965 địch bắt đầu không kích bắn phá vào sân bay Kép, đến năm 1966 cả 16 huyện, thị xã trong tỉnh phải đương đầu với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*. Lời kêu gọi của Bác Hồ là tiếng gọi của non sông, đất nước, quân và dân Hà Bắc đã quyết tâm thi đua lao động sản xuất, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đã bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, bắt sống giặc lái, được Bác Hồ gửi thư khen và tặng Cờ luân lưu năm 1968. Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, ngày 31/3/1968 đế quốc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt việc ném bom bắn phá miền Bắc, song Đảng bộ và nhân dân Hà Bắc cùng cả nước nêu cao cảnh giác cách mạng, tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong thời chiến *“Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, tiếp tục chi viện cho miền Nam”*.

Giữa lúc nhân dân cả nước đang phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội lần thứ hai, ngày 2/9/1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đảng bộ Hà Bắc đã mở đợt sinh hoạt chính trị *“Học tập và làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch”*, quân và dân Hà Bắc đã biến đau thương thành hành động cách mạng, ra sức thi đua sản xuất, chiến đấu



và đẩy mạnh các hoạt động chính trị xã hội, đặc biệt là phong trào thi đua “Thóc đủ cân, quân đủ số”, phong trào quyết thắng sôi động khắp các địa phương trong tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 5 con sông lớn chảy qua, địa hình bị chia cắt thành 3 vùng, nên hàng năm thường bị lũ lụt đe dọa. Từ ngày 16/7-22/8/1971 trận lũ lịch sử của miền Bắc đã ngập nhiều tỉnh quanh Hà Bắc, đã làm vỡ đê Nhất Trai (Gia Lương), Cống Thôn (khu vực Bắc Đuống) và nhiều đê nhỏ khác, làm ngập hoàn toàn các huyện Gia Lương, Tiên Sơn, Yên Phong và thị xã Bắc Ninh (riêng huyện Thuận Thành chỉ ngập một phần) gây thiệt hại nhiều nhà cửa, tài sản, mùa màng, gây khó khăn cho đời sống nhân dân trong tỉnh. Năm 1972, lại tiếp tục hạn hán kéo dài suốt 6 tháng đầu năm, sau đó lại úng ngập 30% diện tích lúa mùa (toàn khu vực đồng bằng Bắc Bộ ngập 65%).

Mùa xuân năm 1972 quân và dân ta mở các cuộc tấn công và giành những thắng lợi quan trọng trên các mặt trận từ Quảng Trị, Tây Nguyên đến đồng bằng Nam Bộ. Để gỡ lại thế thất bại ở miền Nam, đầu tháng 4/1972 Mỹ lại dùng tàu chiến, máy bay đánh phá trở lại miền Bắc quy mô rộng hơn, ác liệt hơn, nhằm huỷ diệt tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, làm suy yếu miền Bắc, gây sức ép giảm sức tấn công của quân và dân miền Nam, cuộc chiến tranh phá hoại lần này chúng đánh cả ban ngày lẫn ban đêm, dùng pháo đài B52 phá huỷ các mục tiêu kinh tế, nhà máy, cầu cống, đường sông, đường bộ, nhà trường, bệnh viện, khu dân cư tập trung... thị xã Bắc Giang và Bắc Ninh là một trong những mục tiêu bị huỷ diệt.

Trước tình hình này, tỉnh ta tăng cường củng cố lực lượng dân quân tự vệ, trang bị vũ khí, cùng các đơn vị chính quy tham gia trực chiến, thành lập các đội cứu thương, công binh, cứu hoả, cứu sập hầm... sẵn sàng ứng cứu khi có chiến sự. Trong 8 tháng liên tục chiến đấu, đánh trả máy bay địch, đến tháng 12/1972 quân và dân Hà Bắc đã đánh trả 454 trận với



6.220 lần chiếc máy bay, đã bắn rơi 162 máy bay, bắt sống 92 giặc lái; huy động 6.300 lượt ngày công đào đắp các trận địa mở đường cho pháo và tên lửa vào trận địa... góp phần quan trọng cùng lực lượng không quân làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ trên không tháng 12/1972. Với thắng lợi oanh liệt của quân dân cả nước, ngày 27/01/1973 đế quốc Mỹ phải xuống thang ký hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Miền Bắc bước vào thời kỳ hoà bình, khôi phục và phát triển kinh tế, tiếp tục chi viện cho miền Nam đấu tranh thống nhất đất nước.

Hậu quả của cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ làm cho kinh tế miền Bắc gặp nhiều khó khăn trở ngại. Các cơ sở kinh tế quốc dân bị phá huỷ, các công trình giao thông bị thiệt hại nặng nề, phong trào hợp tác xã có nhiều biểu hiện tiêu cực “Dong công, phóng điểm” ăn chia không công bằng, gia đình quân đội, thương bệnh binh ít lao động, đời sống ngày càng khó khăn... Nhằm nhanh chóng khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 22 đề ra nhiệm vụ khôi phục kinh tế 2 năm (1974 - 1975) là: *“Nhanh chóng hoàn thành việc hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho Chủ nghĩa xã hội, ổn định tình hình kinh tế và đời sống, củng cố quốc phòng, ra sức chi viện cho cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng vùng giải phóng của đồng bào miền Nam”*. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, lao động sáng tạo, giành được nhiều kết quả quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, hoàn thành nghĩa vụ tuyển quân, lương thực, thực phẩm chi viện cho miền Nam. Từ cuối năm 1974 đầu năm 1975 tình thế cách mạng ở miền Nam có nhiều chuyển biến lớn, ta càng đánh càng mạnh, giành thế chủ động tiến công địch trên khắp các chiến trường, đẩy nhanh sự tan rã



của nguy quân, nguy quyền. Trước tình hình đó, Bộ chính trị Trung ương Đảng họp từ ngày 8/12/1974 - 8/01/1975 phân tích đánh giá tình hình, vạch chiến lược cách mạng giải phóng miền Nam. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, nhân dân các dân tộc Hà Bắc phấn đấu đẩy mạnh sản xuất, củng cố xây dựng các lực lượng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng hậu phương vững chắc, đặt nhiệm vụ tuyển quân chi viện cho miền Nam lên hàng đầu...

Đầu tháng 3 năm 1975, quân ta mở chiến dịch đánh vào Tây Nguyên và đã giành thắng lợi. Ngày 31/3/1975 Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh” ngày 26/4/1975 quân ta mở cuộc tổng công kích vào Sài Gòn. Ngày 30/4/1975, quân ta tiến vào chiếm dinh Độc Lập, Tổng thống nguy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện kết thúc cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam, kết thúc sự nghiệp cách mạng chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc ta.

B. Thời kỳ 1976-1985: Đất nước Thống nhất, cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc

Sau khi đất nước thống nhất, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: Xây dựng Xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá 3) chỉ rõ: “*Với thắng lợi rực rỡ mùa xuân năm 1975 cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ một nước bị thực dân thống trị sang một nước độc lập thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng Dân chủ nhân dân và cách mạng Xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng Xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong cả nước.*”

Từ cuối năm 1975, tỉnh Hà Bắc cũng thực hiện khôi phục kinh tế do nhiều công trình giao thông, thủy lợi, xí nghiệp bị chiến tranh tàn phá.



Trong nông nghiệp mô hình hợp tác xã bộc lộ khá nhiều nhược điểm: Tài sản, tiền vốn bị thất thoát, nhiều loại tài sản cố định bỏ không, lãng phí, bộ máy quản lý quá đông, quan liêu, bao cấp nặng nề... không khuyến khích nông dân chăm lo sản xuất, năng suất cây trồng vật nuôi thấp, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, đã xuất hiện nhiều hợp tác xã “Khoán chui”, cơ chế quản lý kinh tế đang ở đỉnh điểm của cơ chế kế hoạch hoá quan liêu bao cấp. Các hoạt động kinh tế đều được quản lý bằng các chỉ tiêu pháp lệnh, chi tiết cả mục tiêu và biện pháp, toàn ngành, toàn tỉnh đến từng xí nghiệp, hợp tác xã, thương mại (mua bán) đều được quản lý bằng tem phiếu, giấy phân phối, mệnh lệnh hành chính.

Ngày 25/4/1976, cả nước thực hiện cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên sau khi thống nhất đất nước. Ngày 27/7/1976, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI đã quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và lấy Hà Nội làm Thủ đô, cũng tại kỳ họp này, Quốc hội đã thảo luận và quyết định các chủ trương, biện pháp cơ bản tiến hành công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước, ngày 4/02/1978 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 33/CP: Bổ sung nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý Nhà nước cấp huyện trong quản lý kinh tế, nhằm xây dựng cấp huyện trở thành “Một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện có ngân sách; một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông vào đời sống”. Thực hiện Quyết định này, Hà Bắc đã chọn huyện Tân Yên làm huyện điểm, đồng thời chỉ đạo tất cả các huyện, thị xã tổ chức lại các Phòng, Ban, hợp nhất một số Phòng thành các Ban với quy mô lớn hơn, tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh và từng đơn vị huyện, thị xã. Quyết định số 78/CP ngày 25/4/1978 về việc thống nhất tiền tệ trong cả



nước, thu huỷ tiền nguy, phát hành tiền giấy bạc Ngân hàng Việt Nam ở miền Nam.

Giữa lúc cả nước đang nỗ lực xây dựng Chủ nghĩa xã hội thì xảy ra sự kiện “Tháng 2/1979” cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, Hà Bắc lại trở thành hậu phương trực tiếp của các tỉnh biên giới, mặc dù trong thời gian không dài, nhưng toàn tỉnh đã huy động 10 vạn thanh niên lên đường nhập ngũ, tổ chức hoàn chỉnh 5 Trung đoàn, 14 Tiểu đoàn, 4 Đại đội chi viện cho tuyến trước; 3,2 vạn dân quân tự vệ, biên chế thành các trung đoàn, tiểu đoàn đi xây dựng phòng tuyến, đào đắp 860 km giao thông hào phục vụ bộ đội đánh giặc.

Trong những năm 1981-1985, Nhà nước ban hành một số chính sách mới về kinh tế: Trong nông nghiệp thực hiện chế độ khoán sản phẩm tới nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100/CT ngày 13/10/1981. Trong công nghiệp thực hiện cơ chế kế hoạch 3 phần, giải quyết lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và người lao động theo Quyết định số 25/CP ngày 21/01/1981 của Hội đồng Chính phủ và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) ngày 17/6/1985 về “Giá-Lương-Tiền” xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp về giá và lương, để chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh Xã hội chủ nghĩa, thu đổi tiền ngân hàng cũ, phát hành tiền ngân hàng mới, đây là những chính sách có tính đột phá, tiến tới xoá bỏ cơ chế bao cấp.

C. Thời kỳ 1986-1996: Thực hiện cuộc đổi mới toàn diện xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn cách mạng mới

Sau cuộc điều chỉnh “Giá-Lương-Tiền” không thành công, tình hình kinh tế - xã hội chung cả nước cũng như của Hà Bắc rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Đồng tiền nhanh chóng mất giá, giá cả tăng vọt lạm phát ở mức 3 con số; sản xuất đình trệ, hàng hoá thiếu, nhất là lương thực chưa đủ ăn, những người làm công ăn lương và một phần nông dân thiếu đói gay gắt... đã tạo áp lực lên hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp tỉnh, huyện và xã.



Với quyết tâm thay đổi nhận thức, tư duy về con đường đổi mới, từ ngày 15-18/12 năm 1986 đã diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam, với tinh thần “*Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*” Đảng Cộng sản Việt Nam đã nghiêm khắc kiểm điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn và đề ra đường lối đổi mới toàn diện, phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nghị quyết xác định các mục tiêu và bước đi của công cuộc đổi mới là: “*Đổi mới kinh tế là cơ bản, đổi mới về chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền thực hiện dân chủ Xã hội Chủ nghĩa; phải làm đồng thời từng bước, có bước đi vững chắc, đồng thời sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại công cuộc đổi mới*”, Nghị quyết nhấn mạnh “*Đổi mới toàn diện ở Việt Nam bắt đầu bằng đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đi đến xác định rõ mô hình kinh tế mới, nhằm ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho nhân dân, xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần VI Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10/BCT ngày 5/4/1988 thực hiện khoán sản phẩm tới hộ nông dân (thay cho khoán 100/CT); Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 217/HĐBT ngày 14/11/1987 thay cơ chế kế hoạch hóa theo Nghị định số 25/CP, bằng cơ chế hoạch toán kinh tế, lấy thu bù chi, Nhà nước không bù lỗ, xí nghiệp được quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và được bảo toàn vốn (theo Chỉ thị 316/CT ngày 01/9/1990 và Quyết định số 332/HĐBT ngày 23/10/1991). Năm 1988 xóa bỏ cơ chế thu mua trao đổi hàng 2 chiều, xóa bỏ bao cấp về lương thực, thực phẩm và các mặt hàng định lượng bán theo tem phiếu.



Năm năm đầu chặng đường đổi mới (1986-1990), tình hình kinh tế tỉnh Hà Bắc cũng như cả nước vẫn có nhiều diễn biến phức tạp: 3 năm liên tục lạm phát ở mức 3 con số, đời sống người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút, xí nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm; nhiều Xí nghiệp, Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đình trệ, phải sản xuất cầm chừng hoặc đóng cửa, hàng ngàn công nhân, nhất là những người có tay nghề phải dôi dư xí nghiệp đi làm ngoài kiếm sống; nhiều giáo viên xin nghỉ việc... Trước tình hình đó, Nhà nước đã phải quyết định giải thể hàng loạt xí nghiệp, nhất là xí nghiệp thuộc cấp huyện quản lý, xí nghiệp tập thể (theo Chỉ thị 315/CT ngày 1/9/1990 và Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991).

Từ năm 1993 trở đi, tình hình kinh tế bắt đầu được khôi phục và có bước phát triển, Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chính sách đổi mới có tác dụng khuyến khích và mở rộng sản xuất kinh doanh ở các ngành nghề và loại hình kinh tế, nhất là kinh tế hộ gia đình; trong nông nghiệp tiếp tục giao ruộng, đất lâm nghiệp sử dụng lâu dài cho hộ nông dân (theo Nghị định số 64/1993/CP và 02/1994/CP); Luật công ty, chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là tư nhân thành lập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (theo Quyết định số 202-CT ngày 8/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Nghị định số 50/1996/CP của Chính phủ).

II. TỔ CHỨC CÁN BỘ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Tổ chức bộ máy của ngành Thống kê trong giai đoạn 4/1963 đến hết năm 1996, được điều chỉnh theo 3 nghị định của Chính phủ: Nghị định 131/CP ngày 29/9/1961; Nghị định số 72/CP ngày 5/4/1974 và Nghị định số 23/CP ngày 23/3/1993. Tương ứng với 3 nghị định này, tổ chức bộ máy của Chi cục Thống kê Hà Bắc có 3 mô hình ở 3 thời kỳ như sau:



A. Thời kỳ 4/1963 - 12/1975

Việc sáp nhập 2 Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh thực hiện xong trong tháng 3/1963. Bắt đầu từ 01/4/1963 ngành Thống kê tỉnh Hà Bắc chính thức đi vào hoạt động. Trước khi hợp nhất, Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh do Ông Trịnh Biên - Chi cục trưởng và Ông Ngô Sĩ Tuấn - Phó Chi cục trưởng với 16 cán bộ, phân thành 6 bộ phận. Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang do Ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng và Ông Lê Thăng - Phó chi cục trưởng với 19 cán bộ ở 3 phòng và 1 bộ phận. Khi hợp nhất, Ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng Thống kê tỉnh Bắc Giang được bổ nhiệm Chi cục trưởng Thống kê tỉnh Hà Bắc và 2 Phó Chi cục trưởng là Ông Ngô Sĩ Tuấn và Ông Lê Thăng. Ông Trịnh Biên - Chi cục trưởng Thống kê tỉnh Bắc Ninh được điều động về Hải Dương và bổ nhiệm Phó trưởng Ty Thương binh - Xã hội; một số cán bộ Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh chuyển sang làm công tác khác như ông Nguyễn Đình Thảo sang Văn phòng Tỉnh uỷ Hà Bắc.

Ở Văn phòng Chi cục Thống kê tỉnh có 33 cán bộ được biên chế thành 5 phòng và 1 bộ phận do các ông bà sau đây phụ trách:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính: Ông Phạm Xuân Liễu - Trưởng phòng;
2. Phòng Nông, Lâm nghiệp: Ông Trần Lộc - Trưởng phòng;
3. Phòng Công nghiệp - XDCB: Ông Nguyễn Trọng Trình - Trưởng phòng;
4. Phòng Thương nghiệp: Ông Dương Minh Phồn - Trưởng phòng;
5. Phòng Tổng hợp: Ông Nguyễn Khắc Kỷ - Trưởng phòng;
6. Phòng Lao động - Văn xã: Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Trưởng phòng.

Các phòng Thống kê huyện, thị cũng được điều chỉnh, sáp nhập và đã bổ nhiệm các ông sau đây làm Trưởng phòng:

1. Thị xã Bắc Giang: Ông Minh Khương - Trưởng phòng;
2. Huyện Sơn Động: Ông Hoàng Anh Phụng - Trưởng phòng;



3. Huyện Lục Ngạn: Ông Nguyễn Văn Liệu - Trưởng phòng;
4. Huyện Lục Nam: Ông Trần Tiêu - Trưởng phòng;
5. Huyện Yên Thế: Ông Nguyễn Văn Kỳ - Trưởng phòng;
6. Huyện Hiệp Hoà: Ông Nguyễn Lộng - Trưởng phòng;
7. Huyện Lạng Giang: Ông Nguyễn Hưng - Trưởng phòng;
8. Huyện Tân Yên: Ông Nguyễn Văn Nhuận - Trưởng phòng;
9. Huyện Việt Yên: Ông Thân Mạnh Chương - Trưởng phòng;
10. Huyện Yên Dũng: Ông Chu Văn Bản - Trưởng phòng;
11. Thị xã Bắc Ninh: Ông Nguyễn Tuấn Đàn - Trưởng phòng;
12. Huyện Yên Phong: Ông Đặng Thuật - Trưởng phòng;
13. Huyện Quế Võ: Ông Trần Đức Súc - Trưởng phòng;
14. Huyện Tiên Sơn: Ông Nguyễn Văn Lun - Trưởng phòng (sáp nhập từ huyện Từ Sơn và huyện Tiên Du, Ông Nguyễn Văn Cầm - Trưởng phòng Từ Sơn chuyển sang UBHC huyện Tiên Sơn);
15. Huyện Thuận Thành: Ông Nguyễn Minh Tiến - Trưởng phòng;
16. Huyện Gia Lương: Ông Tống Đức Thường - Trưởng phòng.

Ở cấp xã, Ban Thống kê hoạt động tích cực và có hiệu quả, Trưởng ban thường do Chủ tịch xã hoặc Phó chủ tịch xã đảm nhận, có một Phó trưởng ban chuyên trách công tác Thống kê; ở các HTX đều có cán bộ làm công tác thống kê kế toán, các đội sản xuất do Thư ký đội kiêm công tác thống kê.

Các Ty, Ngành, Đơn vị sản xuất đều có cán bộ làm công tác thống kê, do bộ máy thống kê cơ sở được tổ chức chặt chẽ nên các báo cáo về tình



hình kinh tế - xã hội từ cấp huyện trở lên đều tổng hợp từ các báo cáo cơ sở, mức độ chính xác khá cao.

Để đảm bảo chất lượng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ thống kê, Chi cục đã tiếp nhận nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác tại Văn phòng Chi cục, như: ông Hà Văn Đối (1967), ông Nguyễn Ngọc Mong, ông Huỳnh Văn Chóng (1968, 1969). Đồng thời, cử bà Mai Thị Ngọc Bích ở Văn phòng Chi cục và ông Trần Đức Sức (Phòng Thống kê Quế Võ) đi học chuyên tu tại trường Kinh tế - Kế hoạch. Theo đề nghị của Lãnh đạo Chi cục, ngày 20/02/1967 UBHC tỉnh đã ký Quyết định số 25/QĐ-TC cho Chi cục Thống kê thành lập Trường Sơ cấp Thống kê, đóng tại thôn An Bái, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, ông Nguyễn Mậu Hãn Chi cục trưởng làm Hiệu trưởng, ông Nguyễn Mậu Tiến làm Phó hiệu trưởng; cuối năm 1969, ông Nguyễn Mậu Tiến được đề bạt làm Trưởng phòng Nông nghiệp, ông Trương Văn Vị thay ông Tiến làm Phó hiệu trưởng và trực tiếp quản lý tổ chức, điều hành hoạt động đào tạo; tham gia giảng dạy là các Trưởng, Phó trưởng các phòng nghiệp vụ Văn phòng Chi cục và một số cán bộ có trình độ đại học. Trường đào tạo được một lớp cho cán bộ Thống kê các huyện, thị xã đến năm 1970 thì giải thể (Quyết định số 37/QĐ-TC ngày 02/4/1970).

Từ năm 1963-1965, Chi cục Thống kê đã nhiều lần cử cán bộ trẻ khỏe nhập ngũ gồm các ông: Nguyễn Văn Thuy, Nguyễn Văn Luận, Thà Văn Hoi, Chu Thế Bưởi, Phạm Năm, Nguyễn Thanh Ngọc, Lê Văn Liễn, Nguyễn Đình Nguyên, Nguyễn Viết Lượng,.. và đã có một số cán bộ hy sinh và được công nhận là liệt sỹ chống Mỹ. Năm 1966, ông Ngô Sỹ Tuấn chuyển sang UBND tỉnh giữ chức Phó Chủ nhiệm; năm 1967 ông Lê Thăng - Phó Chi cục trưởng được điều đi công tác “Ba xây, ba chống”, ông Trần Lộc - Trưởng phòng Nông nghiệp được bổ nhiệm là Phó Chi cục trưởng và bổ nhiệm ông Nguyễn Mậu Tiến giữ chức Phó trưởng phòng Nông nghiệp.



Đến năm 1968, ông Nguyễn Đình Thu - Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Hà Bắc được điều về giữ chức Phó chi cục trưởng. Như vậy, đến năm 1968 Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc có 3 lãnh đạo gồm: Ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi Cục trưởng, ông Trần Lộc và ông Nguyễn Đình Thảo - Phó Chi cục trưởng. Năm 1967, Ông Hà Văn Đối tốt nghiệp Đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội, được phân công về nhận công tác tại Văn phòng Chi cục (Phòng Công nghiệp - XDCEB) được 6 tháng lại đi nghĩa vụ quân sự đến năm 1969 hoàn thành và trở lại công tác tại Chi cục.

Như vậy, từ năm 1967-1975 Ban lãnh đạo Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc gồm:

- Ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng.
- Ông Trần Lộc - Phó Chi cục trưởng.
- Ông Nguyễn Đình Thảo - Phó Chi cục trưởng.

Cũng trong thời gian trên, các Phòng ở Văn phòng Chi cục cũng có nhiều thay đổi, một số cán bộ Văn phòng Chi cục đã được bổ nhiệm giữ các chức vụ trưởng, phó phòng như: ông Nguyễn Mậu Tiến, ông Lê Hồng Lâm, bà Mai Thị Ngọc Bích... một số trưởng, phó phòng tỉnh được điều động về huyện làm trưởng phòng hoặc nhận công tác khác như ông Đặng Thuật về Yên Phong, ông Nguyễn Văn Nhuận về UBHC huyện Tân Yên... đồng thời một số trưởng phó phòng huyện được điều động lên Chi cục như ông Nguyễn Xuân Nam, ông Thân Mạnh Trường...

Đến đầu năm 1974, các Phòng thuộc Văn phòng Chi cục do các ông, bà sau đây làm lãnh đạo:

1. Phòng Tổng Hợp: Bà Mai Thị Ngọc Bích - Trưởng phòng.
2. Phòng Nông, Lâm nghiệp: Ông Nguyễn Mậu Tiến - Trưởng phòng và Ông Nguyễn Thanh Mai - Phó trưởng phòng.



3. Phòng Công nghiệp - Giao thông vận tải: Ông Nguyễn Trọng Trình - Trưởng phòng.

4. Phòng Đời sống - Văn xã: Ông Nguyễn Xuân Nam - Trưởng phòng và Ông Nguyễn Văn Hoa - Phó trưởng phòng.

5. Phòng Thương mại - Giá cả: Ông Lê Hồng Lãm - Trưởng phòng.

6. Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị: Ông Dương Minh Phồn - Trưởng phòng.

7. Phòng Máy tính cơ điện: Ông Phạm Văn Viên - Trưởng phòng.

Cán bộ Văn phòng Chi cục gồm 61 cán bộ.

Ở cấp huyện: Có 95 cán bộ, Lãnh đạo phòng so với năm 1963 mới sáp nhập tỉnh cũng đã có thay đổi

1. Thị xã Bắc Giang: Ông Trần Hạng - Phó trưởng phòng phụ trách phòng.

2. Thị xã Bắc Ninh: Ông Nguyễn Tuấn Đàn - Trưởng phòng.

3. Huyện Sơn Động: Ông Nguyễn Anh Bắc - Trưởng phòng.

4. Huyện Lục Ngạn: Ông Nguyễn Mạnh Hải - Phó trưởng phòng phụ trách.

5. Huyện Lục Nam: Ông Trần Văn Thao - Trưởng phòng.

6. Huyện Yên Thế: Ông Nguyễn Đức Thiện - Trưởng phòng.

7. Huyện Tân Yên: Ông Nguyễn Văn Đường - Phó trưởng phòng phụ trách.

8. Huyện Hiệp Hoà: Ông Kiều Xuân Ngộ - Phó trưởng phòng phụ trách phòng và Ông Hoàng Văn Liễu - Phó trưởng phòng.

9. Huyện Việt Yên: Ông Thân Mạnh Trường - Trưởng phòng và Ông Tông Ngọc Phước - Phó trưởng phòng.



10. Huyện Yên Dũng: Ông Nguyễn Văn Hộ - Trưởng phòng.
11. Huyện Lạng Giang: Ông Đồng Văn Nghĩa - Trưởng phòng.
12. Huyện Quế Võ: Ông Nguyễn Văn Tu - Phó trưởng phòng phụ trách.
13. Huyện Thuận Thành: Ông Vũ Đăng Thặng - Trưởng phòng.
14. Huyện Gia Lương: Ông Phạm Văn Thuyết - Phó trưởng phòng phụ trách.
15. Huyện Tiên Sơn: Ông Trương Minh Tường - Phó trưởng phòng phụ trách.
16. Huyện Yên Phong: Ông Đặng Thuật - Trưởng phòng.

Một bước ngoặt của công tác thống kê là ngày 5/4/1974 Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 72/CP về việc Ban hành Điều lệ về Tổ chức và Hoạt động của Tổng cục Thống kê; tiếp đó Chính phủ ký Quyết định số 84-TTg ngày 18/4/1974 cho phép Tổng cục Thống kê được tổ chức thống nhất theo ngành dọc từ Trung ương đến Thống kê cấp huyện, thị xã; quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, quỹ lương và kinh phí hoạt động. Đây là sự tin tưởng của Đảng và Nhà nước khi đánh giá tầm quan trọng về vai trò, trách nhiệm lớn lao của ngành Thống kê, là cơ hội để ngành Thống kê củng cố tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và sự chỉ đạo của Tổng cục Thống kê, UBHC tỉnh, Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc đã thành lập Ban tiếp nhận bàn giao, do ông Nguyễn Mậu Hân làm Trưởng ban và các trưởng phòng của Chi cục làm uỷ viên. Ban tiếp nhận đã xây dựng kế hoạch, lịch tiếp nhận từ UBHC tỉnh và các huyện, thị về biên chế, tài sản, quỹ lương và tình hình công việc. Do chuẩn bị đầy đủ và được UBHC tỉnh, các huyện, thị xã phối hợp chặt chẽ, nên trong tháng 9/1974 công tác bàn giao đã hoàn thành và bắt đầu từ ngày 01/10/1974 toàn bộ 16/16 Phòng Thống kê huyện, thị xã đã hoạt động theo mô hình mới.



Trong 2 năm (1974-1975) theo yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và nhiệm vụ của cách mạng, Tổng cục Thống kê và Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc đã cử các ông: Lê Tiến Điều, Huỳnh Văn Chóng, Mạc Tiến Luỹ và Nguyễn Chư đi tham gia đoàn cán bộ phục vụ chiến trường. Sau ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975, tiếp tục cử các ông: Lê Hồng Lãm, Nguyễn Xuân Nam, Trịnh Văn Phường, Nguyễn Văn Tương, Đồng Sỹ Việt, Trương Minh Tường tăng cường cho các tỉnh phía Nam để xây dựng ngành Thống kê của cả nước sau thống nhất, đồng thời Chi cục Thống kê tỉnh cũng tiếp nhận một số sỹ quan, hạ sỹ quan trong quân đội, thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ và một số cán bộ là con em Hà Bắc đang công tác ở các tỉnh phía Bắc về làm việc tại Chi cục, như: bà Nguyễn Thị Minh Châu, ông Nguyễn Văn Hiệp, ông Lê Thế Cần, ông Ngô Hiệp Lý, ông Vũ Hữu Do, bà Nguyễn Thị Đông, ông Tạ Quang Trung, ông Biện Xuân Ngụ...

B. Thời kỳ 1976 -1985

Năm 1976, Văn phòng Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc có 60 cán bộ, công chức.

Ban Lãnh đạo, gồm: Ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng và 2 Phó chi cục trưởng là Ông Nguyễn Đình Thảo và Ông Trần Lộc.

Chi cục gồm 9 phòng, trưởng phòng hoặc phụ trách các phòng như sau:

1. Phòng Tổ chức - Hành chính: Ông Dương Minh Phồn - Trưởng phòng và Ông Hoàng Hữu Trứ - Phó trưởng phòng.
2. Phòng Cân đối: Ông Hà Văn Đối - Phụ trách phòng.
3. Phòng Tổng hợp: Bà Mai Thị Ngọc Bích - Trưởng phòng.
4. Phòng Công nghiệp: Ông Nguyễn Đình Ấn - Trưởng phòng.
5. Phòng Thương nghiệp: Ông Nguyễn Đình Càn - Trưởng phòng.



6. Phòng Nông nghiệp: Ông Nguyễn Mậu Tiến - Trưởng phòng.
7. Phòng XDCB - Vật tư: Ông Trần Đình Quang - Trưởng phòng.
8. Phòng Dân số - Văn xã: Ông Nguyễn Văn Hoa - trưởng phòng.
9. Phòng Máy tính: Ông Nguyễn Trọng Trình - Trưởng phòng.

Ở các phòng Thống kê huyện, thị có 95 cán bộ công chức, các ông bà được giao nhiệm vụ là trưởng phòng, phụ trách phòng gồm:

1. Thị xã Bắc Giang: Ông Nguyễn Văn Bào.
2. Thị xã Bắc Ninh: Ông Nguyễn Tuấn Đoàn.
3. Huyện Sơn Động: Ông Nguyễn Anh Bắc.
4. Huyện Lục Ngạn: Ông Nguyễn Mạnh Hải.
5. Huyện Lục Nam: Ông Trần Văn Thao.
6. Huyện Yên Thế: Ông Nguyễn Đức Thiện.
7. Huyện Hiệp Hòa: Ông Kiều Xuân Ngộ.
8. Huyện Lạng Giang: Ông Đồng Văn Nghĩa.
9. Huyện Tân Yên: Ông Nguyễn Văn Đường.
10. Huyện Việt Yên: Ông Thân Mạnh Trưởng.
11. Huyện Yên Dũng: Ông Nguyễn Văn Hộ.
12. Huyện Yên Phong: Ông Đặng Thuật.
13. Huyện Quế Võ: Ông Nguyễn Văn Tu.
14. Huyện Tiên Sơn: Ông Nguyễn Văn Chương thay ông Trương Minh Trường đi miền Nam.
15. Huyện Thuận Thành: Ông Vũ Đăng Thặng.
16. Huyện Gia Lương: Ông Phạm Văn Thuyết.



Trong thời kỳ này công tác tổ chức cán bộ ngành Thống kê có nhiều biến đổi. Năm 1977, Tổng cục Thống kê điều động các Ông, Bà: Nguyễn Văn Đường, Trưởng phòng Thống kê Tân Yên; Nguyễn Thị Hiền cán bộ Văn phòng Chi cục; Nguyễn Quốc Hưng cán bộ Phòng Thống kê huyện Yên Dũng, Nguyễn Văn Thành cán bộ Phòng Thống kê huyện Hiệp Hòa tăng cường cho Chi cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa, cũng trong năm ông Vũ Hữu Do được đề bạt làm Trưởng Phòng Thống kê huyện Tân Yên.

Năm 1978, ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng nghỉ hưu, ông Nguyễn Đình Thảo - Phó Chi cục trưởng được bổ nhiệm Quyền Chi cục trưởng rồi Chi cục trưởng, bà Mai Thị Ngọc Bích - Trưởng Phòng Tổng hợp được bổ nhiệm làm Phó chi cục trưởng. Năm 1979, ông Trần Lộc - Phó chi cục trưởng nghỉ hưu. Năm 1982, ông Nguyễn Đình Thảo - Chi cục trưởng nghỉ hưu, ông Lê Hồng Lãm - Chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Cửu Long được Tổng cục Thống kê điều động về làm Chi cục trưởng Hà Bắc, cũng thời gian này Chi cục tiếp nhận ông Hà Trọng Công - Phó chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Xuân Nam - Phó chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Minh Hải về làm Phó chi cục trưởng Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc, như vậy từ cuối năm 1982 - 1985 có Ban Lãnh đạo gồm:

Ông Lê Hồng Lãm - Chi cục trưởng.

Ông Hà Trọng Công - Phó Chi cục trưởng.

Ông Nguyễn Xuân Nam - Phó Chi cục trưởng.

Bà Mai Thị Ngọc Bích - Phó Chi cục trưởng.

Cũng trong thời kỳ này, cán bộ các phòng Văn phòng Chi cục cũng có những thay đổi, ông Nguyễn Mậu Tiến trưởng phòng Nông nghiệp nghỉ hưu, một số được tăng cường cho huyện như ông Đặng Văn Kỳ về Phòng Thống kê huyện Quế Võ, ông Hà Văn Đối về Phòng Thống kê huyện Lạng



Giang. Đồng thời, Chi cục cũng tiếp nhận một số cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ tăng cường cho các tỉnh phía Nam trở về, như: ông Dương Văn Chiến - Trưởng phòng Chi cục Thống kê tỉnh Phú Khánh về làm Trưởng phòng Thống kê Nông nghiệp; ông Nguyễn Chư Phó Trưởng phòng Chi cục Thống kê tỉnh Minh Hải về làm Phó trưởng Phòng Tổng hợp; ông Trịnh Văn Phường, ông Nguyễn Văn Tương, ông Đồng Sĩ Việt (Trưởng phòng) từ Chi cục Thống kê tỉnh Tiền Giang về nhận công tác tại Phòng Thống kê thị xã Bắc Ninh, Sơn Động và Lạng Giang, đồng thời 1 cán bộ Chi cục cũng được đề bạt giữ các chức vụ trưởng, phó phòng, cụ thể danh sách các đồng chí trưởng, phó phòng năm 1983 như sau:

1. Phòng Công nghiệp: Ông Nguyễn Đình Ấn - Trưởng phòng và Ông Lê Tiến Điều - Phó trưởng phòng.
2. Phòng Xây dựng cơ bản: Ông Trần Đình Quang - Trưởng phòng và Bà Lê Thị Kim Thoa - Phó trưởng phòng.
3. Phòng Thương nghiệp: Ông Nguyễn Đình Can - Trưởng phòng và Ông Vũ Đức Tuệ - Phó trưởng phòng.
4. Phòng Nông nghiệp: Ông Dương Văn Chiến - Trưởng phòng và Ông Ngô Hiệp Lý - Phó trưởng phòng.
5. Phòng Dân số - Văn xã: Ông Nguyễn Văn Hoa - Trưởng phòng và Bà Đàm Thị Huyền - Phó trưởng phòng.
6. Phòng Tổng hợp: Ông Nguyễn Văn Khiêm - Trưởng phòng và Ông Nguyễn Chư, Ông Hà Mai Loan - Phó trưởng phòng.
7. Phòng Cân đối: Ông Lê Đại Nghĩa - Phó trưởng phòng và Bà Văn Thị Chỉ - Phó trưởng phòng.
8. Phòng Tổ chức: Ông Dương Minh Phồn - Trưởng phòng.
9. Phòng Hành chính Quản trị: Ông Nguyễn Văn Hộ - Trưởng phòng.
10. Phòng Máy tính: Ông Nguyễn Văn Lai - Trưởng phòng.



Cũng trong năm 1983, theo quy định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, đổi tên Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố thành Cục Thống kê tỉnh, thành phố. Tổ chức Thống kê các Ty, Ngành và cơ sở thời kỳ này thực hiện theo quy định mới. Các Ty, Ngành có quản lý sản xuất kinh doanh đều được thành lập Phòng Thống kê - Kế toán; các Ty, Ngành khác đều bố trí một cán bộ thống kê chuyên trách. Các đơn vị kinh tế cơ sở đều có Phòng (hoặc Bộ phận) Thống kê - Kế toán. Các xã, phường, thị trấn đều được thành lập “Ban Thống kê, trong đó có một Phó trưởng ban hoạt động chuyên trách; các HTX, thôn bản đều có cán bộ phụ trách thống kê. Với hệ thống tổ chức như vậy, ngành Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức thu thập thông tin theo hệ thống biểu mẫu thống nhất cho mỗi hoạt động kinh tế - xã hội.

C. Thời kỳ 1986 -1996

Năm 1986, mô hình tổ chức của Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc vẫn giữ nguyên như giai đoạn 1983-1985, các phòng ở tỉnh và cấp huyện không thay đổi.

Ban Lãnh đạo Cục vẫn giữ nguyên. Năm 1987, ông Lê Hồng Lãm và ông Nguyễn Xuân Nam được TCTK cho nghỉ hưu, ông Hà Trọng Công được bổ nhiệm làm Cục trưởng.

Thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế và thu gọn đầu mối tổ chức, ngày 12/12/1987 Ban Bí thư TW Đảng ra Thông báo 46/TB-TW về việc sáp nhập một số Bộ, Ngành và giảm đầu mối tổ chức ở các địa phương, trong đó Tổng cục Thống kê chuyển giao tổ chức Thống kê các địa phương về UBND cùng cấp trực tiếp quản lý. Hàng năm, Tổng cục Thống kê chỉ giao kế hoạch công tác và quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ. Từ ngày 01/3/1988, Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được bàn giao nguyên trạng về UBND tỉnh quản lý, là một cơ quan độc lập trực thuộc UBND tỉnh.



Khi chuyển về UBND tỉnh quản lý, mô hình tổ chức được sắp xếp lại gọn hơn, còn 7 Phòng và Bộ phận trực thuộc. Trong đó Phòng Thống kê Cân đối - Tài chính và Phòng Dân số - Lao động - Văn xã sáp nhập vào Phòng Tổng hợp gọi chung là Phòng Tổng hợp; Phòng Hành chính - Quản trị sáp nhập với Phòng Tổ chức cán bộ gọi là Phòng Tổ chức - Hành chính. Năm 1990 lại tiếp tục sáp nhập Phòng Thống kê XDCCB - Giao thông Vận tải với Phòng Công nghiệp gọi chung là Phòng Thống kê Công nghiệp. Văn phòng Cục còn 5 Phòng và Bộ phận trực thuộc là:

Phòng Thống kê Tổng hợp.

Phòng Thống kê Nông - Lâm nghiệp.

Phòng Thống kê Công nghiệp.

Phòng Thống kê Thương nghiệp.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Xí nghiệp Tính toán.

Trong giai đoạn này, Cục điều động một số cán bộ tăng cường cho các huyện: ông Ngô Hiệp Lý - Phó trưởng Phòng Thống kê Nông nghiệp về Phòng Thống kê huyện Tiên Sơn; ông Lê Đại Nghĩa - Phó trưởng Phòng Thống kê Cân đối về Phòng Thống kê huyện Việt Yên. Năm 1988, UBND tỉnh quyết định cho bà Mai Thị Ngọc Bích - Phó cục trưởng nghỉ hưu và thỏa thuận với Tổng cục Thống kê tiếp nhận ông Ngô Minh Quang (Trưởng Ban Nguyên lý Thống kê, Trưởng Cán bộ Thống kê Trung ương) về giữ chức Phó Cục trưởng. Năm 1989, ông Hà Trọng Công trúng cử đại biểu HĐND tỉnh và được HĐND bầu làm trưởng Ban thư ký HĐND kiêm trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh. Đầu năm 1990, ông



Hà Trọng Công thôi giữ chức Cục trưởng để sang chuyên trách công tác HĐND tỉnh. Sau đó được sự thoả thuận của TCTK, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã điều động ông Vũ Đức Trung - Bí thư Huyện uỷ Sơn Động về làm Cục trưởng Cục Thống kê Hà Bắc.

Thực hiện chủ trương của Chính Phủ và quyết định của Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh Hà Bắc, năm 1992 Cục Thống kê tỉnh thành lập Bộ phận Thanh tra Thống kê, nằm trong Phòng Tổ chức - Hành chính. Ông Nguyễn Văn Cao - Trưởng phòng TC - HC được bổ nhiệm làm Chánh Thanh tra và điều bà Nguyễn Thị Hoạt - Chuyên viên Phòng Tổng hợp làm cán bộ thanh tra chuyên trách, sau đó được bổ nhiệm làm thanh tra viên. Năm 1993, bộ phận Thanh tra được tăng cường thêm bà Nguyễn Thị Đông từ Phòng Công nghiệp chuyển sang.

Ở cấp huyện, Phòng Thống kê được bàn giao về UBND huyện, thị xã quản lý và sáp nhập chung với Phòng Kế hoạch gọi chung là Phòng Kế hoạch. Năm 1991, Phòng Kế hoạch lại sáp nhập với Phòng Tài chính, gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch. Phòng này đảm đương 4 lĩnh vực công tác: Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp và Thống kê. Sau khi sáp nhập cán bộ thống kê cũ có nhiều biến động: một số cán bộ được đề bạt và một số chuyển sang ngành khác như: Ông La Hữu Kỳ - Trưởng phòng Thống kê Sơn Động được bầu làm Phó chủ tịch UBND huyện Sơn Động, ông Lê Đại Nghĩa - Trưởng phòng Thống kê huyện Việt Yên được đề bạt làm trưởng Phòng Kế hoạch, rồi trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch Việt Yên; Các Trưởng phòng Thống kê các huyện, thị xã hầu hết giữ chức Phó trưởng Phòng Kế hoạch rồi Phó trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch. Một số khác chuyển công tác như: Ông Lê Tiến Điều - Trưởng phòng Thống kê thị xã Bắc Giang, bà Nguyễn Thị Tiu - Phó trưởng phòng Thống kê huyện Thuận Thành chuyển sang công tác ở Ủy ban Dân số - Kế hoạch hoá gia



định; ông Phạm Tiến Đê - Quyền trưởng phòng Thống kê huyện Lục Ngạn chuyển sang Văn phòng UBND huyện; ông Trịnh Văn Phường - Trưởng Phòng Thống kê thị xã Bắc Ninh chuyển sang Chi cục Thuế thị xã; nhiều cán bộ, chuyên viên Thống kê chuyển sang cơ quan, đơn vị khác hoặc các xí nghiệp công tác... Số cán bộ thống kê chỉ còn bình quân 3 - 4 người ở một huyện, thị xã; cá biệt có nơi còn 2 người như huyện Lục Ngạn.

Sau hơn 6 năm bàn giao về địa phương, tổ chức và hoạt động của ngành Thống kê bộc lộ nhiều bất cập và nhược điểm. Cán bộ bị sáo trộn, cán bộ được đào tạo chuyên ngành thống kê, có năng lực về công tác thống kê ở cấp huyện bị giảm nhiều, việc phối hợp ngành dọc với UBND địa phương trong chỉ đạo thực hiện chương trình kế hoạch công tác có nhiều khó khăn, dẫn đến tính kịp thời, chính xác, khách quan của các thông tin Thống kê bị suy giảm.

Trước thực trạng này, ngày 23/3/1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/CP, quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê, trong đó quy định TCTK được tổ chức và quản lý theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp huyện. Các Cục Thống kê là cơ quan trực thuộc TCTK đặt ở tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Thống kê quản lý cả biên chế cán bộ Thống kê ở cấp huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 23/CP, Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được bàn giao trở lại TCTK từ tháng 10/1994 theo Quyết định số 03/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được tổ chức theo mô hình II: Gồm 5 phòng và 2 bộ phận trực thuộc, Xí nghiệp Tính toán được đổi tên thành Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

1. Phòng Thống kê Tổng hợp (gồm cả Dân số - Văn xã): Ông Nguyễn Chư - Quyền Trưởng phòng (thay ông Nghiêm Đình Thuận đi học đại học Chính trị tập trung 2 năm từ tháng 9/1994 - 9/1996).



2. Phòng Thống kê Nông nghiệp: Ông Dương Văn Chiến - Trưởng phòng.
3. Phòng Thống kê Thương nghiệp: Ông Vũ Hữu Do - Trưởng phòng.
4. Phòng Thống kê Công nghiệp - Xây dựng - Giao Thông: Ông Vũ Đức Tuệ - Trưởng phòng.
5. Phòng Tổ chức - Hành chính: Ông Nguyễn Văn Cao - Trưởng phòng.
6. Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê: Ông Nguyễn Văn Lai - Giám đốc.
7. Bộ phận Thanh tra thực thuộc Ban Lãnh đạo Cục: Ông Nguyễn Chư - Phó chánh Thanh tra.

Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê là đơn vị sự nghiệp lấy thu bù chi, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Biên chế của Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc khi tiếp nhận còn 35 người (không kể Trung tâm Tính toán). Tháng 8/1994, ông Vũ Đức Trung được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ điều về làm Giám đốc sở Nông nghiệp, ông Ngô Minh Quang được Tổng cục Thống kê quyết định giữ chức Quyền Cục trưởng, năm 1996 giữ chức Cục trưởng, ông Hà Văn Đối - Trưởng Phòng Thống kê huyện Lạng Giang được đề bạt làm Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc năm 1995. Năm 1996 ông Nguyễn Văn Cao trưởng Phòng TC-HC nghỉ hưu; được sự đồng ý của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh đã đề bạt bà Nguyễn Thị Hoạt giữ chức Quyền trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính; điều ông Nguyễn Chư - Phó trưởng Phòng Tổng hợp sang giữ chức Phó chánh Thanh tra. Cuối năm 1996, bộ phận Thanh tra tách ra khỏi Phòng Tổ chức - Hành chính thành Bộ phận độc lập trực thuộc lãnh đạo Cục, gồm 2 cán bộ là Ông Nguyễn Chư và bà Nguyễn Thị Đông.



Ở cấp huyện, thị xã bộ phận thống kê trong Phòng Tài chính - Kế hoạch được bàn giao trở lại Cục Thống kê quản lý theo ngành dọc. Các ông: Nguyễn Văn Tương (Sơn Động), Lê Hồng Hải (Lục Ngạn), Nguyễn Trọng Huynh (Lục Nam), Nguyễn Thế Vinh (Yên Thế), Nguyễn Văn Nghi (Hiệp Hoà), Hà Văn Đối (Lạng Giang), Đặng Văn Kỳ (Quế Võ) là lãnh đạo Phòng Thống kê thời kỳ 1987-1988 được đề bạt trở lại làm Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng, phụ trách phòng. Còn các huyện khác là trưởng phòng mới được đề bạt. Riêng Phòng Thống kê huyện Yên Phong, Cục Thống kê điều ông Nguyễn Văn Hiên, Phó trưởng phòng Công nghiệp về phụ trách phòng, năm 1995 đề bạt làm Trưởng phòng; tiếp nhận ông Vũ Thanh Liêm - Cán bộ giảng dạy Trường Thống kê Trung ương về làm Trưởng phòng Thống kê thị xã Bắc Ninh. Lực lượng cán bộ Thống kê cấp huyện thời gian này phần đông là cán bộ thống kê cũ; ở những địa phương còn thiếu, Cục thoả thuận với UBND địa phương tiếp nhận thêm cán bộ Phòng Tài chính - Kế hoạch hoặc ở các cơ quan khác sang hoặc tuyển dụng cán bộ mới bổ sung về... Tính chung, mỗi huyện, thị xã có từ 4 - 6 cán bộ làm thống kê, biên chế này được ổn định đến năm 1995.

Các Lãnh đạo Phòng Thống kê huyện, thị xã, gồm:

1. Thị xã Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Chúc - Trưởng phòng.
2. Thị xã Bắc Ninh: Bà Đào Thị Mận - Phụ trách phòng.
3. Huyện Sơn Động: Ông Nguyễn Văn Tương - Trưởng phòng.
4. Huyện Lục Ngạn: Ông Lê Hồng Hải - Trưởng phòng.
5. Huyện Lục Nam: Ông Nguyễn Trọng Huynh - Trưởng phòng.
6. Huyện Yên Thế: Ông Nguyễn Thế Vinh - Trưởng phòng.
7. Huyện Hiệp Hoà: Ông Nguyễn Văn Nghi - Trưởng phòng.
8. Huyện Lạng Giang: Ông Hà Văn Đối - Trưởng phòng.



9. Huyện Tân Yên: Ông Nguyễn Thành Thiệu - Trưởng phòng.
10. Huyện Việt Yên: Ông Thân Bá Chi - Trưởng phòng.
11. Huyện Yên Dũng: Ông Nguyễn Hữu Nghị - Trưởng phòng.
12. Huyện Yên Phong: Ông Nguyễn Văn Hiên - Phó trưởng phòng.
13. Huyện Quế Võ: Ông Đặng Văn Kỳ - Trưởng phòng.
14. Huyện Tiên Sơn: Ông Ngô Hiệp Lý - Trưởng phòng.
15. Huyện Thuận Thành: ông Đào Xuân Cánh - Phó trưởng phòng.
16. Huyện Gia Lương: Ông Vũ Huy La - Trưởng phòng.

Ở cấp xã, thời kỳ từ 1986 - 1996, trên danh nghĩa mỗi xã, phường, thị trấn có Ban Thống kê, là bộ phận chuyên môn do UBND xã quản lý, đồng thời chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ của Thống kê cấp huyện, nhưng thực chất chỉ có một Trưởng ban Thống kê, lại phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác như: Ruộng đất, giao thông, xây dựng, Hội nông dân, Mặt trận Tổ quốc... thậm chí có xã có thời điểm không có cán bộ Thống kê. Đến 31/12/1990, toàn tỉnh có 317/336 xã có cán bộ Thống kê (bằng 94% đơn vị cấp xã), trong đó cán bộ thống kê chuyên trách chỉ có 22 người, cán bộ kiêm nhiệm từ 1 đến 2 công việc trở lên có 295 người. Ở các Sở, Ngành và các Doanh nghiệp Nhà nước mỗi đơn vị có một cán bộ làm Thống kê được bố trí trong Phòng Kinh tế Tổng hợp hoặc Phòng Kế toán, nhưng phần đông là kiêm công tác Thống kê.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC

1. Thời kỳ 4/1963 -12/1975

Sau khi sáp nhập, trụ sở làm việc của Chi cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được UBHC tỉnh quyết định chuyển từ Chi sở rượu về đóng tại trụ sở



Ty Công an Bắc Giang (cũ) bên cạnh UBHC tỉnh (khu cầu chui Bắc Giang hiện nay), phương tiện làm việc chủ yếu là các loại tủ, bàn ghế gỗ của 2 Chi cục chuyển về. Sau một thời gian, cơ quan mua sắm thêm tủ, bàn ghế mới, phương tiện tính toán có một bàn tính gậy và được Tổng cục Thống kê trang bị 2 máy quay tay loại TRIOMPATOR, phương tiện đi lại của Lãnh đạo Cục là xe đạp của cá nhân, chưa có xe ô tô.

Tháng 5/1965, khi đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, thực hiện lệnh sơ tán của Tỉnh uỷ và UBHC tỉnh, Chi cục Thống kê sơ tán về làng Phú Khê, xã Tiến Thịnh huyện Tân Yên (sau là xã Quế Nham) cách thị xã Bắc Giang 6 km, mọi sinh hoạt hàng ngày đều nhờ các gia đình, nhà dân địa phương.

Từ giữa năm 1965, cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, theo yêu cầu của Tỉnh uỷ và UBHC tỉnh, các cơ quan phải sơ tán cách xa tỉnh lỵ hơn để bảo toàn tính mạng, tài sản. Đầu năm 1966, cơ quan Chi cục sơ tán về làng Kẹm, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, cách thị xã Bắc Giang 12 km. Ở thời điểm này, được sự giúp đỡ của nhân dân xã Minh Đức, Chi cục dựng được một ngôi nhà tranh tre rộng 4 gian để Ban Lãnh đạo và Phòng Tổ chức - Hành chính làm việc và sinh hoạt, còn các Phòng nghiệp vụ khác vẫn làm việc và sinh hoạt tại các nhà dân.

Năm 1967, máy bay Mỹ đánh phá ác liệt hơn vào các xã ven thị xã Bắc Giang, sân bay Kép, ga Sen Hồ, cầu Bắc Giang... Theo yêu cầu của cấp trên, trụ sở Chi cục Thống kê lại một lần nữa phải chuyển về làng Mỗ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, cách thị xã Bắc Giang 20 km, tập thể cán bộ cơ quan lần nữa phải di vận động nhân dân đóng góp xây dựng một ngôi nhà 3 gian để Phòng Tổ chức - Hành chính làm việc và làm bếp ăn tập thể của Chi cục.



Đầu năm 1969, theo sự chỉ đạo của cấp trên, Chi cục Thống kê lại chuyển trụ sở về làng Trung, xã Vinh Quang, huyện Tân Yên (nay là xã Cao Xá), ở đây cơ quan tập trung kinh phí và di vận động nhân dân đóng góp xây dựng được 2 ngôi nhà tranh tre nửa lá, đủ chỗ làm việc cho các phòng, nơi ở và sinh hoạt của cán bộ vẫn phải dựa vào nhà dân.

Đến đầu năm 1970, sau khi Mỹ tuyên bố chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc, tình hình chiến sự dịu đi, được lệnh của cấp trên Chi cục Thống kê chuyển về thị xã Bắc Giang, UBND tỉnh đã đầu tư kinh phí cho xây dựng 12 gian nhà tranh tre, nửa lá (tại khu đất của Sở Lao động - Thương binh Xã hội tỉnh Bắc Giang). Làm việc ở nơi mới chưa được 2 năm, cuối năm 1971 Chi cục Thống kê lại phải đi sơ tán lần thứ 5 tại làng Thượng, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, lần này tất cả nơi làm việc, sinh hoạt đều dựa vào nhà dân. Đến đầu năm 1973, sau khi đế quốc Mỹ chấp nhận ký Hiệp định Pari (27/01/1973) chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chi cục Thống kê cũng như tất cả các cơ quan khác được chính thức chuyển về thị xã Bắc Giang, lần này được UBHC tỉnh cho xây dựng trụ sở mới tại khu đất trên đường Nguyễn Văn Cừ (hiện nay là một phần đất của cơ quan Bưu điện tỉnh Bắc Giang), được tỉnh hỗ trợ kinh phí và đặc biệt là nhờ sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các xã: Cao Xá, Phúc Sơn và Đại Hoá huyện Tân Yên, chỉ trong thời gian chưa đầy 2 tháng cơ quan Chi cục đã có 3 căn nhà mới với 16 gian tranh tre, nửa lá làm hội trường, phòng làm việc và bếp ăn tập thể cơ quan. Cuối năm 1973 và đầu năm 1974 cơ quan Chi cục Thống kê được UBHC tỉnh trang bị cho một ô tô con (nhãn hiệu Rumani) và cơ quan xây dựng thêm 3 ngôi nhà cấp 4.

2. Thời kỳ 1/1976 - 12/1985

Thời kỳ này, ngành Thống kê cũng như các ngành khác trụ sở cơ quan vẫn đơn sơ, hầu hết là nhà làm tạm sau các lần sơ tán trở về, đến năm 1983, được sự quan tâm của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh đã



tháo dỡ 3 ngôi nhà tranh tre để xây 3 ngôi nhà cấp 4, trong đó có 5 gian nhà hội trường và lãnh đạo làm việc. Những ngôi nhà cấp 4 khác cũng được tu sửa, tôn cao bề thế hơn, các phương tiện: Bàn, ghế, tủ đựng tài liệu cũng được trang bị mới. Trong giai đoạn 1981 - 1985 nhiều cuộc điều tra lớn được Xí nghiệp Tính toán đảm nhiệm việc nhập tin và tổng hợp đạt kết quả tốt.

Cũng trong 2 năm 1984 - 1985 khu tập thể gia đình nằm trong đất của Xí nghiệp Tính toán đối diện Văn phòng Chi cục, được xây nhà cấp 4 tường gạch, lợp ngói thay thế nhà tranh, tre, nứa, lá.

3. Thời kỳ 1/1986 -12/1996

* Trụ sở làm việc: Khi còn ngành dọc, được Tổng cục Thống kê cấp vốn đầu tư và sự hỗ trợ của địa phương, Cục Thống kê đã xây dựng được nhà làm việc của một số Phòng Thống kê huyện: Yên Thế, Lục Ngạn, Sơn Động và thị xã Bắc Ninh; sửa chữa nhà làm việc của một số Phòng Thống kê huyện thị khác, đồng thời nâng cấp Văn phòng Cục và Xí nghiệp Tính toán, nhà tập thể của cán bộ Văn phòng Cục, nhưng nhìn chung đến năm 1994 trụ sở làm việc của Cục cũng như phòng làm việc của các Phòng Thống kê huyện vẫn còn khó khăn.

Văn phòng Cục: Năm 1986, trụ sở Văn phòng Cục ở gần ngã tư đường Nguyễn Văn Cừ và đường Nguyễn Thị Lưu (thuộc Bưu điện Bắc Giang, hiện nay là VNPT Bắc Ninh), Xí nghiệp Tính toán ở bên kia đường, đối diện với Văn phòng Cục. Văn phòng Cục có 6 ngôi nhà cấp 4, mỗi nhà 4-5 gian; Xí nghiệp Tính toán có 2 ngôi nhà cấp 4, vừa để kinh doanh vừa để một số cán bộ công chức xa nhà ở lại sinh hoạt và bảo vệ cơ quan. Các hộ gia đình cán bộ công nhân viên chức chưa có nhà được sắp xếp ở tại 2 dãy nhà trong khu đất Xí nghiệp Tính toán. Bằng nguồn vốn sự nghiệp của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh cấp, hàng năm Cục đầu tư sửa,



nhưng do nguồn vốn có hạn nên trụ sở cơ quan vẫn luôn trong tình trạng xuống cấp, chắp vá, các công trình chưa đảm bảo vệ sinh, mùa mưa cơ quan thường bị lầy lội.

Thực hiện quy hoạch của tỉnh năm 1988, Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu (Xí nghiệp Tính toán cũ) bàn giao đất cho Ngân hàng Công thương tỉnh Hà Bắc xây dựng trụ sở, tiếp nhận cơ sở khác trên đường Nguyễn Văn Cừ, đối diện với Khách sạn Hà Bắc, khu tập thể gia đình được UBND tỉnh cho chuyển về khu đất của Hội Nông dân tỉnh thuộc phường Lê Lợi (sau là phường Hoàng Văn Thụ). Năm 1990, trụ sở Văn phòng Cục được bàn giao cho Bưu điện tỉnh, Cục tiếp nhận trụ sở của Công ty Nông sản - Thực phẩm, trên đường Nguyễn Thị Lưu, sát với Công ty Xuất - Nhập khẩu tỉnh và Xí nghiệp điện cơ Việt - Đức là trụ sở làm việc. Tại địa điểm mới, cơ quan vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa tiến hành tu sửa để ổn định nơi làm việc, sau sửa chữa, cơ quan có 8 ngôi nhà cấp 4; năm 1991 đầu tư nâng cấp hội trường từ nhà cấp 4 thành nhà trần; phía sau Cục cải tạo và dành một số gian nhà để cán bộ độc thân xa nhà ăn ở sinh hoạt, có thời điểm có tới 13 gian nhà. Năm 1995, sau khi bàn giao trở lại ngành dọc, được sự quan tâm của TCTK, Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc lập dự án và năm 1996 tiến hành xây dựng trụ sở mới với quy mô nhà 3 tầng diện tích xây dựng 928 m², kinh phí gần 2 tỷ đồng, ông Ngô Minh Quang - Cục trưởng được TCTK giao làm chủ đầu tư và là Trưởng ban xây dựng, các thành viên khác là: Bà Lê Thị Kim Thoa - Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, bà Nguyễn Thị Chính - Kế toán và cán bộ Sở Xây dựng giám sát thi công, công trình xây dựng chưa hoàn thành thì thực hiện chia tách tỉnh Hà Bắc, việc xây dựng được bàn giao lại cho Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang.

Phòng Thống kê huyện, thị xã: Từ năm 1986 đến khi bàn giao cho UBND cấp huyện quản lý, có 4 Phòng Thống kê cấp huyện là: Thị xã



Bắc Giang, huyện Hiệp Hoà, huyện Thuận Thành và huyện Yên Phong làm việc trong nhà liên cơ quan của UBND huyện, thị xã. Trong đó, Phòng Thống kê thị xã Bắc Giang, Thuận Thành và Yên Phong là nhà kiên cố; 12 Phòng Thống kê huyện, thị còn lại có trụ sở làm việc độc lập, đều là nhà cấp 4, trong đó chỉ có một số trụ sở mới được xây dựng, chất lượng tốt, còn hầu hết đều đã xuống cấp. Sau khi sáp nhập với Phòng Kế hoạch và sáp nhập với Phòng Tài chính, có thêm các huyện Việt Yên, Lạng Giang, thị xã Bắc Ninh và Tiên Sơn bộ phận thống kê được đưa vào làm việc trong nhà liên cơ quan của UBND huyện.

* Phương tiện làm việc: Những năm cuối thập kỷ 80, Cục tiếp tục mua sắm máy tính điện tử Casio loại 8 và 12 để trang bị cho cán bộ, thay thế dần máy tính quay tay, cho đến năm 1990 thì thay thế toàn bộ, trong ngành không còn máy tính quay tay. Cũng trong năm 1990, được sự quan tâm của UBND tỉnh và TCTK, Cục mua 2 giàn máy vi tính hệ 286, kèm theo máy in kim, đồng thời thành lập Tổ vi tính trực thuộc Phòng Tổng hợp do ông Nguyễn Đình Điện làm tổ trưởng. Thực hiện chủ trương của TCTK, Cục đã cử một số cán bộ đi dự lớp đào tạo nghiệp vụ tin học do TCTK tổ chức, làm nòng cốt cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiệp vụ chuyên môn. Năm 1992, sau khi TCTK hoàn thành công tác tổng hợp cuộc Tổng điều tra dân số năm 1989, Cục được phân thêm 2 giàn máy vi tính và sau đó đầu tư mua thêm máy in Laze, máy photocopy và 2 giàn máy tính hệ 486, công suất cao hơn. Từ năm 1992 trở đi, các cuộc điều tra, báo cáo quan trọng và các văn bản hành chính đã được thực hiện bằng các phương tiện tính toán, in ấn hiện đại.

* Các phương tiện làm việc khác: Bàn, ghế, tủ đựng tài liệu tiếp tục được đầu tư, nâng cấp với chất lượng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn trong toàn ngành, cả Văn phòng Cục và phòng Thống kê các huyện, thị xã.



* Phương tiện đi lại: Năm 1986, Cục được đầu tư mua sắm 2 xe ô tô con: 1 xe Rumani, 1 U-oát cũ. Đến năm 1989, trên cơ sở nguồn kinh phí và xe con của tổ chức Dân số Liên Hiệp Quốc (UNEP) tài trợ cho cuộc Tổng điều tra Dân số, được phép của UBND tỉnh, Cục mua thêm chiếc xe U-oát mới, sau đó thanh lý 2 xe cũ. Năm 1995, được TCTK đầu tư kinh phí và UBND tỉnh hỗ trợ thêm, Cục đã mua thêm một xe MAZADA - 626. Phương tiện xe con đảm bảo nhu cầu công tác của Ban Lãnh đạo và các yêu cầu chung khác của ngành.

IV. NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH HÀ BẮC (4/1963-12/1996)

Cũng như tổ chức bộ máy, nhiệm vụ của ngành Thống kê trong giai đoạn này được Nhà nước quy định tại các Nghị định số 131/CP ngày 29/9/1961; Nghị định số 72/CP ngày 5/4/1974 và Nghị định số 23/CP ngày 23/3/1994. Tuy nhiệm vụ cơ bản không thay đổi, nhưng từng thời kỳ khác nhau lại phát sinh các nhiệm vụ mới và các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ cũng thay đổi để phù hợp với tình hình tổ chức kinh tế - xã hội ở mỗi thời kỳ.

1. Thời kỳ 4/1963 -12/1975

Nhiệm vụ thời kỳ này chủ yếu thực hiện theo Nghị định số 131/CP ngày 29/9/1961 của Chính phủ, chức năng nhiệm vụ chung của Tổng cục Thống kê là: “Chỉ đạo tập trung thống nhất toàn bộ công tác điều tra thống kê theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sưu tầm, chỉnh lý, phân tích các tài liệu thống kê có căn cứ khoa học về kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước, lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc kế hoạch hoá nền kinh tế “quốc dân”.

Nghị định đã quy định cụ thể 10 nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê:

1. Lập và ban hành hoặc trình Chính phủ ban hành các biểu mẫu và chế



độ báo cáo thống kê, phương án điều tra, phương pháp tính toán và phân loại các chỉ tiêu thống kê; tổ chức và chỉ đạo các Ngành, các Cấp thực hiện chế độ báo cáo thống kê, các cuộc điều tra thống kê; Thống nhất quản lý các loại biểu mẫu thống kê và phương án điều tra, không ngừng cải tiến công tác thống kê.

2. Trình Hội đồng Chính phủ đồng gửi UBKH Nhà nước các báo cáo thống kê và các báo cáo về quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước; quá trình phát triển kinh tế và văn hoá, tỷ lệ phát triển của các ngành kinh tế kèm theo những nhận xét và kiến nghị.

3. Tổ chức chỉ đạo các cuộc điều tra về tình hình kinh tế, văn hoá, theo chương trình công tác điều tra thống kê hàng năm đã được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn, hoặc theo các Nghị quyết, Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ.

4. Lập các báo cáo Thống kê về cân đối kinh tế quốc dân, tính sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, lập các bảng cân đối về lao động, vật tư, và các biểu tính toán dài hạn về lượng nhân khẩu trong nước.

5. Công bố tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước, công bố tin tức thống kê và xuất bản Niên giám Thống kê cùng các tập san, sách khoa học thống kê.

6. Thống nhất quản lý các số liệu Thống kê về tình hình kinh tế, văn hoá trong nước, cung cấp cho Trung ương Đảng, Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành có liên quan những số liệu thống kê đã được thẩm tra và chỉnh lý để thống nhất sử dụng.

7. Sưu tầm và hệ thống hoá số liệu thống kê về kinh tế, văn hoá miền Nam.

8. Sưu tầm và hệ thống hoá số liệu thống kê về kinh tế, văn hoá nước ngoài.



9. Tổ chức và chỉ đạo việc cải tiến kỹ thuật tính toán từng bước cơ khí hoá và tiến lên tự động hoá tính toán kinh tế ở Việt Nam.

10. Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, ngành Thống kê còn có nhiệm vụ nắm chắc các mặt vật tư, lương thực, hàng hoá và lao động để chi viện cho miền Nam và phục vụ việc chống chiến tranh phá hoại.

Hoạt động của Thống kê cả nước nói chung và của ngành Thống kê Hà Bắc nói riêng trong thời kỳ này là khó khăn, vất vả, TCTK với trách nhiệm là chỉ đạo thống nhất, tham mưu cho Đảng, Nhà nước. Để triển khai thực hiện các công việc, kế hoạch hàng năm, TCTK đã ban hành 586 văn bản quy định hướng dẫn chỉ đạo về công tác thống kê kế toán; trong điều kiện chiến tranh và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, toàn ngành đã vượt qua khó khăn, gian nan và vất vả, đảm bảo công tác với chất lượng thông tin tốt nhất, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trong mọi tình huống, đó là niềm tự hào của Ngành về những năm tháng đầy gian lao vất vả.

Sau đây là một số hoạt động chủ yếu của các lĩnh vực thống kê trong thời kỳ 4/1963-12/1975

1.1. Lĩnh vực Thống kê Tổng hợp

Thời kỳ này khối lượng công việc của Thống kê Tổng hợp thuộc Văn phòng Chi cục khá nặng nề: Ngoài việc thu thập tổng hợp thông tin phục vụ cho sự lãnh đạo điều hành của cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương, còn tiếp thu, tổ chức triển khai nhiều nhiệm vụ mới theo chỉ đạo và hướng dẫn của Tổng cục Thống kê, như: Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo nhanh về tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước với phạm vi thu thập thông tin, nội dung báo cáo và chỉ tiêu của mỗi đơn vị, từ kinh tế quốc doanh đến HTX đối với các ngành Công nghiệp, Thương nghiệp, Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản; từ tháng 5/1963-6/1968, triển khai chế độ báo cáo Thống kê



định kỳ chính thức cho quốc doanh dược phẩm, công ty ngoại thương, các công ty thương nghiệp và các nông, lâm trường... Từ năm 1963, UBHC tỉnh giao ngành Thống kê triển khai công tác xét duyệt công nhận, công bố hoàn thành kế hoạch Nhà nước ở một số ngành. Năm 1965, giao cho ngành Thống kê là cơ quan thường trực, chủ trì các cuộc xét duyệt, công nhận hoàn thành kế hoạch Nhà nước hàng năm cho các Xí nghiệp, Nông, Lâm trường, Trạm trại và xét công nhận các HTX nông nghiệp đạt 3 mục tiêu (5 tấn thóc, 1 lao động, 2 đàn lợn trên 1 ha gieo trồng). Năm 1966, Thống kê Tổng hợp triển khai và thực hiện nhiệm vụ tổ chức thu thập thông tin về thiệt hại chiến tranh theo Nghị định số 115/HDCP ngày 29/6/1966 của Hội đồng Chính phủ. Từ 1963 - 1975, xuất hiện nhiều lũ lụt, Tổng cục Thống kê đã chỉ đạo các địa phương tổ chức thu thập tin tức về thiệt hại do lũ lụt gây ra hàng năm.

Về phương pháp chế độ: Thời kỳ từ 1965-1967, TCTK đã phối hợp với các Bộ, Ngành nghiên cứu và ban hành một số quy định về Tiêu chuẩn và hạch toán Ngành. Tháng 2/1972, Chính phủ quy định thống nhất thành lập hệ thống danh mục sản phẩm và tháng 3/1974 tiến hành phân ngành kinh tế quốc dân. Thực hiện các quyết định của TCTK và Chính phủ, Thống kê Tổng hợp đã tổ chức triển khai chế độ ghi chép ban đầu và hướng dẫn phương pháp tổng hợp, lập báo cáo thống kê trên cơ sở số liệu hạch toán gốc và phân ngành kinh tế trong các báo cáo tổng hợp; thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 02/01/0971 của Chính phủ, Thống kê Tổng hợp tiếp tục củng cố tổ chức xây dựng hệ thống thông tin kinh tế, nhất là năng lực sản xuất thống kê cơ sở xã, HTX và phối hợp thống nhất sử dụng số liệu Thống kê - Kế toán trong các đơn vị kinh tế quốc doanh và HTX. Tháng 12/1974, Phòng Tổng hợp tiến hành lập danh mục các cơ quan Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 571/TCTK ngày 22/10/1975; tháng 4/1963 tổ chức điều tra thu chi tiền tệ của nhân dân,



tính cân đối vật chất, thu chi tiền tệ và tính thu nhập quốc dân các năm 1965, 1968, 1969...

1.2. Thống kê Công nghiệp và Giao Thông - Vận tải

Trong thời kỳ này, cán bộ thống kê từ tỉnh đến huyện, thị xã phải bám sát các Xí nghiệp, Nhà máy, Công trường để nắm bắt kịp thời các diễn biến về sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, mặt khác phải tổ chức mạng lưới thu thập, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của các HTX, các tổ sản xuất tiểu thủ công nghiệp nằm rải rác ở các xã, thị trấn trong tỉnh. Tháng 6/1963, Tổng cục ban hành biểu mẫu và áp dụng chế độ báo cáo tháng đối với Thống kê Công nghiệp, Giao Thông - Vận tải. Năm 1964 quy định chế độ báo cáo riêng đối với các đơn vị Vận tải chủ lực; Xí nghiệp vận tải ô tô, Vận tải đường sông; Các đơn vị xe chủ lực thuộc các Công ty Thương nghiệp, Lâm nghiệp, báo cáo định kỳ khối lượng luân chuyển, phương tiện và tiêu hao nguyên liệu vận tải; trong năm 1964 Phòng Thống kê Công nghiệp còn tiếp tục triển khai theo dõi thu mua nguyên liệu nông sản, chế độ ghi chép ban đầu các ngành Điện, Cơ khí, Địa chất, tính năng suất lao động, giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng thuần túy của ngành Công nghiệp, tính mức độ hoàn thành công nhận và công bố hoàn thành kế hoạch của các đơn vị kinh tế quốc doanh, HTX-TTCN. Năm 1965, TCTK ban hành và áp dụng hệ thống biểu mẫu mới về Thống kê Giao thông Vận tải, Bưu điện để Chi cục tổng hợp báo cáo TCTK. Từ năm 1967, Thống kê Công nghiệp tiến hành điều tra toàn diện về vận tải thô sơ vào thời điểm 01/7/1967, 1968, 1969 để làm cơ sở báo cáo tình hình vận tải thô sơ hàng năm. Tháng 8/1968 tiến hành điều tra toàn diện và cấp tốc các tổ máy phát điện Diezen có công suất từ 10kw trở lên. Tháng 11/1968 tiến hành điều tra tình hình sản xuất ngành cơ khí.



1.3. Thống kê Xây dựng cơ bản

Tháng 5/1963, triển khai chế độ báo cáo định kỳ, chính thức đối với các đơn vị thi công xây lắp. Năm 1964, tiến hành áp dụng phương pháp thống nhất hạch toán vốn đầu tư đã hoàn thành huy động vào sản xuất ngành Công nghiệp (tháng 6/1964); ngành Thủy lợi, Xây dựng và các Lâm trường (tháng 11/1964). Năm 1967, thực hiện chế độ báo cáo nhanh 10 ngày 1 lần đối với các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm. Năm 1968, tiến hành điều tra toàn diện, xác định hiệu quả vốn đầu tư và xác định cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành Công nghiệp.

1.4. Thống kê Nông nghiệp

Ở lĩnh vực này, TCTK đã ban hành 160 văn bản chỉ đạo (chiếm 27,3% văn bản của toàn ngành) về chỉ đạo tổng kết, đánh giá các phương pháp, biểu mẫu đã ban hành triển khai nhiệm vụ hàng năm và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ mới. Trong điều kiện thời chiến, thống kê nông nghiệp đã bám sát cơ sở để tiến hành ghi chép, điều tra. Về phương pháp, năm 1965 đã chỉ đạo các huyện, thị xã tiến hành tổng kết đánh giá tình hình thí điểm xây dựng mạng lưới thống kê cơ sở; năm 1966 tiếp tục triển khai chế độ ghi chép ban đầu đối với HTX, đội sản xuất về tổ chức lao động, chi công điểm và kết quả sản xuất ngành trồng trọt, chăn nuôi tập thể, cũng năm này phối hợp với Ty Nông nghiệp, thống kê nông nghiệp đã triển khai phương án nghiên cứu thâm canh tăng năng suất lúa theo Kế hoạch 229/TCTK ngày 29/3/1966 của TCTK. Năm 1967, triển khai phương pháp tính năng suất cây lương thực. Năm 1968, tiến hành tính một số chỉ tiêu phát triển ngành chăn nuôi, diện tích gieo trồng bình quân 1 lao động và năm 1969 quy định chính thức phương pháp tính 3 mục tiêu trong nông nghiệp và hệ thống mẫu báo cáo thống kê nông nghiệp.



- *Thống kê sản xuất Diện tích - Năng suất cây trồng*: Thống kê Nông nghiệp đã phối hợp với Ban Quản lý ruộng đất thuộc Ty Nông nghiệp, 2 lần tiến hành điều tra diện tích đất đai. Năm 1967, điều tra toàn diện diện tích đã sử dụng vào nông nghiệp, năm 1970 điều tra kết hợp đo đạc bổ sung và giải thửa đất đã sử dụng vào nông nghiệp và xác định đất có khả năng nông nghiệp. Hàng năm đều tiến hành điều tra kết thúc gieo cấy theo mùa vụ: Vụ Đông - Xuân, vụ Mùa và một số cây trồng vụ Hè thu; điều tra gặt điểm điển hình và tiến hành nắm thực thu năng suất lúa một số cây màu lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày. Từ năm 1966, phương pháp nghiên cứu thâm canh tăng vụ năng suất lúa được cụ thể hoá trong chế độ báo cáo tiến độ sản xuất và điều tra năng suất theo hệ thống các biện pháp kỹ thuật thâm canh. Bên cạnh báo cáo năng suất nói chung phân theo xã, HTX, từ năm 1966 Thống kê Nông nghiệp còn báo cáo danh sách các HTX đạt 5 tấn thóc/ha; từ năm 1968, báo cáo danh sách HTX, xã và huyện đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp; năm 1968, tiến hành điều tra trồng cây gây rừng.

- *Thống kê chăn nuôi*: Hàng năm, tiến hành điều tra chăn nuôi 1/4 và 1/10. Năm 1966, Tổng cục chỉ đạo nghiên cứu về chủ trương phát triển chăn nuôi đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, tập trung chủ yếu vào nghiên cứu chăn nuôi lợn, nguồn thực phẩm chính, phát triển chăn nuôi trâu bò đảm bảo sức kéo, phân bón cho trồng trọt. Năm 1968, tiến hành điều tra tình hình sử dụng mặt nước ao hồ, đập, sông, suối vào việc nuôi cá, tính chỉ tiêu 2 đầu lợn trên ha gieo trồng.

- *Thống kê Hợp tác xã*: Trong thời kỳ này Nhà nước có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm cải tiến quản lý HTX, Thống kê Nông nghiệp cũng tập trung chỉ đạo phục vụ cho các chủ trương đó. Từ năm 1963, hàng năm tiến hành điều tra tình hình thu nhập phân phối trong HTX nông nghiệp theo phương án của TCTK. Thực hiện Thông tư số 17/TCTK



ngày 22/9/1965 của TCTK về kế hoạch phục vụ cải tiến quản lý kỹ thuật HTX Nông nghiệp, Thống kê Nông nghiệp đã chỉ đạo hoàn thành nhiều cuộc điều tra đối với HTX, như: Điều tra tình hình cơ bản HTX hàng năm từ 1966-1969; Điều tra tình hình trang bị và hiệu quả sử dụng cơ khí nhỏ trong HTX năm 1966, 1968; Điều tra tình hình sản xuất, thu nhập, phân phối năm 1967; Điều tra tình hình phân công và sử dụng lao động năm 1968; Điều tra tình hình sử dụng công cụ lao động trong HTX Nông nghiệp năm 1969. Năm 1975, Thống kê Nông nghiệp đã thu thập, tổng hợp số liệu báo cáo kết quả sản xuất và huy động lương thực trong các HTX nông nghiệp; triển khai hệ thống chứng từ ghi chép ban đầu và sổ sách tổng hợp kế toán theo hệ Thống tài khoản mới và áp dụng chế độ báo cáo cho các HTX nông nghiệp.

- *Thống kê Đời sống nông dân*: Năm 1964, Thống kê Nông nghiệp tiến hành thí điểm điều tra chọn mẫu đời sống nông dân. Năm 1965 tổng kết, bổ sung hoàn chỉnh phương pháp, bổ sung chỉ tiêu, sửa đổi sổ sách và triển khai quy định chế độ ghi chép thường xuyên của các hộ thuộc điểm điều tra thu-chi gia đình nông dân. Từ năm 1967, Thống kê Nông nghiệp thực hiện chế độ báo cáo tình hình và biện pháp chống đói giáp hạt của nông dân theo Công văn 358/TCTK ngày 15/5/1964 và Thông tư số 01/TCTK ngày 11/2/1965 của TCTK. Năm 1965, điều tra toàn diện thu thập số liệu cơ bản của nông dân, nhằm đánh giá mức sống của nông dân sau 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1961-1965. Cũng trong năm 1965, Thống kê Nông nghiệp còn điều tra tình hình hộ khẩu đi xây dựng kinh tế, văn hoá Miền núi - Trung du.

1.5. Thống kê Thương nghiệp - Giá cả

Trong điều kiện sản xuất còn nhiều khó khăn, hàng hóa khan hiếm, Nhà nước áp dụng phương thức phân phối thống nhất về định lượng cho từng loại đối tượng tiêu dùng, bằng tem phiếu, sổ mua hàng... trong hoàn



cảnh chiến tranh phá hoại ác liệt, việc thu mua nắm nguồn hàng và cung ứng hàng cho các đối tượng gặp nhiều khó khăn. Trong thời kỳ này, Nhà nước xác định “Thương nghiệp là mặt trận nóng bỏng” để tăng cường quản lý thị trường, đảm bảo đáp ứng định lượng hàng hoá cho nhân dân, nên ngành Thống kê đã ban hành nhiều quy định (125 văn bản) để nắm bắt kịp thời tình hình và diễn biến phức tạp của thị trường.

Thực hiện Quyết định số 95/TCTK ngày 25/9/1963 về tăng cường công tác tính chỉ số vật giá bán lẻ, từ tháng 10/1963 áp dụng chế độ báo cáo công tác thống kê định kỳ về chỉ vật giá cho các Ty, công ty Thương nghiệp, các công ty chuyên doanh Thương nghiệp, Ty Lương thực và các công ty Lương thực do Nhà nước quản lý. Từ 01/12/1963, ngành Thống kê phối hợp với các Ty, công ty Thương nghiệp, Lương thực, Quốc doanh Dược phẩm, Công ty Ngoại thương... tiến hành kiểm kê hàng hoá tồn kho vào thời điểm 0 giờ ngày 01/01 hàng năm. Năm 1964, tổ chức triển khai hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức, báo cáo nhanh về thương nghiệp theo Quyết định số 184/TCTK ngày 13/3/1964 và hệ thống biểu mẫu báo cáo định kỳ về ngoại thương theo Quyết định số 168/TCTK ngày 24/3/1964 của TCTK. Cũng trong năm 1964, Thống kê tiến hành thu thập tổng hợp và báo cáo tình hình mua, bán, tồn kho lương thực; báo cáo tổng hợp phí lưu thông hàng hoá; báo cáo tổng hợp mức bán chung và mức bán thuần tuý; báo cáo thu mua nông sản, dược liệu, trâu bò; báo cáo tình hình lao động và tiền lương trong các Xí nghiệp Thương nghiệp; báo cáo mạng lưới thương nghiệp bán lẻ; báo cáo tình hình lương thực trên thị trường tự do; triển khai Điều lệ tạm thời 43/TTg của Thủ tướng Chính Phủ về kế hoạch hạch toán - Thống kê giá thành và phí lưu thông hàng hoá; triển khai hệ thống biểu mẫu Thống kê áp dụng cho các ngành Nông nghiệp, Bưu điện - Truyền thanh, Văn hoá thông tin, Y tế... Năm 1965, thực hiện Chỉ thị 1195/TCTK ngày 25/11/1965 của



TCTK, Thống kê Thương nghiệp tiếp tục mở rộng phạm vi tính chỉ số giá cả sang ngành ăn uống công cộng, một nhóm hàng hoá, tư liệu tiêu dùng trên thị trường tự do; từ 1965 tiến hành điều tra tiểu thương về hộ khẩu lao động, thu nhập và các khoản đóng góp của hộ. Năm 1966, áp dụng chế độ báo cáo định kỳ đối với Ngân hàng Nhà nước, tiến hành điều tra sức mua xã hội và Tổng kiểm kê hàng tồn kho đối với một số tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng chủ yếu vào 0 giờ ngày 01/7/1966. Năm 1968, triển khai chế độ ghi chép ban đầu cho các đơn vị thuộc ngành Lương thực. Xác định lại khẩu được Nhà nước cung ứng lương thực, điều tra tình hình thu mua thịt lợn, cân đối lương thực trong HTX Nông nghiệp, làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất và nghĩa vụ lương thực, thực phẩm hàng năm. Năm 1969, ngành Thống kê tham gia vào cuộc vận động chống ăn cắp, đầu cơ buôn lậu vật tư hàng hoá của Nhà nước và tăng cường một bước quản lý thị trường theo Thông tư số 99/TCTK ngày 29/1/1969 của TCTK. Năm 1973, triển khai hệ thống biểu mẫu ghi chép ban đầu về luân chuyển hàng hoá của ngành Thương nghiệp, Dược phẩm, làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về mua vào, bán ra và tồn kho của 2 ngành hàng này.

1.6. Thống kê Dân số - Văn xã

Trong thời kỳ này, để thực hiện thống kê Dân số, Văn xã (Giáo dục, Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao, Y tế...) lĩnh vực này đã nghiên cứu, tổ chức thực hiện 109 văn bản với các hoạt động chủ yếu sau:

- *Thống kê Dân số*: Hàng năm, đều tiến hành điều tra lập danh sách các loại nhân khẩu để cấp phát các loại tem phiếu và điều tra biến động dân số: Sinh tử, chuyển đi, chuyển đến và kết hôn vào thời điểm ngày 01/10 hàng năm. Từ năm 1964, Thống kê Văn xã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về biến động cơ học nhân khẩu ở thành thị, báo cáo số lần sinh của Phụ nữ trong độ tuổi theo quyết định số 710/TCTK và 1043/TCTK



của TCTK. Năm 1965, tiến hành lập sổ hộ khẩu toàn tỉnh, phân theo thành thị và nông thôn. Thực hiện Nghị định số 32/HĐCP ngày 29/2/1968 của Hội đồng Chính Phủ và Thông tư liên bộ 406/TT LB-TCTK- BCA ngày 4/6/1968 của TCTK và Bộ Công an, Thống kê Văn xã đã phối hợp với Công an tổ chức thực hiện đăng ký hộ tịch, hộ khẩu trong phạm vi toàn tỉnh (ở cấp xã và các huyện, thị), hàng năm thống nhất sử dụng sổ đăng ký này làm cơ sở cho các báo cáo về dân số. Năm 1969, tổ chức Tổng kiểm tra việc cấp phát các loại tem phiếu, vải, lương thực, thực phẩm.

Để chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra Dân số toàn miền Bắc lần thứ hai vào thời điểm 01/4/1974, Ban chỉ đạo (BCĐ) Tổng điều tra Dân số tỉnh được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 24/4/1973 của Thủ tướng Chính Phủ, do ông Nguyễn Văn Sinh - Phó chủ tịch UBHC tỉnh làm Trưởng ban, ông Nguyễn Mậu Hãn - Chi cục trưởng Chi cục Thống kê làm Phó trưởng Ban thường trực, ông Nguyễn Xuân Nam - Trưởng phòng Dân số - Văn xã làm Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo; ở các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn trong tỉnh đều thành lập BCĐ, các Trưởng phòng Thống kê huyện, thị xã, Trưởng ban Thống kê cấp xã được giao làm Phó trưởng ban Thường trực cuộc Tổng điều tra. BCĐ đã tiến hành công tác chuẩn bị từ tháng 6/1973 đã xác định lại ranh giới hành chính giữa các xã, các thôn, bản, lập sơ đồ khu dân cư; rà soát bổ sung sổ hộ tịch, hộ khẩu cấp xã, sổ khẩu ở từng gia đình; phân định nhân khẩu thành thị, nông thôn... Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, cho cán bộ tổng hợp các cấp... nhờ chuẩn bị tốt nên cuộc Tổng điều tra Dân số 1/4/1974 của tỉnh Hà Bắc đã hoàn thành đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng, số liệu từ Tổng điều tra là cơ sở tin cậy cho các ngành, các cấp, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- *Thống kê Lao động*: Năm 1963, tiến hành điều tra điển hình về lao động và tiền lương thuộc khu vực sản xuất, áp dụng chế độ báo cáo định



kỳ hàng năm về đào tạo bổ túc các loại công nhân kỹ thuật, về lao động tiền lương. Năm 1964, tiến hành điều tra lao động tiền lương trong các ngành kinh tế quốc dân thuộc khu vực Nhà nước và Công ty hợp doanh; điều tra cán bộ khoa học kỹ thuật có đến 31/12/1965. Năm 1966, áp dụng chế độ báo cáo định kỳ về lao động, nhân khẩu đi xây dựng phát triển kinh tế - văn hoá miền núi và trung du. Năm 1968, triển khai chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo thống kê về tuyển dụng lao động, về dân công thời chiến; điều tra cấp tốc toàn bộ lao động trong các ngành thuộc khu vực Nhà nước có đến 31/3/1967. Năm 1968-1969 đều tiến hành điều tra lao động và cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc các ngành kinh tế do Nhà nước quản lý nhằm cân đối lao động sản xuất, lực lượng lao động tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu, làm cơ sở cho việc lập danh sách các đối tượng thực hiện điều lệnh nghĩa vụ lao động thời chiến. Năm 1972, áp dụng hệ thống biểu mẫu mới về thống kê, chứng từ bảo hiểm y tế ở các đơn vị cơ sở thay cho biểu mẫu và chứng từ đã ban hành 1/9/1967. Năm 1973, áp dụng chế độ báo cáo định kỳ chính thức về lao động tiền lương, cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật, việc tuyển sinh, tuyển dụng công nhân kỹ thuật... thay cho các cuộc điều tra tương ứng đã thực hiện các năm trước đây.

- *Thống kê Đời sống Công nhân Viên chức (CNVC)*: Năm 1964 triển khai chế độ báo cáo định kỳ về đời sống gia đình CNVC; điều tra nhân khẩu gia đình CNVC. Năm 1965, thu thập chỉnh lý số liệu 5 năm về điều tra đời sống CNVC 1961-1965. Năm 1966 triển khai sổ sách ghi chép ban đầu và biểu báo cáo tình hình nhà ăn tập thể phục vụ đời sống CNVC.

- *Thống kê văn xã*: Năm 1963, Thống kê Dân số - Văn xã tiến hành thu thập, lập báo cáo thống kê đầu năm học, giữa năm học và cuối năm học đối với các trường chuyên nghiệp thuộc các ngành quản lý. Năm 1968, áp dụng báo cáo thống kê định kỳ cho Ty Văn hoá và hệ thống giáo dục phổ



thông, mẫu giáo, vỡ lòng; y tế; thể dục thể thao, thông tin, truyền thanh. Năm 1969, thống kê trình độ văn hoá của nhân dân. Năm 1972, áp dụng chế độ báo cáo thống kê đối với công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em. Năm 1973, áp dụng chế độ báo cáo tình hình trường, lớp, học sinh, giáo viên và các cơ sở vật chất cho dạy và học của toàn bộ hệ thống giáo dục, báo cáo 3 lần/năm học. Cũng trong năm 1973, Thống kê Dân số - Văn xã đã phối hợp với Ty Lao động Thương binh và Xã hội điều tra về thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa và người tàn tật, làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách xã hội của Nhà nước.

2. Thời kỳ 1/1976 -12/1985

Nhiệm vụ của ngành Thống kê trong thời kỳ này thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCTK, ban hành theo Nghị định số 72/CP ngày 5/4/1974 của Hội đồng Chính Phủ, đó là: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và kịp thời báo cáo với Lãnh đạo Đảng và Nhà nước những thông tin chính xác, có cơ sở khoa học về quá trình tái sản xuất Xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế quốc dân, để làm căn cứ cho việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. TCTK tổ chức và cải tiến kỹ thuật tính toán từng bước cơ khí hoá và tự động hoá tính toán kinh tế trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân”.

Đối với Chi cục Thống kê tỉnh, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong điều 20 Nghị định số 72/CP: “Chi cục Thống kê tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của TCTK, đồng thời thực hiện nhiệm vụ thống kê của UBHC tỉnh”, gồm:

1. Tổ chức chỉ đạo công tác thống nhất hạch toán kế toán và thống kê trong địa phương; bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của Tổng cục trưởng, thực hiện nghiêm chỉnh các báo cáo Thống kê, các cuộc điều tra, các chế độ phương pháp và quy định của TCTK về hạch toán kế toán và thống kê.



2. Báo cáo với UBHC tỉnh các bảng số liệu và phân tích về mức độ hoàn thành kế hoạch Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế, văn hoá từng thời kỳ của địa phương; lập báo cáo về cân đối kinh tế, cung cấp các số liệu để địa phương nghiên cứu xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

3. Giúp UBHC tỉnh đề ra những yêu cầu về công tác Thống kê của địa phương, xây dựng các biểu mẫu và phương án điều tra Thống kê của tỉnh, trình TCTK phê duyệt trước khi thi hành; kiểm tra tính chính xác của số liệu về tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở trong địa phương.

4. Hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các cấp của địa phương chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo điều tra Thống kê của Nhà nước, thực hiện đúng các quy định về phương pháp, chế độ và các quy định khác của TCTK về hạch toán kế toán và Thống kê; giúp đỡ các ngành, các cấp của địa phương tổ chức thực hiện chế độ Thống nhất hạch toán Thống kê và chế độ ghi chép ban đầu của các đơn vị cơ sở.

5. Thống nhất quản lý, công bố và cung cấp số liệu Thống kê của địa phương cho các cơ quan theo kế hoạch và theo chế độ đã được TCTK quy định. Ra thông báo về mức độ hoàn thành kế hoạch Nhà nước của địa phương.

6. Quản lý tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, kinh phí, tài sản theo sự phân cấp của TCTK; phối hợp với Ty Tài chính trong việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho cán bộ làm công tác Thống kê, thống nhất hạch toán kế toán - Thống kê; hướng dẫn cải tiến kỹ thuật tính toán và quản lý các cơ sở tính toán, các cơ sở truyền tin của ngành Thống kê ở địa phương.

7. Theo sự uỷ nhiệm của TCTK thực hiện hướng dẫn kiểm tra công tác thống nhất hạch toán kế toán và Thống kê, thu thập báo cáo và rà soát công bố số liệu của các đơn vị cơ sở do Bộ, Ngành ở Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh.



8. Khi phát hiện những vi phạm về chế độ, phương pháp kế toán và Thống kê về tình hình chính xác của các số liệu kế toán và Thống kê, Chi cục Thống kê phải báo cáo ngay cho TCTK để kịp thời xử lý.

Hoạt động của ngành Thống kê trong thời kỳ này có nhiều thuận lợi hơn thời kỳ trước. Làm việc trong điều kiện hoà bình, cơ sở vật chất tuy còn đơn sơ nhưng đã dần ổn định; cán bộ được tăng cường cả về lượng và chất lượng nhất là những năm 1981-1985; sau hơn 20 năm xây dựng, các phương pháp, chế độ báo cáo thống kê đã có bước cải thiện đáng kể, hệ thống tổ chức kinh tế - xã hội đã được củng cố từ cơ sở đến tỉnh. Bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và phương pháp chế độ do Chính phủ và TCTK quy định, Chi cục Thống kê Hà Bắc củng cố tổ chức không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.1. Thống kê Tổng hợp

Nhiệm vụ công tác Thống kê thời kỳ này khá ổn định, ngoài những nhiệm vụ đã triển khai từ thời kỳ trước: như báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ chính thức, sưu tầm hệ thống số liệu Thống kê hàng năm... Thống kê Tổng hợp còn triển khai các nhiệm vụ theo Nghị định số 29/CP ngày 12/2/1975 của Hội đồng Chính phủ, như: hệ thống báo cáo nhanh cho các Ty, ngành chủ quản và đơn vị cơ sở có quy mô sản xuất lớn của địa phương và trung ương đóng trên địa bàn; mở rộng phạm vi xét duyệt hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị cung ứng vật tư; năm 1977 triển khai chế độ báo cáo nhanh cho các đơn vị quân đội chuyên làm kinh tế; năm 1978 tiến hành sửa đổi hệ thống biểu mẫu báo cáo nhanh cho tất cả các đơn vị kinh tế Nhà nước; năm 1981 triển khai chế độ báo cáo thống kê định kỳ cấp huyện; năm 1985 tiến hành thu thập báo cáo định kỳ chính thức về ngân sách địa phương, tài chính Xí nghiệp. Năm 1985, ngành Thống kê đã được Chính phủ giao cho nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, lập báo cáo hoạt



động kinh tế - xã hội thuộc tất cả các thành phần kinh tế (trừ các hoạt động thuộc lĩnh vực Nội chính, Tư pháp).

Trong thời kỳ này, Thống kê cân đối được tăng cường cán bộ và hoạt động nghiệp vụ: Năm 1976, thực hiện Thông tư số 183/TCTK-PPCĐ ngày 28/2/1976 của TCTK, Thống kê Tổng hợp tổ chức rà soát các đơn vị kinh tế - xã hội; tiến hành phân ngành kinh tế quốc dân và lập danh mục các cơ quan trung ương, các Ty (1976); danh mục các ngành đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ trên đại học, đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; danh mục ngành nghề công nhân kỹ thuật; danh mục xí nghiệp theo ngành kinh tế quốc dân; danh mục các thị xã, thị trấn, huyện trực thuộc địa phương (1977); danh mục các đơn vị hành chính theo vùng địa lý (1978); danh mục các Ty, Ngành theo cấp quản lý; danh mục nghề nghiệp, danh mục thành phần dân tộc Việt Nam (1979) và danh mục ngành chuyên môn cán bộ có trình độ trên đại học... làm cơ sở cho việc tổng hợp số liệu thống kê. Năm 1982, tiếp tục điều chỉnh lại danh mục các Ty, Ngành, danh mục ngành nghề đào tạo công nhân kỹ thuật và danh mục ngành nghề đào tạo cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp; áp dụng phân ngành kinh tế quốc dân theo Nghị định số 177/HĐBT ngày 18/10/1982 của Hội đồng Bộ trưởng trong các báo cáo tổng hợp và tính cân đối kinh tế hàng năm.

Về *hạch toán*: Năm 1980 tổ chức triển khai vận dụng chế độ thống nhất hạch toán kế toán thống kê trong các HTX nông, lâm nghiệp, Xây dựng cơ bản và Vận tải.

2.2. Thống kê Công nghiệp, XD CB, Giao Thông - Vận tải và Bưu điện

Trong thời kỳ này thống kê chuyên ngành nói chung và thống kê Công nghiệp, XD CB, GTVT và Bưu điện nói riêng chủ yếu tập trung theo dõi thu thập thông tin đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước,



phân tích làm rõ các yếu tố, các nguyên nhân tác động đến mức độ hoàn thành kế hoạch của từng Ty, Ngành, huyện, thị xã và từng đơn vị kinh tế cơ sở. Đồng thời, củng cố mạng lưới tổ chức, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nâng cao trình độ cho cán bộ thống kê cơ sở, nhằm thực hiện tốt chế độ báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ chính thức đã ban hành. Ngoài những nhiệm vụ đã triển khai các thời kỳ trước, trong thời kỳ này Thống kê Công nghiệp, Thống kê XDCB-Vật tư còn triển khai một nhiệm vụ mới, như: Năm 1977 triển khai Điều lệ hạch toán Xí nghiệp theo Nghị định số 208/CP ngày 29/10/1977 của Hội đồng Chính phủ, hướng dẫn các Xí nghiệp tính lại giá trị tài sản cố định theo Thông tư ngày 28/10/1977 của Bộ Tài chính; năm 1980, triển khai chế độ báo cáo cân đối vật tư cho các đơn vị sử dụng làm cơ sở phân tích mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất của các đơn vị; điều tra tình hình cung ứng và sử dụng vật tư trong tất cả các đơn vị, các cơ quan hành chính sự nghiệp, các trường học trên địa bàn; năm 1981, áp dụng phương pháp hạch toán theo Quyết định số 25/CP, 26/CP của Chính phủ về đổi mới công tác xây dựng kế hoạch trong các Xí nghiệp, gồm 3 phần tương ứng với nguồn cung ứng vật tư của Nhà nước, của tập thể và cá nhân cán bộ CNV trong Xí nghiệp, nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động. Năm 1982, điều tra lực lượng khảo sát thiết kế xây dựng, ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo tiến độ 10 ngày đối với các công trình XDCB trọng điểm, hệ thống biểu mẫu báo cáo định kỳ chính thức cho các HTX sản xuất tiểu thủ công nghiệp khai thác lâm sản và tiến hành lập báo cáo tồn kho vật tư ngày 01/7/1982. Bên cạnh đó, lĩnh vực thống kê này còn thu thập, tổng hợp phân tích, phản ánh về những khó khăn trong sản xuất CN - TTCN, tình trạng thiếu hụt vật tư nguyên liệu gây ảnh hưởng đến sản xuất cuối năm 1975.

2.3. Thống kê Nông nghiệp

Trong thời kỳ này, phương pháp chế độ mới về Thống kê Nông nghiệp ít hơn thời kỳ trước. Thống kê Nông nghiệp chủ yếu thực hiện các



chế độ báo cáo và các cuộc điều tra đã được TCTK quy định, như: Điều tra toàn diện về diện tích cây trồng hàng năm, vụ Đông-Xuân, vụ Mùa và vụ Đông; chăn nuôi 1/4, 1/10; tình hình cơ bản HTX Nông nghiệp 1/7. Điều tra điển hình (hoặc chọn mẫu) về Năng suất-Sản lượng cây trồng theo 2 vụ Đông Xuân và vụ Mùa, đời sống nông dân... Thực hiện các báo cáo định kỳ khối quốc doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản... Thời kỳ này, Thống kê Nông nghiệp đã tiến hành một số cuộc điều tra và triển khai một số chế độ mới; phối hợp với Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính triển khai chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo thống kê cho các trạm máy kéo; năm 1978 triển khai chế độ thống nhất hạch toán Kế toán - Thống kê cho HTX Nông nghiệp kiêm sản xuất Lâm nghiệp ở các huyện miền núi; Năm 1981, tiến hành điều tra tình hình sản xuất phân phối trong các HTX Nông nghiệp, điều tra “20 năm trồng cây theo lời Bác”. Năm 1982 tổ chức triển khai các nhiệm vụ thống kê phù hợp với cơ chế khoán theo Chỉ thị 100/CT của Ban Bí thư và cơ chế quản lý cấp huyện theo Nghị quyết 33/CP của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Thống kê Nông nghiệp còn cung cấp cho cấp uỷ Đảng và Chính quyền các báo cáo phân tích, các chỉ tiêu chất lượng về kinh tế tập thể HTX Nông nghiệp, như: Quan hệ giữa hiệu quả sản xuất với quy mô HTX; tình hình cung ứng vật tư thiết bị của Nhà nước với nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm của HTX trong hợp đồng kinh tế hai chiều, tình hình lao động và cán bộ khoa học kỹ thuật trong HTX... Thống kê Nông nghiệp đã tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin phục vụ các nhiệm vụ của cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương trong việc lãnh đạo và chỉ đạo một nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất Nông nghiệp, đã cụ thể hoá các nhiệm vụ bằng các chỉ tiêu, biểu mẫu để thu thập, lập báo cáo nhanh 5 - 10 ngày /1 lần,...



2.4. Thống kê Thương nghiệp - Giá cả

Trong thời kỳ này, Thống kê Thương nghiệp - Giá cả (bao gồm cả nghiệp vụ Thống kê Tài chính, Ngân hàng) tổ chức triển khai một nhiệm vụ mới, như: Năm 1973, triển khai chế độ ghi chép ban đầu về lưu chuyển hàng hoá ngành nội thương và dược phẩm; năm 1975 điều tra nợ khê đọng tiền vay ngân hàng trong các HTX; năm 1978, triển khai chứng từ ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo tình hình thu mua, cung ứng hàng 2 chiều theo hợp đồng kinh tế trong kế hoạch hàng năm; triển khai biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện chủ trương chuyển cán bộ kinh doanh vật tư, thương nghiệp, ăn uống, kinh doanh nhà trọ tư doanh sang sản xuất; năm 1982, triển khai chế độ báo cáo tình hình thu mua nông, lâm, thủy sản và bán lẻ hàng hoá theo hệ thống biểu mẫu sửa đổi của TCTK; năm 1985 áp dụng chế độ báo cáo định kỳ cho các đơn vị hạch toán kinh tế độc lập kinh doanh lương thực và nội thương.

Hàng năm, Thống kê Thương nghiệp phối hợp với Sở Thương nghiệp và Công an tỉnh tiếp tục tiến hành rà soát về hộ khẩu, lao động làm cơ sở xét duyệt cấp phát đầu năm và bổ sung trong năm về tem phiếu lương thực, thực phẩm... Đặc biệt, Thống kê Thương nghiệp - Giá cả đã tổ chức thu thập báo cáo tiến độ huy động lương thực, thực phẩm và cung ứng hàng hoá của Nhà nước cho nông dân theo hợp đồng kinh tế 2 chiều; tình hình nắm hàng, nắm tiền, mở rộng thương nghiệp XHCN, cải tiến phương thức kinh doanh, củng cố HTX mua bán phục vụ tốt cho công tác thu mua nông sản, thực phẩm. Đây là thời kỳ Thương nghiệp được xác định là “Mặt trận nóng bỏng”: Hàng hoá, vật tư khan hiếm, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân có nhiều khó khăn... nhiều kỳ họp HĐND tỉnh Hà Bắc khoá VI (1977-1981), khoá VII (1981-1985) đã ra Nghị quyết về công tác Thương nghiệp xác định: “Ngành Thương nghiệp phải cải tiến công tác bán ra, đảm bảo công bằng hợp lý trong điều kiện hàng hoá khó khăn”, “Phải đảm bảo chỉ tiêu giao nộp cho Trung ương, cải tiến phương thức bán ra gắn với việc



thực hiện hợp đồng kinh tế 2 chiều, phải đảm bảo cân đối: Tiền - Hàng, ngăn chặn những lao động bỏ sản xuất sang kinh doanh thương nghiệp làm ăn phi pháp”, “Phải tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mặt trận phân phối lưu thông, nắm vững chuyên chính vô sản, kết hợp 3 loại biện pháp: Kinh tế, hành chính và giáo dục, đảm bảo quản lý thị trường tận gốc, nắm hàng, nắm tiền nhất là lương thực” (Kỳ họp thứ 3,4 và 8 HĐND tỉnh khoá VI). “Nhiệm vụ trọng tâm là chỉ đạo hoàn thành kế hoạch huy động lương thực, nông sản, thực phẩm và giao hàng xuất khẩu. Tăng cường quản lý thị trường với tinh thần: “Đặt toàn bộ thị trường xã hội dưới sự kiểm kê, kiểm soát theo luật pháp thống nhất của Nhà nước để cải tạo thị trường”, “Phân phối lưu thông là mặt trận nóng bỏng hiện nay, tập trung chỉ đạo tốt sản xuất và thu mua năm nguồn hàng” (Kỳ họp thứ 3 và 5 HĐND tỉnh khoá VII)... những nội dung trên của các Nghị quyết đã được Thống kê Thương nghiệp - Giá cả chỉ đạo tới mạng lưới Thống kê cơ sở để thu thập, tổng hợp, phản ánh trong các báo cáo nhanh (tiến độ) và định kỳ chính thức hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

2.5. Thống kê Dân số - Văn xã

Trong thời kỳ này, Thống kê Dân số - Văn xã thực hiện thêm nhiều nhiệm vụ mới, như: Năm 1976, tổ chức triển khai áp dụng chế độ báo cáo thống kê sửa đổi về “Lao động tiền lương trong danh sách”. Năm 1977 áp dụng chế độ báo cáo nhanh về số hộ khẩu, lao động đi xây dựng kinh tế mới và số người trong độ tuổi lao động đã được sắp xếp việc làm. Năm 1978 tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo định kỳ chính thức hàng tháng, quý, năm về tình hình lao động, tiền lương, sử dụng thời gian và năng suất lao động trong khu vực sản xuất khối quốc doanh về phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin. Năm 1980 thực hiện thu thập báo cáo về tiếp nhận



hàng viện trợ Chính phủ và phi Chính phủ. Năm 1982 áp dụng phương pháp điều tra chọn mẫu về tình hình biến động dân số... Đáng chú ý là, trong thời kỳ này Thống kê Dân số - Văn xã cùng toàn ngành Thống kê đã tập trung cao độ cho công tác chuẩn bị Tổng điều tra dân số năm 1979, theo Quyết định số 183/CP ngày 20/7/1978 của Thủ tướng Chính phủ. Đã tham mưu UBND tỉnh thành lập BCD do ông Trần Cương, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Ông Nguyễn Đình Thảo Quyền Chi cục trưởng làm Phó trưởng Ban thường trực, lãnh đạo một số Ty, Ngành làm uỷ viên: BCD đã thành lập Văn phòng giúp việc, ông Nguyễn Văn Khiêm Trưởng phòng Tổng hợp làm Chánh Văn phòng. Toàn tỉnh đã huy động gần 4.000 điều tra viên và gần 700 tổ trưởng, đã tổ chức gần 100 lớp tập huấn nghiệp vụ.

Các thông tin về Giáo dục, Y tế, Văn hóa, Thể dục - Thể thao và đời sống dân cư của lĩnh vực Thống kê này thực hiện có nề nếp bằng các chế độ báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ chính thức qua các cơ sở khá theo quy định của TCTK và yêu cầu lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ và chính quyền địa phương. Cụ thể:

Về giáo dục: Duy trì chế độ báo cáo nhanh về khai giảng, báo cáo 3 kỳ: Đầu năm, giữa năm và kết thúc năm học về trường, lớp, học sinh, giáo viên của hệ giáo dục mầm non, phổ thông; kết quả các kỳ thi tốt nghiệp, chuyển cấp ở hệ phổ thông, học sinh bỏ học trong một năm, tình hình giáo dục đào tạo chuyên nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

Về Y tế: Duy trì chế độ báo cáo định kỳ chính thức về cơ sở khám và điều trị; giường bệnh, người khám, số người điều trị, tử vong (quý, 6 tháng và cả năm); báo cáo tình hình thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, như: Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, cho bà mẹ mang thai, chống các bệnh xã hội, bướu cổ, sốt rét, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tình hình thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình.



Về Văn hóa thông tin: Duy trì chế độ báo cáo quý, 6 tháng và cả năm gồm các chỉ tiêu chính: Tình hình xuất bản sách; tình hình hoạt động của các thư viện, nhà văn hoá, các đoàn nghệ thuật quốc doanh chiếu bóng và đài phát thanh, truyền hình...

Về Đời sống: Tiếp tục phản ánh tình hình đói giáp hạt và các biện pháp chống đói giáp hạt, tính thu nhập của gia đình CNVC; tình hình cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm cho các bếp ăn tập thể và các nhu yếu phẩm theo tem phiếu...

2.6. Hoạt động của Phòng Máy tính

Tuy mới được thành lập, trình độ sử dụng máy còn có hạn chế nhưng cán bộ công nhân của Phòng đã có nhiều cố gắng đảm nhận tổng hợp các công việc như: Kết quả 2 cuộc bầu cử HĐND tỉnh Hà Bắc khoá VI ngày 17/7/1977 và khoá VII ngày 7/6/1981; tổng hợp cuộc Tổng điều tra dân số 1/10/1979 và các cuộc điều tra lớn hàng năm của ngành Thống kê: Điều tra đời sống nông dân, tình hình cơ bản HTX Nông nghiệp, kê khai nhân khẩu cấp phát tem phiếu hàng năm, điều tra cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật phục vụ công tác tổng hợp cho một số ngành,... đảm bảo chất lượng.

2.7. Sản phẩm chủ yếu của ngành Thống kê

Ngoài những báo cáo thống kê chuyên ngành, định kỳ, chính thức và báo cáo tổng hợp phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, hàng năm Chi cục Thống kê đều biên soạn và xuất bản cuốn Niên giám Thống kê, số liệu trong Niên giám là báo cáo chính thức các năm trong kỳ kế hoạch (3 năm hoặc 5 năm). Gồm các chỉ tiêu phản ánh tình hình cơ bản về địa lý, tự nhiên, hạ tầng cơ sở và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành Thống kê theo dõi, tổng hợp; các chỉ tiêu lượng, chỉ tiêu chất lượng, các chỉ tiêu tổng hợp, chỉ tiêu phân tích so sánh. Trong thời kỳ này, Chi cục



Thống kê xuất bản 2 cuốn Niên giám theo 2 kỳ kế hoạch 5 năm: 1976-1980, 1981-1985 và một tập liệu phản ánh kết quả thực hiện các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ các huyện và Đảng bộ tỉnh Hà Bắc, giúp cho Ban soạn thảo văn kiện Đại hội xây dựng báo cáo trình Đại hội.

3. Thời kỳ 1/1986 - 12/1996

Trong 10 năm từ 1/1986 - 12/1996, Thống kê tỉnh Hà Bắc có gần 7 năm trực thuộc UBND tỉnh quản lý (3/1988 - 10/1994). Đây là thời kỳ ngành Thống kê có nhiều khó khăn về tổ chức, nhất là phòng Thống kê các huyện, thị xã bị sáp nhập, phân tán, nhưng hoạt động thống kê vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo thống nhất của TCTK về kế hoạch công tác, phương pháp chế độ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý điều hành của cấp uỷ, chính quyền địa phương và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của TCTK. Trong thời gian do địa phương quản lý, UBND tỉnh không giao nhiệm vụ kế hoạch công tác ngoài chế độ báo cáo đã định.

Đây là thời kỳ đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, nên nội dung, nhiệm vụ của ngành Thống kê cũng phải từng bước thay đổi cho phù hợp với cơ chế quản lý mới. Trước năm 1990, thành phần kinh tế chủ yếu gồm kinh tế quốc doanh và tập thể, do Nhà nước chưa khuyến khích kinh tế tư nhân, tư sản, tiểu chủ... nên thu thập thông tin chủ yếu áp dụng chế độ báo cáo định kỳ chính thức tháng, quý, 6 tháng và cả năm qua tổ chức thống kê của các sở/ngành chủ quản hoặc trực tiếp từ các xí nghiệp, công ty... Khi có yêu cầu nắm bắt thông tin về kinh tế cá thể, tư nhân thì tiến hành điều tra riêng, ít khi thu thập, tổng hợp số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh.



Từ năm 1990 - 1996, TCTK đã ban hành nhiều chế độ, biểu mẫu thống kê mới, đổi mới hệ thống chỉ tiêu, phạm vi và phương pháp thu thập thông tin phù hợp với cơ chế thị trường, với nền kinh tế nhiều thành phần và phù hợp với quan điểm đánh giá khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống chỉ tiêu được rút gọn, giảm chỉ tiêu hiện vật, giảm chỉ tiêu phản ánh các biện pháp do cơ sở chủ động, tăng các chỉ tiêu chất lượng, các chỉ tiêu phản ánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, các mục tiêu phấn đấu hàng năm, thời kỳ kế hoạch đã được cấp uỷ, chính quyền thể chế hoá bằng các Nghị quyết, Quyết định; bổ sung thêm các chỉ tiêu giá trị, hiệu quả của nền kinh tế, các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hoá - xã hội, đời sống dân cư. Từ năm 1993 thống nhất áp dụng Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) thay thế cho hệ thống cân đối kinh tế quốc dân (MPS). Theo đó, các ngành kinh tế thay thế chỉ tiêu “Giá trị tổng sản lượng” bằng chỉ tiêu “Giá trị sản xuất”; chỉ tiêu tổng hợp toàn nền kinh tế quốc dân “Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân” thay bằng chỉ tiêu “Tổng giá trị sản xuất” (GO) và “Tổng sản phẩm trong nước” (GDP). Về phương pháp thu thập thông tin: đối với các doanh nghiệp quốc doanh, ngoài quốc doanh và các đơn vị hành chính sự nghiệp vẫn chủ yếu áp dụng chế độ báo cáo thống kê định kỳ, chính thức; đối với kinh tế hộ gia đình, tư nhân, cùng với chế độ điều tra toàn diện định kỳ hàng năm, còn áp dụng chế độ điều tra chọn mẫu hàng tháng để lập báo cáo nhanh, tháng, quý, 6 tháng và cả năm; phạm vi thu thập cũng được mở rộng bao trùm trên địa bàn tỉnh, phạm vi thu thập, tổng hợp bao gồm cả doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Căn cứ vào quy định về Hệ thống tài khoản quốc gia, ngày 27/10/1993 Chính phủ ra Nghị định số 75/CP ban hành “Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân mới” gồm 20 ngành kinh tế cấp I, thay thế bảng phân ngành kinh tế quốc dân cũ (ban hành theo Nghị định số 177/HĐBT



ngày 18/10/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, gồm 16 ngành kinh tế cấp I). Theo đó, chỉ tiêu tổng hợp tổng sản phẩm trong tỉnh có phạm vi tính toán rộng hơn, bao gồm giá trị gia tăng của các ngành sản xuất vật chất và các ngành dịch vụ.

Trong thời kỳ này, việc thu thập thông tin bằng các phương pháp điều tra chuyên môn ngày càng được mở rộng, từ năm 1993 phương pháp điều tra chọn mẫu được áp dụng phổ biến thay cho điều tra điển hình. Ngành Thống kê đã tổ chức thực hiện nhiều cuộc điều tra có nội dung mới, đáp ứng yêu cầu của các chương trình quốc gia và khu vực, như: Điều tra thu thập thông tin để tính các chỉ tiêu theo Hệ thống tài khoản quốc gia; điều tra vốn đầu tư phát triển; điều tra giàu nghèo (năm 1993); tổng điều tra nông thôn - nông nghiệp lần 1 (năm 1994); tổng điều tra kinh tế hành chính sự nghiệp lần 1 (năm 1995); điều tra lao động việc làm khu vực thành thị (năm 1995). Từ năm 1996, mở rộng điều tra định kỳ hàng năm về lao động - việc làm (khu vực thành thị và nông thôn), điều tra hoặc thống kê hộ nghèo đói thời điểm 1/8. Cũng từ năm 1990, nhiều cuộc điều tra theo xu hướng của các nước trong khu vực cũng được ngành Thống kê áp dụng: Điều tra điển hình; điều tra chọn mẫu chi tiết đến cấp huyện hoặc toàn tỉnh, giảm số liệu chi tiết cấp xã và cấp huyện như các cuộc điều tra biến động dân số - kế hoạch hoá gia đình; điều tra lao động việc làm; điều tra kết quả kinh doanh dịch vụ của các hộ cá thể; điều tra tài khoản quốc gia hàng năm; điều tra đầu tư phát triển; điều tra giàu nghèo năm 1993; điều tra dân và nhà ở; điều tra nông nghiệp - nông thôn - thủy sản... phần lớn các cuộc điều tra theo xu hướng các nước trong khu vực chỉ tính theo cấp tỉnh hoặc cấp huyện, không có số liệu cho cấp xã. Áp dụng phương pháp này có ưu điểm: Tập trung kinh phí, cán bộ có chuyên môn tham gia điều tra nên chất lượng được nâng lên, song bất cập là có 4 cấp



đơn vị hành chính, nhưng cấp xã không có số liệu, thiếu thông tin để cấp huyện chỉ đạo.

Hoạt động cụ thể của các lĩnh vực thống kê thời kỳ 1/1986 - 12/1996:

3.1. Thống kê Tổng hợp

Hoạt động của Thống kê Tổng hợp chủ yếu thực hiện theo Nghị định số 72/CP. Bao gồm những nhiệm vụ chủ yếu:

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.
- Báo cáo ước tính và chính thức các chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu về kinh tế - xã hội cả năm.
- Sưu tầm, biên soạn Niên giám Thống kê hàng năm và nhiều năm .
- Hệ thống hoá tư liệu về kết quả thực hiện các kỳ kế hoạch theo chuyên ngành kinh tế và yêu cầu của lãnh đạo địa phương.

Các báo cáo nhanh về kinh tế - xã hội từng bước được TCTK chỉ đạo, đổi mới, bổ sung thêm nội dung ngày càng phong phú, ngoài số liệu và phân tích đánh giá tình hình kinh tế, văn hoá, đời sống nhân dân, giáo dục, y tế, tài chính tiền tệ... còn bổ sung các chỉ tiêu phản ánh hoạt động của một số lĩnh vực khác như: Công tác Tổ chức chính quyền, Thanh tra, Tư pháp, Khoa học công nghệ, môi trường; công tác quân sự địa phương, tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội... sát với yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương. Đồng thời, chú trọng cải tiến phương pháp thu thập thông tin đáp ứng yêu cầu chỉ đạo về thời gian và chất lượng, các báo cáo kinh tế - xã hội của ngành Thống kê được cấp uỷ và chính quyền địa phương tin tưởng sử dụng, đánh giá cao. Từ năm 1991 - 1994, Thống kê được UBND tỉnh giao chủ trì và phối hợp với sở Kế hoạch - Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh soạn thảo báo cáo kinh tế - xã hội trình các kỳ họp HĐND tỉnh. Ngày 15/11/1995, TCTK ra Quyết định số



296/TCTK/QĐ, ban hành biểu mẫu báo cáo Thống kê tổng hợp thay thế chế độ báo cáo cũ, nhưng nhiệm vụ có ít thay đổi.

Thống kê Cân đối, Tài chính - Tiền tệ (sau này được đổi tên là Thống kê tài khoản quốc gia), để đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới, theo xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực, công tác thống kê cân đối có thay đổi về nội dung, phương pháp và chuẩn mực thống kê. Từ năm 1986 - 1993, nhiệm vụ chính là tính toán, lập các bảng cân đối vật chất trên địa bàn tỉnh gồm các chỉ tiêu tổng sản phẩm xã hội; thu nhập quốc dân; quỹ tích lũy, quỹ tiêu dùng (ước tính và chính thức); báo cáo thu - chi ngân sách Nhà nước, báo cáo thu - chi tiền tệ qua ngân hàng, hoạt động tín dụng ngân hàng; điều tra điển hình thu - chi tiền tệ của dân cư; báo cáo tình hình tài sản cố định, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước phục vụ lập các bảng cân đối tài chính tổng hợp toàn quốc. Từ năm 1990, ngành Thống kê đã không thực hiện các cuộc điều tra thu - chi tiền mặt của dân cư.

Từ năm 1992 tiến hành điều tra chọn mẫu về tình hình hoạt động kinh doanh, phục vụ của các đơn vị dịch vụ, quản lý nhà nước, văn hoá nghệ thuật, giáo dục đào tạo, y tế xã hội, thể dục - thể thao và các hoạt động dịch vụ khác thuộc các thành phần kinh tế, phục vụ cho tính chỉ tiêu tổng hợp theo Hệ thống tài khoản quốc gia. Năm 1993, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định áp dụng Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) thay thế cho bảng cân đối kinh tế quốc dân (MPS). Ngày 29/3/1994, TCTK ban hành Quyết định số 31/TCTK - PPCĐ quy định: Từ năm 1993 các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp chuyển sang tính theo Hệ thống tài khoản quốc gia, gồm: Tổng giá trị sản xuất, tổng giá trị tăng thêm (hay tổng sản phẩm trong tỉnh) theo giá thực tế và giá so sánh; tổng tích lũy tài sản và quỹ tiêu dùng cuối cùng theo giá thực tế.



3.2. Thống kê Công nghiệp

Từ năm 1986 - 1990, Thống kê Công nghiệp tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ chính thức theo Quyết định số 612/PPCĐ-TCTK ngày 25/8/1981 của TCTK, cụ thể là:

Báo cáo nhanh tháng và quý: Theo yêu cầu của TCTK thời kỳ này chỉ thu thập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của công nghiệp quốc doanh địa phương. Song, để đáp ứng yêu cầu của cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương, Cục Thống kê chỉ đạo Thống kê Công nghiệp và Thống kê các huyện, thị xã tiến hành điều tra tình hình sản xuất kinh doanh của công nghiệp ngoài quốc doanh. Hàng tháng, ngành Thống kê duy trì chế độ báo cáo nhanh tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất của toàn bộ ngành Công nghiệp - TTCN địa phương, gồm 2 chỉ tiêu giá trị sản lượng và sản phẩm chủ yếu theo hệ thống chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Báo cáo chính thức 6 tháng và cả năm: Phạm vi báo cáo gồm công nghiệp quốc doanh địa phương và công nghiệp ngoài quốc doanh. Đối với các loại hình doanh nghiệp, thông qua chế độ báo cáo thống kê định kỳ của các cơ sở sản xuất và của ngành chủ quản; hộ sản xuất công nghiệp cá thể, số liệu được điều tra định kỳ 2 lần vào thời điểm 01/01 và 01/7 hàng năm, bao gồm 4 chỉ tiêu: (i) Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương (phân theo Sở/Ngành, huyện/thị xã; phân theo ngành cấp 2 và phân theo 2 nhóm A, B); (ii) Sản phẩm chủ yếu của công nghiệp địa phương; (iii) Cơ sở, lao động công nghiệp địa phương (phân theo loại hình tổ chức, theo sở chủ quản, ngành sản xuất và huyện thị xã); (iv) Tình hình vốn, tài sản, doanh thu, nộp ngân sách của công nghiệp địa phương (Chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng được tính theo giá cố định năm 1982, từ năm 1990 tính theo giá cố định năm 1989).



Để phục vụ sự chỉ đạo điều hành của cấp uỷ và chính quyền địa phương, từ năm 1988, Cục Thống kê chỉ đạo: Trong báo cáo nhanh và định kỳ chính thức của Thống kê Công nghiệp, 2 chỉ tiêu giá trị sản lượng và sản phẩm chủ yếu, số liệu tổng hợp phân theo chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và chương trình sản xuất hàng xuất khẩu. Trong kế hoạch 5 năm, có 4 chương trình: sản xuất lương thực - thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất hàng xuất khẩu và chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình.

Từ năm 1991 - 1996, Thống kê Công nghiệp áp dụng chế độ báo cáo mới theo 3 quyết định: Quyết định số 182/TCTK-CN ngày 21/11/1990, Quyết định số 50/TCTK-CN ngày 5/5/1992 và Quyết định số 146-147/TCTK/QĐ ngày 20/12/1994, theo các quyết định này, có thay đổi về phạm vi thu thập bao gồm toàn bộ tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm cả công nghiệp quốc doanh trung ương, công nghiệp địa phương; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đối với báo cáo năm); công nghiệp địa phương (đối với báo cáo nhanh hàng tháng). Trong đó, hộ công nghiệp cá thể điều tra chọn mẫu để suy rộng số liệu cho các báo cáo nhanh của cấp huyện và cấp tỉnh. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu của địa phương, Cục Thống kê đã tổ chức thu thập đầy đủ thông tin về tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn, bao gồm cả công nghiệp Trung ương và công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Báo cáo chính thức: Để thực hiện báo cáo này, ngoài việc thu thập thông tin của các doanh nghiệp theo hệ thống biểu mẫu và thời gian quy định, Cục đã tiến hành điều tra chọn mẫu vào thời điểm 1/12 đối với khu vực công nghiệp cá thể (Số lượng mẫu lớn hơn thu thập báo cáo tháng); nội dung báo cáo chính thức năm bổ sung thêm các biểu: Giá trị sản xuất (giá hiện hành); chi phí trung gian; giá trị tăng thêm của công nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh. Trong các báo cáo giá trị sản xuất theo giá cố định không thực hiện phân tổ theo 2 nhóm A và B.



3.3. Thống kê Xây dựng cơ bản

Thống kê vốn đầu tư xây dựng: Thực hiện theo Quyết định số 669/TCTK-PPCĐ của TCTK, các báo cáo nhanh hàng tháng, quý và chính thức năm thực hiện 3 nội dung: Kết quả thực hiện vốn đầu tư xây dựng; tài sản cố định, năng lực mới tăng và vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các công trình trọng điểm. Phạm vi báo cáo bao gồm vốn đầu tư tập trung theo kế hoạch của Nhà nước và vốn tự có của các cấp ngân sách do địa phương quản lý. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền địa phương, Cục Thống kê đã chỉ đạo Thống kê XDCB và Thống kê các huyện, thị xã thu thập thông tin, tổng hợp tình hình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn do tập thể và nhân dân đóng góp. Năm 1992, tiến hành điều tra vốn đầu tư XDCB và mua sắm tài sản cố định, đồ dùng lâu bền của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và vốn đầu tư của hộ gia đình. Từ năm 1991-1996, thực hiện chế độ báo cáo theo các Quyết định số 05/QĐ-TCTK và 59/QĐ-TCTK. Theo đó, các báo cáo nhanh hàng tháng và quý không còn nội dung “Tài sản cố định và năng lực mới tăng, đồng thời từng bước thu thập bổ sung phần vốn đầu tư XDCB do các Bộ, Ngành trung ương thực hiện trên địa bàn, đầu tư bằng vốn tín dụng, vốn chương trình dự án quốc gia.

Thống kê xây lắp: Báo cáo nhanh hàng tháng, hàng quý thực hiện biểu “Giá trị sản lượng của các đơn vị xây lắp và khảo sát thiết kế. “Báo cáo chính thức, thực hiện thêm các biểu “Lao động ngành xây dựng và lượng xe máy thi công”. Từ năm 1991 - 1996, ngành Thống kê đã bỏ chế độ báo cáo nhanh hàng tháng.

3.4. Thống kê Thương mại - Giá cả

Thực hiện công cuộc đổi mới, trong giai đoạn từ 1986 - 1990, lĩnh vực Thống kê Thương mại - Giá cả có nhiều khó khăn do thay đổi cơ



chế quản lý. Nhà nước từng bước xóa bỏ chế độ bao cấp về hàng hóa và giá cả, những mặt hàng trước đây được mạng lưới thương nghiệp quốc doanh bán theo định lượng với giá cả thống nhất dần được xóa bỏ, thị trường tự do thuận mua - vừa bán được hình thành, tư thương phát triển mạnh, các cửa hàng mậu dịch quốc doanh chuyển từ hình thức mua bán là chủ yếu sang hình thức nhận khoán doanh thu bán ra, nhiều mậu dịch viên mở cửa hàng riêng tại các chợ, nhà riêng, tự mua, tự bán, vì thế chế độ bao cấp cũ không còn phù hợp. Trước tình hình đó, TCTK đã ban hành các chế độ báo cáo mới, như: Quyết định số 211/TCTK-PPCĐ ngày 25/11/1989 ban hành chế độ báo cáo Thống kê giá cả; Quyết định số 214, 215, 216/TCTK ngày 20/12/1990 ban hành chế độ báo cáo cho các cơ sở kinh doanh thương nghiệp, lương thực, HTX mua bán; Quyết định số 217/TCTK ngày 20/12/1990 ban hành hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra trong ngành Thương nghiệp... Thống kê tỉnh Hà Bắc đã triển khai nội dung các quyết định đến cơ sở, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Sở Thương mại - Du lịch và các Công ty Xuất - Nhập khẩu, Công ty Du lịch... củng cố mạng lưới thống kê cơ sở, tạo điều kiện cho ngành Thống kê thực hiện tốt chế độ báo cáo trong lĩnh vực Thống kê Thương nghiệp - Giá cả.

3.5. Thống kê Giao Thông - Vận tải

Từ năm 1990 về trước, chế độ báo cáo nhanh chủ yếu tập trung thu thập thông tin hoạt động vận tải của các doanh nghiệp Nhà nước, các đội xe chủ lực của các Ngành, các HTX vận tải chuyên nghiệp; vận tải cá thể được thu thập số liệu bằng điều tra thời điểm 01/01 hàng năm để lập báo cáo chính thức năm. Nội dung báo cáo gồm khối lượng vận chuyển, luân chuyển các loại hàng hoá, hành khách; khối lượng vận chuyển một loại vật tư, hàng hoá chủ yếu; phân chia theo ngành và thành phần kinh tế. Báo cáo chính thức năm có thêm biểu Số lượng phương tiện vận tải, cơ sở và lao động ngành vận tải. Năm 1991 bắt đầu thực hiện chế độ báo cáo



theo Quyết định số 02/TCTK ngày 28/12/1990 của TCTK. Theo đó, hoạt động vận tải cá thể được thu thập thông tin bằng phương pháp điều tra điển hình, sau đó là điều tra mẫu định kỳ vào ngày 01/01 hàng năm và điều tra hàng tháng để thực hiện các báo cáo định kỳ. Đồng thời, bỏ chỉ tiêu khối lượng vận chuyển một số vật tư, hàng hoá chủ yếu; phạm vi báo cáo nhanh tháng, quý và chính thức năm bao gồm hoạt động vận tải của các doanh nghiệp quốc doanh, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể trên địa bàn tỉnh. Từ 01/01/1995, thực hiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 03/QĐ-TCTK, gồm 3 biểu báo cáo nhanh hàng tháng và 7 biểu báo cáo chính thức năm.

3.6. Thống kê Nông, lâm nghiệp và thủy sản

* *Thống kê Nông nghiệp*: Năm 1988, thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, công tác Thống kê tiến độ sản xuất nông nghiệp được chuyển giao cho ngành Nông nghiệp, các chế độ báo cáo khác nhìn chung ít thay đổi về yêu cầu và nội dung báo cáo. Hoạt động của Thống kê Nông nghiệp trong thời kỳ này tập trung vào các công việc chủ yếu sau đây: (i) Điều tra diện tích gieo trồng cây hàng năm, vụ Đông, vụ Đông - Xuân và vụ Mùa; (ii) Ước tính và điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm (3 vụ); (iii) Báo cáo diện tích - năng suất - sản lượng cây lâu năm (cây ăn quả); (iv) Báo cáo tình hình thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa (tưới - tiêu nước, diện tích cày bừa bằng máy, các biện pháp chăm sóc...); (v) Điều tra hộ khẩu, lao động, tình hình cơ bản HTX; (vi) Điều tra chăn nuôi thời điểm 1/4 và 1/10 hàng năm, Từ năm 1996, TCTK quy định tỉnh Hà Bắc chỉ điều tra thời điểm 1/10, nhưng để phục vụ yêu cầu của địa phương, Cục Thống kê vẫn tiến hành điều tra chăn nuôi trâu, bò, lợn vào thời điểm 1/4 hàng năm; (vii) Báo cáo giá trị sản xuất nông nghiệp; (viii) Báo cáo danh mục các đơn vị quốc doanh nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.



Về phương pháp chế độ, để phù hợp với cơ chế quản lý trong giai đoạn này TCTK đã từng bước cải tiến phương pháp điều tra thu thập thông tin, nhất là trong điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm và điều tra chăn nuôi:

- *Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm*: Từ năm 1990 trở về trước chỉ tiến hành điều tra trực tiếp năng suất sản lượng lúa (bằng phương pháp điều tra điển hình, gặt điểm 9m² hoặc điều tra chọn mẫu, gặt điểm 4m²), còn các cây trồng khác chủ yếu do HTX và xã ước tính báo cáo Phòng Thống kê huyện, thị xã tổng hợp báo cáo cấp tỉnh. Từ năm 1991, TCTK đã hướng dẫn phương pháp điều tra năng suất, sản lượng các cây màu (song trên thực tế chưa thực hiện đúng phương pháp hướng dẫn mà vẫn chủ yếu ước tính để báo cáo), riêng điều tra năng suất sản lượng lúa, năm 1995 làm thí điểm và từ năm 1996 điều tra theo phương pháp phỏng vấn thực thu của hộ (được chọn theo 3 cấp).

- *Điều tra chăn nuôi*: Trước năm 1995, điều tra số lượng gia súc, gia cầm tiến hành điều tra toàn diện ở tất cả các xã, phường, thị trấn. Từ năm 1996, áp dụng điều tra chọn mẫu, mỗi huyện điều tra 3 xã trên cơ sở đó tính toán suy rộng cho toàn huyện, thị xã. Riêng điều tra sản phẩm chăn nuôi tiến hành điều tra điển hình, sau này điều tra mẫu và được thực hiện từ năm 1990.

Trong Thống kê Nông nghiệp, đáng chú ý nhất là năm 1994, tiến hành cuộc Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp lần thứ nhất vào thời điểm 1/7/1994 theo Quyết định số 568/TTg ngày 19/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ với 4 nội dung: 1) Tình hình cơ bản của hộ ở nông thôn; 2) Cơ sở hạ tầng của các xã; 3) Thu nhập và chi tiêu của hộ nông thôn; 4) Cơ cấu kinh tế nông thôn và hiệu quả của các cây con chủ yếu. Tỉnh Hà Bắc đã thành lập BCD Tổng điều tra do ông Nguyễn Thạc Giáp - Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, ông Vũ Đức Trung - Cục trưởng Cục Thống



kê làm Phó trưởng ban Thường trực và lãnh đạo một số sở, ngành làm Ủy viên, giúp việc BCD tỉnh có Tổ chuyên viên do ông Dương Văn Chiến - Trưởng Phòng Nông nghiệp làm Tổ trưởng; cuộc Tổng điều tra đã huy động trên 5.000 điều tra viên, hoàn thành vào 30/10/1994, số liệu cuộc Tổng điều tra là căn cứ để các cấp, các ngành hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp giai đoạn 1995 - 2000.

* Thống kê Lâm nghiệp: Trước khi có Nghị định số 75/CP ngày 27/10/1993, ngành Lâm nghiệp là ngành kinh tế cấp 1. Những năm giữa thập kỷ 80 trở về trước, phần lớn diện tích rừng của Hà Bắc do các Lâm trường quản lý (trồng, chăm sóc, tu bổ và khai thác) phần còn lại giao cho ngành Kiểm lâm quản lý, bảo vệ rừng. Công tác Thống kê Lâm nghiệp chủ yếu do Cục Thống kê thực hiện thông qua thu thập báo cáo từ các lâm trường quốc doanh và Chi cục kiểm lâm. Cục Thống kê thực hiện các báo cáo định kỳ với TCTK và UBND tỉnh về: (i) Kết quả thực hiện kế hoạch trồng, chăm sóc rừng trồng của các Lâm trường quốc doanh; (ii) Tình hình quản lý, bảo vệ rừng (diện tích rừng được khoanh nuôi, tu bổ, bảo vệ; tình hình rừng bị phá, bị cháy).

Từ năm 1986, thực hiện chương trình của Nhà nước về điều chỉnh phạm vi ngành Lâm nghiệp, theo đó chuyển nhiệm vụ khai thác lâm sản từ ngành Công nghiệp sang ngành Lâm nghiệp, nhiệm vụ Thống kê Lâm nghiệp thực hiện thêm chế độ báo cáo kết quả khai thác lâm sản của các Lâm trường quốc doanh. Cũng từ năm 1986 thực hiện kế hoạch Liên bộ giữa TCTK và Bộ Lâm nghiệp, Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc đã phối hợp với Chi cục Kiểm lâm chỉ đạo các huyện, thị xã tiến hành cuộc điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh thời điểm 1/10 hàng năm. Nội dung điều tra thu thập số liệu trồng cây phân tán và sản phẩm thu hoạch từ rừng do các cơ quan, tổ chức, đơn vị (không kể lâm trường quốc doanh) và hộ gia đình thực hiện trong năm. Thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994



của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho các tổ chức, tập thể và hộ nông dân, hộ công nhân viên chức trong các lâm trường quốc doanh, Cục Thống kê tỉnh đã triển khai thực hiện chế độ báo cáo về tình hình giao đất, giao rừng; báo cáo giá trị tổng sản lượng (sau này là giá trị sản xuất) lâm nghiệp hàng năm.

* Thống kê Thủy sản: Trước đây, thủy sản là bộ phận chăn nuôi trong ngành Nông nghiệp. Sau khi thực hiện Nghị định số 75/CP, thủy sản được tách ra thành ngành kinh tế cấp 1, nên từ năm 1995 trở về trước, thực hiện Quyết định số 613/QĐ-TCTK (ban hành năm 1986) và Quyết định số 195/QĐ-TCTK (ban hành năm 1990) của TCTK, công tác thống kê thủy sản về cơ bản vẫn thuộc Thống kê Nông - Lâm nghiệp, hơn nữa, sản xuất thủy sản của tỉnh Hà Bắc có quy mô nhỏ, nên nhiệm vụ thống kê thủy sản chỉ bao gồm: Theo dõi, báo cáo tình hình hoạt động của Xí nghiệp Giống thủy sản (thuộc Sở Nông nghiệp) và điều tra kết quả sản xuất thủy sản của các HTX Nông nghiệp, đồng thời thực hiện với cuộc điều tra chăn nuôi 1/10 hàng năm.

Từ năm 1996, thực hiện Quyết định số 300/TCTK-NLTS của TCTK, công tác thống kê thủy sản được quy định rõ hơn, bao gồm 4 nội dung: (i) Theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp thủy sản; (ii) Điều tra thủy sản ngoài quốc doanh hàng năm, nhằm thu thập số liệu quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản, hộ và sản lượng thủy sản nuôi trồng đánh bắt hàng năm; (iii) Báo cáo ước tính tình hình thủy sản 6 tháng, cả năm; báo cáo chính thức cả năm; (iv) Báo cáo giá trị sản xuất thủy sản.

3.7. Thống kê Dân số - Văn xã

Trong những năm 1986 - 1996, công tác Thống kê Dân số - Văn xã tuy có sửa đổi, bổ sung, nhưng không thay đổi nhiều so với thời kỳ trước. Nội dung hoạt động bao gồm:



- *Thống kê Dân số*: Hàng năm tiến hành điều tra định kỳ về tình hình dân và biến động dân cư vào thời điểm ngày 01/01, phương pháp điều tra điển hình 10% dân số của từng huyện, thị xã. Đồng thời, chỉ đạo Thống kê cấp xã thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên số dân hàng năm. Qua 2 nguồn thông tin này, Cục Thống kê tính toán tổng số dân, số người chuyển đi, chuyển đến, trẻ em sinh, người chết; tỷ lệ sinh, tỷ lệ chết, tỷ lệ tăng tự nhiên đến cấp huyện. Tuy nhiên, số liệu tổng số dân thời điểm ngày 01/01 hàng năm thu thập qua mạng lưới thống kê xã có sự sai lệch đáng kể so với thực tế, do không thực hiện nghiêm quy định đăng ký hộ tịch, hộ khẩu.

- *Thống kê Lao động*: Tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và năm về lao động trong danh sách và quỹ lương của cán bộ, công nhân viên chức thuộc khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh quản lý; báo cáo nhân khẩu, lao động đi xây dựng kinh tế mới; báo cáo tình hình giải quyết việc làm trong khu vực thành thị.

Từ năm 1987, TCTK bãi bỏ chế độ báo cáo cân đối lao động xã hội. Nhưng để phục vụ địa phương và có số liệu đưa vào Niên giám, hàng năm Cục vẫn chỉ đạo Phòng Tổng hợp căn cứ vào số liệu của các Phòng nghiệp vụ để lập biểu cân đối lao động xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Bắc tại thời điểm ngày 1/10.

- *Thống kê Văn xã*: Tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm về hoạt động sự nghiệp giáo dục (trường, lớp, học sinh, giáo viên, kết quả thi tốt nghiệp phổ thông, bổ túc các cấp, các ngành học), hoạt động sự nghiệp y tế (cơ sở, giường bệnh, cán bộ y tế, kết quả khám và điều trị bệnh; tình hình thực hiện các chương trình quốc gia về y tế: Tiêm chủng mở rộng, bài trừ các bệnh xã hội, công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình) hoạt động thể dục - thể thao, phát thanh truyền hình, thư viện; hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và quần chúng; theo dõi và báo cáo tình hình thiếu đói giáp hạt của nông dân.



Việc thu thập thông tin để lập các báo cáo về lao động tiền lương, văn hoá xã hội chủ yếu thông qua hình thức báo cáo thống kê định kỳ của các ngành. Song nhiều ngành Nhà nước chưa quy định, báo cáo cho ngành Thống kê, nên việc thu thập số liệu có những khó khăn nhất định, nhất là biểu mẫu (nội dung các chỉ tiêu không phù hợp biểu mẫu của TCTK quy định).

Từ năm 1991 - 1996, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, Thống kê Dân số - Văn xã có một số sửa đổi, bổ sung: Ngày 31/12/1990, TCTK ra Quyết định số 220/TCTK-QĐ ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về dân số - lao động, đời sống văn xã; Năm 1996, Liên bộ TCTK và UBDS-KHHGD ban hành Quyết định số 357/QĐ - LB về chế độ điều tra định kỳ biến động dân số, KHHGD hàng năm. Các chế độ báo cáo dân số - văn xã mới ban hành có một số điểm đáng chú ý là:

- + Điều tra dân số và biến động dân số hàng năm được cải tiến từ điều tra điển hình 10% dân số ở từng huyện, thị xã thành điều tra chọn mẫu chung toàn tỉnh, với cỡ mẫu khoảng 2- 3% dân số. Kết quả điều tra tốt hơn, nhưng chỉ tổng hợp được dân số cấp tỉnh, nên để đáp ứng yêu cầu địa phương, Cục đã khai thác thêm nguồn thông tin từ UBDS KHHGD các cấp, tính toán chi tiết số liệu cho các huyện, thị xã, một số huyện còn tính toán số liệu tới các xã.

- + Thống kê lao động: Phạm vi thu thập, điều chỉnh bao gồm lao động tiền lương cán bộ công nhân viên chức trong danh sách của các cơ quan đơn vị Nhà nước Trung ương và địa phương trên địa bàn.

- + Thống kê Văn xã: Ngoài nội dung và các chế độ báo cáo cơ bản như thời kỳ trước, còn bổ sung theo dõi tình hình thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, kế hoạch hoá gia đình, giáo dục, giải quyết việc làm



cho người lao động, đời sống dân cư, tình hình xã hội (an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, di tích lịch sử, số Bà mẹ Việt Nam anh hùng).

Năm 1989, tiến hành cuộc Tổng điều tra dân số lần thứ 2 trong phạm vi toàn quốc, BCĐ Tổng điều tra tỉnh Hà Bắc do ông Nguyễn Ninh - Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, ông Ngô Minh Quang - Phó Cục trưởng làm Phó trưởng Ban thường trực, ông Nguyễn Văn Khiêm - Trưởng Phòng Tổng hợp làm Chánh Văn phòng BCĐ. Nội dung thu thập Thông tin toàn diện về lượng, chất lượng dân số, nguồn lao động; kết hợp điều tra mẫu về biến động dân số và tình hình nhà ở của hộ gia đình. Năm 1993 tiến hành điều tra thực trạng giàu, nghèo của dân cư theo tiêu chuẩn quy định chung của TCTK (kết hợp 2 tiêu thức thu nhập và tài sản bình quân của một người). Năm 1995, tiến hành điều tra đời sống kinh tế hộ gia đình (gọi tắt là điều tra đa mục tiêu) theo Quyết định số 138/QĐ - TCTK ngày 25/11/1994 của TCTK. Cuộc điều tra này, tiến hành thu thập thông tin, nhằm đánh giá tình hình đời sống vật chất và tinh thần của dân cư; cơ cấu kinh tế nông thôn; hiệu quả sản xuất, kinh doanh của hộ dân cư đại diện cho khu vực nông thôn và thành thị trên phạm vi cả nước và các vùng sinh thái. Năm 1994 tiến hành điều tra lao động việc làm khu vực thành thị, thu thập thông tin về số lượng, cơ cấu dân số, lao động và tình trạng việc làm của lao động khu vực thành thị. Từ năm 1995, tiến hành điều tra lao động định kỳ hàng năm. Từ năm 1996, ngành Thống kê phối hợp với ngành Lao động - TBXH, tiến hành thống kê hộ nghèo đói của từng địa phương từ cấp xã trở lên, phục vụ cho chương trình xoá đói giảm nghèo.

3.8. Công tác Phương pháp chế độ và Thanh tra Thống kê

- *Công tác Phương pháp chế độ:* Cùng với việc thực hiện có nề nếp việc triển khai các chế độ báo cáo mới áp dụng trong thời kỳ 1986 - 1990 và 1991 - 1995, các chế độ sửa đổi, bổ sung. Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc đã tập trung chỉ đạo triển khai Pháp lệnh kế toán thống kê (phần Thống



kê) và Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực Thống kê đến các cơ quan, đơn vị kinh tế trên địa bàn tỉnh Hà Bắc. Đã tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ tiến hành các cuộc điều tra lớn như: Tổng điều tra dân số (1989); tổng điều tra đánh giá lại tài sản cố định khu vực sản xuất kinh doanh và khu vực hành chính sự nghiệp (1989); điều tra năng lực sản xuất ngoài quốc doanh (1990). Tổ chức tập huấn và triển khai những lý luận cơ bản, phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo Hệ thống tài khoản quốc gia mới cho Lãnh đạo các Sở/Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và cán bộ toàn ngành Thống kê (1993).

Từ năm 1996, để đáp ứng yêu cầu của TCTK và tăng cường công tác phục vụ địa phương, Cục đã ban hành chế độ thông tin nội bộ Văn phòng Cục, theo đó, các Phòng nghiệp vụ được phân công theo dõi, thu thập, xử lý thông tin theo quy trình khép kín đối với các Sở, Ngành, đơn vị kinh tế cơ sở thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, kèm theo điểm thi đua tương ứng. Chế độ thông tin nội bộ gồm 2 nội dung: Thu thập số liệu về lao động tiền lương và số liệu về giá trị tổng sản lượng, chi phí sản xuất, thu nhập thuần túy phục vụ cho công tác tổng hợp chung của lĩnh vực Thống kê Dân số - Văn xã và Tổng hợp. Năm 1988, triển khai nghiên cứu và đưa vào thực hiện hệ thống biểu báo cáo nhanh hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm phục vụ địa phương. Đồng thời từng bước mở rộng chế độ thông tin phản ánh hằng tháng của các Sở, Ngành. Những cải tiến, đổi mới phương pháp, chế độ nói trên, thực tế đã khẳng định là phù hợp, khoa học, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác của Ngành, nhất là nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, năm.

- *Công tác Thanh tra Thống kê*: Đây là lĩnh vực công tác mới được tổ chức và hoạt động sau khi có Pháp lệnh Kế toán - Thống kê năm 1992. Những năm đầu, do nghiệp vụ còn mới, công tác thanh tra chủ



yếu tập trung vào việc triển khai, hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Kế toán - Thống kê đến các cơ quan đơn vị kinh tế cơ sở; phối hợp với bộ phận phương pháp chế độ kiểm tra tình hình chấp hành Pháp lệnh Kế toán - Thống kê trong nội bộ ngành. Từ năm 1995, từng bước thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với các doanh nghiệp và thanh tra sử dụng kinh phí trong nội bộ ngành.

3.9. Công tác Thi đua và Nghiên cứu khoa học

- *Công tác Thi đua*: Trên cơ sở kế hoạch công tác TCTK giao, hàng năm Cục đã chỉ đạo thực hiện có nề nếp việc xây dựng chương trình công tác, tổ chức công tác thi đua tới các Phòng nghiệp vụ và Phòng Thống kê các huyện, thị xã và bộ phận Thống kê các Sở, các Doanh nghiệp. Ở Văn phòng Cục, cùng với kế hoạch công tác do TCTK giao, Lãnh đạo Cục đã giao thêm phần kế hoạch Thông tin nội bộ cho các Phòng liên quan; duy trì chế độ giao ban hàng tháng để nắm tiến độ thực hiện và bàn biện pháp thực hiện tháng sau. Trên cơ sở, Quy chế thi đua khen thưởng của TCTK, hàng năm Cục đã cụ thể hoá, bổ sung thêm các nội dung, các tiêu chuẩn phù hợp với phong trào thi đua ở địa phương. Từ năm 1989, tổ chức chấm điểm thi đua cho các đơn vị toàn ngành, định kỳ 6 tháng và cả năm tiến hành sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thi đua cho UBND tỉnh, đồng thời thông báo kết quả cho Phòng Thống kê các huyện, thị xã làm cơ sở phân loại, bình xét, đề nghị khen thưởng đối với từng đơn vị tập thể và cá nhân trong ngành. Nhờ vậy, phong trào thi đua được duy trì, góp phần tích cực vào việc nâng cao kết quả thực hiện kế hoạch công tác do TCTK giao và đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu lãnh đạo của địa phương.

- *Công tác nghiên cứu khoa học*: Từ năm 1987 - 1992, công tác Nghiên cứu khoa học được khuyến khích, mở rộng. Cục Thống kê đã thành lập Hội đồng khoa học do Cục trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, trưởng các phòng nghiệp vụ là thành viên; Hội đồng khoa học có nhiệm vụ xây dựng



chương trình, kế hoạch và định hướng nghiên cứu các đề tài và tổ chức đánh giá kết quả. Kết quả các đề tài được dùng để bình xét Tổ lao động XHCN và cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Hàng năm, Cục Thống kê cũng sắp xếp một phần kinh phí chi thù lao cho các chủ đề tài có chất lượng. Trong thời kỳ này, Văn phòng Cục có nhiều đề tài về phương pháp chế độ và phân tích kinh tế có giá trị được đăng trên tạp chí của Ngành và phục vụ địa phương, qua đó đã có nhiều kiến nghị với TCTK sửa đổi, bổ sung phương pháp điều tra thống kê, hệ thống biểu mẫu báo cáo, phân tích tình hình kinh tế - xã hội thời kỳ 1986 - 1990; xây dựng hệ thống báo cáo nhanh phục vụ địa phương.

3.10. Những sản phẩm, ấn phẩm thống kê chủ yếu

Thời kỳ này, Cục Thống kê đã duy trì tốt công tác biên soạn và xuất bản Niên giám Thống kê, như: (i) Từ 1986 - 1990: Hàng năm, đều biên soạn và xuất bản “Niên giám Thống kê tỉnh Hà Bắc” với nội dung phản ánh các lĩnh vực, các ngành kinh tế quốc dân; (ii) Năm 1990, xuất bản và phát hành cuốn “Số liệu Tổng điều tra Dân số 1/4/1989”; (iii) Từ năm 1991 trở đi, hàng năm đều biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn “Niên giám Thống kê Hà Bắc” với nội dung phong phú, đầy đủ hơn, dãy số liệu từ 3-5 năm, thông tin trong đó đáp ứng yêu cầu nghiên cứu của Trung ương và phục vụ kịp thời việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch và hoạch định chính sách phát triển của địa phương. Niên giám Thống kê khi phát hành đều được gửi cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành; Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và một số Cục Thống kê tỉnh và thành phố, Bên cạnh đó, Cục còn biên soạn phát hành các báo cáo phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng và cả năm, đáp ứng chỉ đạo điều hành của địa phương và tổng hợp chung toàn quốc của TCTK. Từ năm 1995, báo cáo kinh tế - xã hội được biên soạn và phát hành theo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.



3.11. Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê

Trong thời kỳ này, hoạt động của Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê chủ yếu là làm dịch vụ in ấn biểu mẫu, sửa chữa thiết bị văn phòng và kinh doanh văn phòng phẩm phục vụ yêu cầu của ngành Thống kê và các cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh. Trung tâm thực hiện chế độ hạch toán lấy thu bù chi, tự trang trải lương, chi phí kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, bảo toàn vốn... Hoạt động của Trung tâm ngày càng phát triển, có uy tín, thị trường ngày càng mở rộng, doanh thu tăng nhanh, có lãi để đầu tư tu sửa nhà xưởng, mua sắm thêm máy in, photocopy, để tái sản xuất mở rộng. Ngoài cán bộ trong biên chế, Trung tâm thường xuyên hợp đồng thêm từ 5 - 10 lao động với mức lương cao hơn lao động hợp đồng ở các Sở, Ngành. Trung tâm đã có đóng góp tích cực vào quỹ phúc lợi, cải thiện đời sống cho cán bộ Văn phòng Cục.



CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ BẮC NINH VÀ BẮC GIANG THỜI KỲ CHIA TÁCH 2 TỈNH (01/1997-6/2025) VÀ KHI SÁP NHẬP TỈNH BẮC NINH MỚI TỪ 01/7/2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG VÀ BỐI CẢNH

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX, tỉnh Hà Bắc được chia tách để tái lập tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh, trên cơ sở địa giới hành chính khi sáp nhập 2 tỉnh năm 1963. Sau 28 năm chia tách, mỗi tỉnh đều khai thác được tiềm năng, thế mạnh và đã tạo bước phát triển đột phá mạnh mẽ cả về kinh tế và xã hội.

1. Tỉnh Bắc Giang

Qua 06 kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh, từ một tỉnh thuần nông với nền kinh tế kém phát triển, Bắc Giang đã vươn lên trở thành tỉnh có quy mô kinh tế lớn nhất vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn ở mức cao hơn trung bình cả nước, GRDP bình quân đầu người tăng vượt bậc. Trong những năm gần đây, Bắc Giang liên tục dẫn đầu cả nước về tăng trưởng kinh tế (GRDP), quy mô kinh tế của Bắc Giang ngày càng lớn mạnh, năm 2024 đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố. Giai đoạn 2015-2025, chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ, tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 13,95%/năm - thuộc nhóm các tỉnh tăng trưởng dẫn đầu cả nước, vượt xa mục tiêu Đại hội XVIII (10-11%/năm). Năm 2020, Bắc Giang dẫn đầu cả nước về tăng trưởng GRDP với mức tăng 13,52%. GRDP bình quân đầu người đạt 2.828 USD, tăng 12,29%, cao hơn 1.176 USD



so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực: công nghiệp - xây dựng chiếm 56,1% (tăng 13,59 điểm phần trăm so với năm 2015), dịch vụ 22,77%, nông, lâm nghiệp và thủy sản 18,86%. Các ngành kinh tế từng bước được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển. Ngành công nghiệp tăng trưởng bình quân 23,34%/năm, vượt xa mục tiêu đề ra (14-15%/năm); giá trị sản xuất công nghiệp tăng 27,39%/năm. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 11,19 tỷ USD, vượt 71% chỉ tiêu Đại hội. Năm 2024, tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 13,85%, tiếp tục duy trì chuỗi tăng trưởng hai con số qua nhiều năm và dẫn đầu cả nước. GRDP bình quân đầu người ước đạt 4.196 USD, tăng 3.563,6 USD so với năm 2010 và tăng 3.964 USD so với năm 1997. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch mạnh sang công nghiệp, với khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 67,5%; khu vực nông nghiệp chiếm 11,8%; khu vực dịch vụ chiếm 18,9%; thuế sản phẩm chiếm 1,8% (cơ cấu kinh tế năm 1997, công nghiệp chiếm 15,18%; nông nghiệp chiếm 54,41%; dịch vụ chiếm 29,12%; thuế sản phẩm chiếm 1,29%).

Công nghiệp mở rộng nhanh cả về không gian, quy mô và trình độ công nghệ, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2024, giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) ước đạt 582.881,8 tỷ đồng, tăng 156,8% so với năm 2020 và gấp tới 421 lần so với năm 1997. Đáng ghi nhận, liên tục những năm gần đây, Bắc Giang luôn ở trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư FDI.

Nông nghiệp phát triển khá toàn diện, mang lại những dấu ấn, điểm sáng trong bức tranh chung của nông nghiệp cả nước. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt năm 1997 đạt 13,1 triệu đồng; năm 2010 đạt 44,2 triệu đồng, ước năm 2024 đạt 105,1 triệu đồng, tăng 2,4 lần so với năm 2010.



Đặc biệt, Bắc Giang là vùng trồng cây ăn quả lớn thứ ba cả nước, với vùng chuyên canh vải thiều đứng đầu toàn quốc. Tỉnh cũng tự hào là địa phương có đàn lợn dẫn đầu khu vực Trung du và miền núi phía Bắc và đàn gà đứng thứ tư toàn quốc.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ngày càng được mở rộng, phát triển với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá hiện hành năm 2010 đạt 6.215 tỷ đồng gấp 1,4 lần quy mô năm 1997, tăng trưởng bình quân giai đoạn 1997-2010 là 16,2%/năm; Tổng mức năm 2024 ước đạt 47.177,5 tỷ đồng gấp 1,7 lần năm 2020 và gấp 7,6 lần năm 2010, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2024 là 15,6%/năm; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2010 là 708,9 tỷ đồng gấp 7 lần so với năm 1997; năm 2024 ước đạt 5.488,1 tỷ đồng gấp 7,7 lần so với năm 2010. Doanh thu vận tải năm 2010 là 1.032 tỷ đồng gấp 8,7 lần năm 1997, bình quân giai đoạn 1997-2010 tăng 18,2%/năm. Doanh thu vận tải năm 2024 ước đạt 14.578 tỷ đồng gấp 14,1 lần năm 2010, gấp 2,9 lần năm 2020, bình quân giai đoạn 2010-2024 tăng cao 20,8%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 1997 đạt 8,8 triệu USD, năm 2010 đã đạt 675,8 triệu USD gấp 76,4 lần. Đến năm 2024 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 57.502,8 triệu USD gấp 85,1 lần năm 2010 đứng thứ 4 cả nước sau TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh và Bình Dương.

Dân số và lao động: Quy mô dân số trung bình của tỉnh Bắc Giang đến năm 2024 là: 1.962.595 người, tăng 25,2% (tương ứng tăng 395.038 người) so với năm 2010 và tăng 33,3% (tương ứng tăng 489.804 người) so với năm 1997. Tỷ lệ dân số thành thị cũng tăng nhanh qua các năm (tỷ lệ dân số thành thị năm 1997 là 6,5%, tăng lên 9,6% vào năm 2010 và 24,2% năm 2024). Dân số phân theo giới tính nam năm 2024 là 989.008 người chiếm 50,4% và nữ là 973.587 người chiếm 49,6%. Như vậy,



năm 2024 Bắc Giang là tỉnh đông dân số nhất khu vực Trung du và miền núi phía Bắc và đứng thứ 9 cả nước. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2024 của Bắc Giang là: 1.023.438 người tăng 27,3% so với năm 1997 (bình quân tăng 0,86%/năm trong giai đoạn 1997-2024) trong đó có 1.018.291 người đang làm việc tăng 27,2% so với năm 1997. Chất lượng lao động ngày càng được cải thiện, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ năm 2024 là: 33,7% cao hơn 11,6 điểm phần trăm so với năm 2020 và cao hơn 16,1 điểm phần trăm so với năm 2015.

Lĩnh vực y tế: Bắc Giang đã có những tiến bộ vượt bậc. Năm 2024, toàn tỉnh có 244 cơ sở y tế. Số lượng giường bệnh bình quân đạt 34,7 giường/vạn dân, tăng gấp 3,1 lần và số bác sĩ tính bình quân đạt 12,5 bác sĩ/vạn dân, tăng 4,03 lần so với năm 1997.

Giáo dục và Đào tạo: Năm học 2024-2025 tất cả các bậc học từ mầm non đến THPT toàn tỉnh có 750 trường học với 15.119 lớp học, 496.151 học sinh và 25.621 giáo viên. So với năm học 1997-1998, số trường học tăng 12,2% (+82 trường), số lớp học tăng 22,8% (+2.806 lớp), số học sinh tăng 20,3% (+83.660 học sinh), số giáo viên tăng 82,5% (+11.582 giáo viên). Đến năm học 2024-2025, tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp toàn tỉnh đạt 97,6%, tăng 1,2% so cùng kỳ năm 2023 (cao hơn trung bình cả nước); có 716 trường chuẩn quốc gia mức độ 1, chiếm 95,5% tổng số trường; 218 trường chuẩn quốc gia mức độ 2, chiếm 29,1% tổng số trường.

An sinh xã hội: Sự phát triển kinh tế nhanh chóng, đi đôi với việc giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, đã góp phần nâng cao đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Đặc biệt, công tác xóa đói, giảm nghèo luôn được quan tâm và đạt nhiều thành tích nổi bật. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm đáng kể từ 15,32% năm 1997 xuống còn 1,73% năm 2024



thấp hơn bình quân chung cả nước (1,93%). Thu nhập bình quân đầu người tăng 1,3 lần từ 47,2 triệu đồng năm 2020 lên 61,1 triệu đồng năm 2024.

2. Tỉnh Bắc Ninh

Sau gần 30 năm tái lập, nhờ khai thác lợi thế của tỉnh đồng bằng, là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Bắc Ninh với diện tích nhỏ nhất cả nước, từ một tỉnh thuần nông với tỷ trọng nông nghiệp chiếm hơn 50%, đã trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại với nhiều chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đạt cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, như: Quy mô GRDP xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố; GRDP bình quân đầu người đứng thứ 7; giá trị sản xuất công nghiệp xếp thứ nhất; kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2; thu nhập bình quân đầu người đứng thứ 11; thu hút vốn FDI xếp thứ 1; cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại, diện mạo đô thị, nông thôn phát triển, là một trong 15 tỉnh hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới vào năm 2020; môi trường được quan tâm bảo vệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, cụ thể: nhiều chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục, y tế thuộc nhóm dẫn đầu; nhiều chính sách an sinh xã hội đi trước và thực hiện ở mức cao hơn so với Trung ương như: hỗ trợ nhà ở cho người nghèo; trợ cấp cho người cao tuổi. Tính chung 28 năm, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc Ninh đạt 12,8%/năm, cao hơn mức 7% bình quân chung cả nước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, và thủy sản tăng thấp nhất (+1,96%/năm); khu vực công nghiệp - xây dựng khẳng định vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế với tốc độ tăng đạt 16,26%/năm, còn khu vực dịch vụ cũng đạt tốc độ tăng hai con số với 12,61%/năm. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch mạnh sang công nghiệp, với khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 71,96%; khu vực nông nghiệp chiếm 2,82%; khu vực dịch vụ chiếm 25,22% (cơ cấu kinh tế năm 1997,



công nghiệp chiếm 23,77%; nông nghiệp chiếm 45,05%; dịch vụ chiếm 31,18%).

Nông nghiệp, những năm đầu tái lập, là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Nhưng với mục tiêu, quyết tâm đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp, những năm qua, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm dần, nhường chỗ cho phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ; hoạt động chăn nuôi cũng thu hẹp đáng kể, đến năm 2024, tổng đàn lợn có trên 254 nghìn con, giảm trên 77 nghìn con so với năm 1997. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế được nâng lên rõ rệt, giá trị sản xuất trồng trọt trên 01 ha đất canh tác tăng từ 17,2 triệu đồng (năm 1997) lên trên 131,3 triệu đồng vào năm 2025.

Công nghiệp, năm 1997, giá trị sản xuất (giá hiện hành) công nghiệp mới đạt 646 tỷ đồng, xếp thứ 10/11 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng Sông Hồng, năm 2000 tăng lên 2.747 tỷ đồng, gấp 4,3 lần năm 1997, đến năm 2010 giá trị sản xuất đã đạt 110.576 tỷ đồng, gấp 40 lần năm 2000 và gấp 171 lần năm 1997. Trong giai đoạn 2011-2021, SEV tiếp tục điều chỉnh tăng vốn lên 2,5 tỷ USD và có thêm nhà máy thứ hai là SDV tạo thành Tổ hợp Samsung quy mô lớn của thế giới, đã tạo ra “kỳ tích” cho tỉnh, đưa Bắc Ninh có tên trên bản đồ thế giới về sản xuất hàng điện tử. Năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp đã tăng lên 1.406 nghìn tỷ đồng, gấp 12,7 lần năm 2010 và vươn lên vị trí thứ nhất cả nước. Trong đó, tỷ trọng ngành công nghiệp điện tử đã tăng từ 48,2% năm 2010 lên 72,4% năm 2024.

Dịch vụ, sau gần 30 năm đầu tư và xây dựng, hạ tầng thương mại hình thành và phát triển theo hướng văn minh, hiện đại. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2024 ước đạt 103 nghìn tỷ đồng, gấp 108 lần năm 1997; bình quân mỗi năm tăng 19%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1997 chỉ đạt 39,4 triệu USD, đến năm 2024 kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 75.900 triệu USD và đứng thứ 2 cả nước, bình quân mỗi năm tăng 32%.



Thu ngân sách, khi mới tách tỉnh Bắc Ninh là một trong những tỉnh có nguồn thu ngân sách hạn hẹp, chủ yếu do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Nhờ đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tập trung và thu hút được nguồn vốn FDI vào các ngành công nghiệp điện tử, đến năm 2011 Bắc Ninh là tỉnh thứ 13 tự cân đối và có điều tiết về ngân sách Trung ương (7%/năm); năm 2015, số thu nội địa đã vượt mốc 10 nghìn tỷ đồng, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố. Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 33,2 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 10 cả nước, gấp 163 lần năm 1997; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 1997-2024 là 20,8%/năm; tỷ lệ thu ngân sách so với GRDP tăng từ 9,8% năm 1997 lên 14,2% năm 2024; trong tổng thu ngân sách nhà nước, thu nội địa ước đạt 23,8 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 74%/tổng thu ngân sách nhà nước và gấp 145 lần năm 1997.

Dân số và lao động: Quy mô dân số trung bình của tỉnh Bắc Ninh đến năm 2024 là: 1.546.593 người, tăng 66% (tương ứng tăng 923.424 người) so với năm 1997, bình quân mỗi năm tăng 1,89%. Tỷ lệ dân số thành thị cũng tăng nhanh qua các năm (năm 1997 chiếm 6,3%, đã tăng lên 25,9% vào năm 2010 và 51,4% năm 2024). Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2024 của tỉnh Bắc Ninh là: 800.778 người, tăng 56,6% so với năm 1997 (bình quân tăng 1,67%/năm trong giai đoạn 1997-2024) trong đó có 781.800 người đang làm việc, tăng 55% so với năm 1997. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ năm 2024 đạt 28,5%, tăng 18 điểm phần trăm so với năm 1997.

Hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được quan tâm quản lý, đầu tư bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị; đặc biệt đã nâng tầm giá trị “Dân ca Quan họ Bắc Ninh” với 44 làng Quan họ cổ, 150 làng quan họ thực hành và hàng trăm CLB Quan họ tại các địa phương; 1.589 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 04 di tích hạng quốc gia đặc biệt, 204 di tích cấp quốc gia và 424 di tích cấp tỉnh; 04 di sản được UNESCO công nhận,



trong đó: 01 di sản văn hóa đa quốc gia; 02 di sản văn hóa đại diện của nhân loại và 01 di sản văn hóa bảo vệ khẩn cấp; 01 nghi lễ và trò chơi được vinh danh di sản văn hóa phi vật thể đa quốc gia; 08 lễ hội, làng nghề truyền thống được xếp hạng di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Đến năm 2018, 100% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011- 2020; năm 2024 tuổi thọ bình quân đạt 75,6 tuổi, cao hơn mức trung bình chung cả nước là 0,9 tuổi. Năm 2024, toàn tỉnh có 179 cơ sở y tế. Số lượng giường bệnh bình quân đạt 34,5 giường/vạn dân, tăng gấp 2 lần và số bác sĩ tính bình quân đạt 14,1 bác sĩ/vạn dân, tăng 3,9 lần so với năm 1997.

Giáo dục và Đào tạo: Bắc Ninh là tỉnh đầu tiên trong cả nước đạt tỷ lệ 100% kiên cố hóa phòng học trường công lập và 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia và cũng là tỉnh đầu tiên được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ ở mức độ cao nhất. Năm học 2024-2025 tất cả các bậc học từ mầm non đến THPT toàn tỉnh có 516 trường học với 8.526 lớp học, 374,2 nghìn học sinh và 20.607 giáo viên. So với năm học 1997-1998 số trường học tăng 24,6% (+102 trường), số lớp học tăng 25,4% (+1.728 lớp), số học sinh tăng 45,1% (+116,3 nghìn học sinh), số giáo viên tăng 2,5 lần (+12.485 giáo viên).

Đời sống dân cư: Nhờ phát triển kinh tế nhanh, đời sống dân cư được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 6,1 triệu/người/tháng (năm 1997 là 237,8 nghìn), tăng 12,7%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 10,35% năm 1997 (theo tiêu chí giai đoạn 1997-2000), đến năm 2024 Bắc Ninh không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều), khoảng cách chênh lệch giàu nghèo được rút ngắn qua các năm. Năm 1997, chỉ số phát triển con người (HDI) của Bắc Ninh mới đạt 0,67 thuộc nhóm tỉnh có chỉ số HDI thấp, đến năm 2024 đã đạt 0,78 thuộc nhóm tỉnh, thành phố có chỉ số cao.



3. Vị thế tỉnh Bắc Ninh sau hợp nhất 1/7/2025

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15, hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh hợp nhất thành tỉnh Bắc Ninh từ ngày 1/7/2025. Tỉnh Bắc Ninh mới có diện tích 4.718,6 km², dân số là 3.619.433 người.

Năm 2025, quy mô GRDP của tỉnh Bắc Ninh ước đạt 522,6 nghìn tỷ, đứng thứ 5/34 tỉnh, thành phố (sau TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đồng Nai), tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 10,27%, xếp thứ 5 toàn quốc. Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành công nghiệp chiếm 71,13% (công nghiệp chiếm 67,28%); khu vực nông nghiệp chiếm 6,52%; khu vực dịch vụ chiếm 19,41%; thuế sản phẩm chiếm 2,94%. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 64.754 tỷ đồng; Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 180,6 tỷ USD, đứng thứ 2 cả nước (riêng xuất khẩu đứng đầu cả nước). Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 72 triệu/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 0,91% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030). Với tiềm năng và lợi thế sẵn có, tỉnh Bắc Ninh phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC NGÀNH THỐNG KÊ

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, TCTK đã thực hiện chia tách Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc để tái lập Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Cùng với sự thay đổi về địa giới và đơn vị hành chính cấp tỉnh, mô hình tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trong giai đoạn từ tháng 01/1997 đến tháng 6/2025 cũng có nhiều thay đổi và biến động khá lớn.

1. Đối với cơ quan tỉnh

Căn cứ vào hướng dẫn của Tỉnh uỷ Hà Bắc và TCTK, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc đã có quyết định thành lập Hội đồng chia tách và các tiểu ban chuyên môn, trong đó tiểu ban nhân sự do Ông Ngô Minh Quang -



Cục trưởng là Chủ tịch Hội đồng trực tiếp làm Trưởng tiểu ban; bà Nguyễn Thị Hoạt - Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính làm Thường trực để chỉ đạo việc phân chia cán bộ và xây dựng mô hình tổ chức bộ máy lâm thời của hai Cục Thống kê mới.

Sau chia tách, mô hình tổ chức của Cục Thống kê tỉnh vẫn tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 23-CP ngày 23/3/1994. Theo đó, ở cơ quan Thống kê của 2 tỉnh gồm: Ban Lãnh đạo (Cục trưởng và 2 Phó cục trưởng) và 4 phòng, 01 bộ phận, cụ thể:

(1) Phòng Tổng hợp: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê Tổng hợp, Tài khoản quốc gia, Dân số và lao động, Thi đua và phương pháp chế độ).

(2) Phòng Nông nghiệp: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thương mại - giá cả và xã hội - môi trường).

(3) Phòng Công nghiệp: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê công nghiệp; Xây dựng cơ bản và giao thông vận tải).

(4) Phòng Tổ chức - Hành chính.

(5) Thanh tra Cục.

Tháng 8/1998, thực hiện Quyết định số 235/QĐ-TCTK ngày 23/6/1998 của Tổng cục trưởng TCTK về cơ cấu tổ chức các Cục Thống kê tỉnh, thành phố, tổ chức được sắp xếp theo mô hình 5 phòng, 01 bộ phận và 01 đơn vị trực thuộc (đây là đơn vị đặc thù chỉ phát sinh ở một số tỉnh), gồm:

(1) Phòng Tổng hợp: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê Tổng hợp; Tài khoản quốc gia; Thi đua và Phương pháp chế độ).

(2) Phòng Nông nghiệp: Thực hiện các nhiệm vụ về thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản.

(3) Phòng Công Thương: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê công nghiệp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Thương mại và giá cả).



(4) Phòng Dân số - Xã hội môi trường: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê dân số, lao động và xã hội, môi trường).

(5) Phòng Tổ chức - Hành chính: Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức, cán bộ, kế toán, hành chính, nội vụ,...

(6) Thanh tra Cục: Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, phúc tra các cuộc điều tra, các đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

(7) Trung tâm Tính toán: Là đơn vị tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh và tự hạch toán thu-chi.

Ngày 03/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCTK thay thế Nghị định số 23/CP ngày 23/3/1994 của Chính Phủ. Từ tháng 01 đến tháng 6/2004, Tổng cục trưởng TCTK đã ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Thống kê tỉnh, thành phố theo mô hình thống nhất. Theo đó, ở cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh gồm 6 phòng (phòng Công Thương thành 2 phòng Thống kê Công nghiệp và Thương mại). Thực hiện theo Quyết định này, Cục Thống kê 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang đã tổ chức chia tách Phòng Công Thương và thành lập 2 phòng Thống kê Công nghiệp và Thương mại theo quy định, các phòng còn lại và đơn vị trực thuộc vẫn giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ.

Ngày 24/8/2010, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCTK trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, cơ quan thống kê ở địa phương, gồm:

a) Cục Thống kê ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Cục Thống kê cấp tỉnh) trực thuộc Tổng cục Thống kê.

b) Chi cục Thống kê ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Chi cục Thống kê cấp huyện) trực thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.



Thực hiện Quyết định này, tháng 01/2011 Tổng cục trưởng TCTK đã ban hành các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố với cơ cấu tổ chức gồm có 06 phòng và Thanh tra Thống kê. Mô hình này về cơ bản vẫn giữ nguyên theo thời kỳ trước; trong đó bộ phận Thanh tra được gọi chung là Thanh tra Cục.

Sau khi Thanh tra Cục được bổ sung thêm nhiệm vụ rộng hơn theo thanh tra chuyên ngành, nên để phản ánh đúng vai trò và vị trí, tháng 3/2014 Tổng cục trưởng TCTK đã ban hành các Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong thời kỳ mới, nên Thống kê tỉnh được thực hiện theo mô hình 7 phòng, tức là Thanh tra Cục được nâng cấp lên thành Phòng Thanh tra Thống kê.

Thực hiện Nghị định số 55/2012/NĐ-CP, ngày 28/6/2012 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Sau một thời gian chuẩn bị, đến tháng 7/2015 Cục Thống kê 2 tỉnh đã xây dựng Đề án Giải thể Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu Thống kê, đến cuối năm 2015 Tổng cục trưởng TCTK đã ban hành các quyết định về việc giải thể Trung tâm Tính toán và Phát hành biểu mẫu thống kê trực thuộc Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật, Giám đốc của 2 Trung tâm được nghỉ hưu, còn lại được chuyển sang ngạch công chức và làm việc ở Cục Thống kê tỉnh cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Tuy nhiên, trước thực trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ... và để đáp ứng kịp thời sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, ngày 25/10/2017 BCH Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-TW về Một số



vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện chủ trương này, ngành Thống kê cũng tiến hành sắp xếp, tinh gọn lại tổ chức bộ máy. Ngày 18/3/2020, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức TCTK trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. TCTK được tổ chức theo hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương theo đơn vị hành chính cấp huyện. Theo đó, cơ cấu tổ chức của cơ quan Cục Thống kê tỉnh, thành phố được thống nhất thực hiện theo mô hình 5 phòng, cụ thể:

(1) Phòng Thống kê Tổng hợp: Thực hiện các nhiệm vụ, gồm (Thống kê Tổng hợp; Tài khoản quốc gia; Phương pháp chế độ và Thanh tra Thống kê).

(2) Phòng Thu thập Thông tin Thống kê: Chịu trách nhiệm triển khai thu thập thông tin của toàn bộ các cuộc điều tra, tổng điều tra.

(3) Phòng Thống kê Kinh tế: Chịu trách nhiệm xử lý, tổng hợp đầu ra và báo cáo đánh giá tình hình, thực trạng các lĩnh vực thống kê nông nghiệp, công nghiệp, vốn đầu tư - xây dựng, thương mại và dịch vụ, vận tải, giá cả.

(4) Phòng Thống kê Xã hội: Chịu trách nhiệm xử lý, tổng hợp đầu ra và báo cáo đánh giá tình hình, thực trạng các lĩnh vực thống kê dân số, lao động, xã hội và môi trường; chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới.

(5) Phòng Tổ chức - Hành chính: Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức, cán bộ, kế toán, hành chính, nội vụ,...

Sau gần 5 năm thực hiện theo mô hình này, đồng thời trước tình hình các Bộ, Ngành ở Trung ương và Sở, Ngành ở địa phương cũng như cả nước thực hiện tinh gọn bộ máy, sáp nhập tỉnh, xã, bỏ cấp huyện và sắp xếp đơn vị hành chính 2 cấp. Thực hiện chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sáp nhập với Bộ Tài chính.



Ngày 26/02/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 384/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Thống kê thuộc Bộ Tài Chính. Cục Thống kê được tổ chức từ Trung ương đến địa phương theo mô hình 03 cấp: Cơ quan Cục Thống kê ở Trung ương; Chi cục Thống kê tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Đội Thống kê cấp huyện thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê tỉnh cũng được sắp xếp lại theo mô hình 5 phòng, gồm:

(1) Phòng Thống kê Tổng hợp: Thực hiện các lĩnh vực Thống kê Tổng hợp; Tài khoản quốc gia; Phương pháp chế độ và Kiểm tra Thống kê.

(2) Phòng Thống kê Công nghiệp-Xây dựng: Chịu trách nhiệm thực hiện các lĩnh vực thống kê công nghiệp, xây dựng và vốn đầu tư.

(3) Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội: Chịu trách nhiệm thực hiện các lĩnh vực thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản; dân số và lao động; xã hội và môi trường; chương trình xây dựng nông thôn mới.

(4) Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá: Chịu trách nhiệm thực hiện các lĩnh vực thống kê thương mại và dịch vụ, vận tải, giá cả.

(5) Phòng Tổ chức - Hành chính: Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức, cán bộ, kế toán, hành chính, nội vụ,...

Ngày 30/6/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2288/QĐ-BTC sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Thống kê. Cục Thống kê được tổ chức từ Trung ương đến địa phương theo mô hình 03 cấp: Cơ quan Cục Thống kê ở Trung ương; Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thống kê cơ sở thuộc Thống kê cấp tỉnh. Về cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh vẫn giữ nguyên 5 phòng theo Quyết định số 384/QĐ-BTC.



2. Đối với Thống kê huyện, thị xã, thành phố và tương đương³

Trong giai đoạn từ 1997-2025, Thống kê cấp huyện cũng nhiều lần thay đổi cả về mô hình và số lượng. Sau khi chia tách tỉnh, phòng Thống kê cấp huyện cũng được tổ chức tương ứng theo đơn vị hành chính cấp huyện của từng tỉnh.

Tỉnh Bắc Giang, có 10 phòng Thống kê cấp huyện, gồm:

1. Phòng Thống kê thị xã Bắc Giang;
2. Phòng Thống kê huyện Sơn Động;
3. Phòng Thống kê huyện Lục Ngạn;
4. Phòng Thống kê huyện Lục Nam;
5. Phòng Thống kê huyện Yên Thế;
6. Phòng Thống kê huyện Lạng Giang;
7. Phòng Thống kê huyện Tân Yên;
8. Phòng Thống kê huyện Hiệp Hoà;
9. Phòng Thống kê huyện Việt Yên;
10. Phòng Thống kê huyện Yên Dũng.

Tháng 6/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2005/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Bắc Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Bắc Giang, theo đó Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định thành lập Phòng Thống kê thành phố Bắc Giang.

Từ tháng 10/2010, thực hiện Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, theo đó các phòng Thống kê cấp huyện được đổi thành Chi cục Thống kê cấp huyện.

³ Thời kỳ 1997-2025, Thống kê cấp huyện có 3 lần thay đổi: Từ phòng chuyển thành Chi cục (năm 2010), thành Đội Thống kê (tháng 3/2025) và thành Thống kê cơ sở (tháng 7/2025).



Tháng 9/2020, thực hiện chủ trương của Đảng về tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang đã xây dựng Đề án sáp nhập một số Chi cục Thống kê cấp huyện, đến tháng 12/2020 Tổng cục Thống kê đã phê duyệt đề án và theo lộ trình đã sáp nhập Chi cục Thống kê huyện Yên Dũng vào Chi cục Thống kê thành phố Bắc Giang và lấy tên là Chi cục Thống kê khu vực Bắc Giang - Yên Dũng.

Tháng 12/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 938/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở diện tích và dân số của huyện Việt Yên, theo đó Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định thành lập Phòng Thống kê thị xã Việt Yên.

Tháng 9/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025. Thực hiện Nghị quyết đã sáp nhập huyện Yên Dũng vào thành phố Bắc Giang và sắp xếp huyện Lục Ngạn, huyện Sơn Động và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc để thành lập thị xã Chũ thuộc tỉnh Bắc Giang trên cơ sở 10 xã, thị trấn của huyện Lục Ngạn. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính, tỉnh Bắc Giang có 10 đơn vị hành chính và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2025. Trên cơ sở đó, Tổng cục Thống kê ban hành các Quyết định thành lập Chi cục Thống kê thành phố Bắc Giang và Chi cục Thống kê khu vực Chũ-Lục Ngạn.

Tỉnh Bắc Ninh, năm 1997 khi mới tách tỉnh có 6 phòng Thống kê cấp huyện, gồm:

1. Phòng Thống kê thị xã Bắc Ninh;
2. Phòng Thống kê huyện Gia Lương;
3. Phòng Thống kê huyện Thuận Thành;
4. Phòng Thống kê huyện Quế Võ;



5. Phòng Thống kê huyện Tiên Sơn;

6. Phòng Thống kê huyện Yên Phong

Tháng 9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 1999/NĐ-CP về việc chia tách huyện Gia Lương thành 2 huyện Lương Tài và Gia Bình; huyện Tiên Sơn thành 2 huyện Tiên Du và Từ Sơn. Tháng 8/1999, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã chỉ đạo chia tách Phòng Thống kê huyện Gia Lương và Tiên Sơn thành các Phòng Thống kê: huyện Lương Tài, huyện Gia Bình, huyện Tiên Du và huyện Từ Sơn.

Tháng 01/2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2006/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Bắc Ninh trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị xã Bắc Ninh, đến tháng 2/2006, Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định thành lập Phòng Thống kê thành phố Bắc Ninh.

Tháng 9/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Từ Sơn trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của huyện Từ Sơn, đến tháng 10/2008, Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định thành lập Phòng Thống kê thị xã Từ Sơn. Tháng 9/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 387/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thành phố Từ Sơn, đến tháng 10/2021, Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định về việc thành lập Chi cục Thống kê thành phố Từ Sơn.

Tháng 9/2020, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh xây dựng Đề án sáp nhập một số Chi cục Thống kê cấp huyện, đến tháng 12/2020 Tổng cục Thống kê đã phê duyệt đề án và theo lộ trình đã sáp nhập Chi cục Thống kê huyện Lương Tài với Chi cục Thống kê huyện Gia Bình và lấy tên là Chi cục Thống kê Gia Bình.

Tháng 2/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 723/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị xã Thuận Thành và thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, theo đó Tổng cục Thống kê ban hành các Quyết định về việc thành lập Chi cục Thống kê thị xã Thuận Thành và Chi cục Thống kê thị xã Quế Võ.



Tháng 3/2025, tiếp tục thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy và thực hiện theo mô hình mới của ngành Thống kê, Cục Thống kê (Bộ Tài chính) đã ban hành các Quyết định thành lập Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố và Chi cục Thống kê cấp huyện cũng được đổi thành Đội Thống kê theo đơn vị hành chính cấp huyện tương ứng.

Tháng 7/2025, sau khi cả nước sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh và xã, bỏ cấp huyện, ngành Thống kê cũng thực hiện theo mô hình mới và ở cấp huyện, Cục Thống kê đã ban hành Quyết định thành lập 13 Thống kê cơ sở thuộc Thống kê tỉnh Bắc Ninh. Đến tháng 9/2025, tổ chức gồm:

1. Thống kê cơ sở Bắc Giang;
2. Thống kê cơ sở Lục Nam (sáp nhập với Thống kê huyện Lạng Giang);
3. Thống kê cơ sở Sơn Động (được sáp nhập với Thống kê khu vực Chũ-Lục Ngạn);
4. Thống kê cơ sở Yên Thế (sáp nhập với Thống kê huyện Tân Yên);
5. Thống kê cơ sở Hiệp Hoà;
6. Thống kê cơ sở Việt Yên;
7. Thống kê cơ sở Kinh Bắc;
8. Thống kê cơ sở Yên Phong;
9. Thống kê cơ sở Quế Võ;
10. Thống kê cơ sở Tiên Du;
11. Thống kê cơ sở Từ Sơn;
12. Thống kê cơ sở Thuận Thành;
13. Thống kê cơ sở Gia Bình.



3. Mạng lưới thống kê

a. Thống kê cấp xã

Từ năm 1998 về trước, mạng lưới Thống kê cấp xã được thành lập và hoạt động theo Điều lệ 695/TTg ngày 20/5/1956 và Thông tư số 108/TTg ngày 25/3/1987 của Thủ tướng Chính phủ. Mỗi xã đều có Ban Thống kê, do một lãnh đạo UBHC (sau này là UBND) cấp xã làm Trưởng Ban và có 01 Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc kiêm nhiệm một việc. Theo đó, hầu hết các bộ phận Thống kê cấp xã của tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh đều kiêm nhiệm công tác địa chính, thủy lợi, văn phòng... nên không ổn định, thường xuyên biến động theo nhiệm kỳ HĐND và không được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê, chỉ được hướng dẫn nghiệp vụ qua các đợt tập huấn điều tra, kê khai biểu mẫu, mang tính chất ghi chép ban đầu, không có khả năng tính toán, phân tích, tổng hợp tình hình thành một báo cáo hoàn chỉnh giúp Cấp uỷ, Chính quyền lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực hiện Nghị định số 09/1999/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ), từ năm 2000 đến nay, Thống kê cấp xã được quy định với một biên chế là công chức Văn phòng - Thống kê tổng hợp. Sau khi sắp xếp theo Nghị định số 09/1999/NĐ-CP đến đầu năm 2000, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 196/229 xã, phường, thị trấn và trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 100/123 xã, phường, thị trấn có chức danh Văn phòng-Thống kê, các xã còn lại của 2 tỉnh do công chức ở các bộ phận khác kiêm nhiệm, tùy theo sự phân công hoặc đặc thù của từng địa phương, như: tài chính, thương binh - xã hội, khuyến nông,... Từ năm 2000-2004, Sở Nội vụ và Cục Thống kê tỉnh thường xuyên phối hợp tổ chức các lớp đào tạo về chuyên môn Thống kê cho cán bộ Văn phòng-Thống kê, nhiều UBND cấp xã cũng quan tâm cử cán bộ đi học nghiệp vụ Thống kê - Kế toán và quản lý hành chính. Đến



c cuối năm 2004, toàn tỉnh Bắc Giang có 20/229 cán bộ đạt trình độ đại học, 58/229 cán bộ có trình độ trung cấp thống kê - kế toán, ở tỉnh Bắc Ninh có 29/123 cán bộ được đào tạo chuyên môn về thống kê - kế toán với các trình độ từ sơ cấp đến đại học và một số chuyên ngành khác.

Từ 01/7/2025, thực hiện sáp nhập xã và hoạt động theo chính quyền địa phương 2 cấp, chức danh Văn phòng-Thống kê không còn, bộ phận Thống kê được ghi trong chức danh cán bộ Tài chính-Kế hoạch-Thống kê nằm trong phòng Kinh tế của các xã, phường. Để triển khai thực hiện, Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã có văn bản trình UBND tỉnh chỉ đạo yêu cầu UBND các xã, phường sắp xếp bố trí một công chức cho vị trí Thống kê, nhưng do khối lượng công việc của phòng Kinh tế rất lớn và thiếu biên chế, nên hầu hết vị trí thống kê tại các xã, phường của tỉnh vẫn là kiêm nhiệm.

b. Thống kê các sở, ngành và Doanh nghiệp

Bộ phận thống kê ở các sở ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị sản xuất kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp Nhà nước đều được tổ chức bộ phận hoặc Ban Thống kê. Tuy nhiên, trong thực tế hầu hết cán bộ thống kê này đều kiêm nhiệm công tác tài vụ, kế toán theo mô hình tổ chức thống nhất hạch toán Kế toán - Thống kê; một số sở, ngành thì trực thuộc Văn phòng. Do là kiêm nhiệm, nên cũng thường xuyên biến động, thay đổi nên cũng không có nghiệp vụ thống kê, nhưng do đa phần các công chức kiêm nhiệm này đều tốt nghiệp đại học hoặc trung cấp, cao đẳng nên việc thực hiện công tác thống kê cũng thuận lợi hơn.

III. VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

Từ năm 1997-2025, do mô hình tổ chức của ngành Thống kê có nhiều lần thay đổi, nên tổ chức cán bộ cũng biến động theo.



a. Về Ban Lãnh đạo Cục

Năm 1997, khi mới chia tách tỉnh, Ông Hà Văn Đối, Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hiệp ý và TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang; Ông Dương Văn Chiến, Trưởng Phòng Thống kê Nông nghiệp Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được Thường trực Tỉnh uỷ hiệp ý và TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Đến tháng 8/2000, ông Hà Văn Đối được TCTK thông báo nghỉ điều hành công tác để làm thủ tục nghỉ hưu. Ông Dương Văn Chiến, Phó Cục trưởng được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hiệp ý và TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng. Bà Nguyễn Bích Hằng, Trưởng phòng Công Thương được Thường trực Tỉnh uỷ hiệp ý và TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Tháng 9/2007, Ông Hà Văn Xuân, Trưởng phòng Thống kê Nông nghiệp được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng; đến tháng 3/2008 bà Nguyễn Bích Hằng được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng thay ông Dương Văn Chiến được nghỉ hưu theo chế độ và ông Phạm Bá Dũng được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Đến tháng 7/2011, Ban Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang tiếp tục có sự thay đổi về nhân sự; ông Phạm Bá Dũng được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng, thay bà Nguyễn Bích Hằng nghỉ hưu theo chế độ và ông Hà Văn Lượng - Trưởng phòng Thống kê Dân số - Văn xã được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Đến tháng 11/2017, ông Đồng Văn Sùng, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng. Tháng 3 năm 2018 ông Hà Văn Xuân, Phó Cục trưởng được nghỉ hưu theo chế độ. Tháng 5/2021, thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ chủ chốt giữa các tỉnh khi đã giữ vị trí 2 nhiệm kỳ, Tổng



cục trưởng Tổng cục Thống kê đã điều động và bổ nhiệm ông Phạm Bá Dũng giữ chức vụ Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Hải Dương và giao ông Đồng Văn Sùng phụ trách Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. Đến tháng 6/2022, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm ông Đồng Văn Sùng giữ chức vụ Cục trưởng và đến tháng 7/2022 đã điều động ông Ngô Văn Tuệ, Phó cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang.

b. Công chức và người lao động

Ở thời điểm chia tách năm 1997 Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc có 35 cán bộ, trong đó có 19 công chức và 3 cán bộ hợp đồng công việc có nguyện vọng được Tổng cục Thống kê quyết định ở lại Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. Khi đó, tổng số cán bộ Văn phòng Cục là 22 công chức và lao động hợp đồng. Trong 19 cán bộ trong biên chế, có 9 cán bộ đạt trình độ đại học, 9 cán bộ có trình độ trung cấp. Đến năm 2004, sau nhiều lần được Tổng cục Thống kê tuyển dụng, tiếp nhận từ các ngành khác và từ ngành Thống kê các tỉnh, cán bộ cơ quan Cục tăng lên 26 biên chế, 2 hợp đồng dài hạn (trong quỹ lương) và 01 hợp đồng ngắn hạn (làm bảo vệ ngoài giờ hành chính), trong đó 14 cán bộ có trình độ đại học, chiếm 53,8% tổng số cán bộ và hợp đồng dài hạn.

Ở cấp huyện, ngành Thống kê đã tuyển mới được 10 công chức, đồng thời điều động 2 công chức lên cơ quan Cục và giải quyết nghỉ hưu cho 7 công chức. Tính đến 31/12/2004, ở 10 phòng Thống kê cấp huyện có 44 công chức và lao động hợp đồng đang làm việc; bình quân có 4,4 công chức/huyện.

Thời kỳ 1997-2004, nhiều cán bộ tiếp tục được cử đi học hoặc tự sắp xếp đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý Nhà nước, trong đó có 9 cán bộ trung cấp đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành



Thống kê, 1 cán bộ hoàn thành chương trình bồi dưỡng quản lý hành chính ngạch chuyên viên, 2 Lãnh đạo Cục đều tốt nghiệp cử nhân chính trị, Cục đã chỉ đạo các Phòng thuộc cơ quan Cục và Phòng Thống kê các huyện, thị xã tiến hành quy hoạch cán bộ lãnh đạo ngành và các phòng trực thuộc đến năm 2005 và 2010.

Thời kỳ từ 2005-2011, công chức và người lao động cũng liên tục biến động do tuyển mới, nghỉ hưu và cũng thay đổi giữa các phòng thuộc cơ quan Cục và các phòng Thống kê cấp huyện. Tính đến tháng 01/2011, cơ quan Cục có 28 công chức và 2 lao động hợp đồng; trong đó 24 công chức có trình độ đại học, 02 công chức có trình độ cao đẳng, 02 công chức có trình độ trung cấp và 02 công chức có trình độ sơ cấp. Đến tháng 4/2014, khi thực hiện theo mô hình 6 phòng, cơ quan Cục có 32 công chức và 04 lao động hợp đồng; trong đó 02 công chức có trình độ Thạc sĩ, 32 công chức có trình độ đại học, 01 lao động có trình độ cao đẳng và 01 lao động có trình độ sơ cấp.

Ở cấp huyện, năm 2010 khi thực hiện mô hình mới là Chi cục Thống kê và cũng có một số thay đổi khi được điều động, luân chuyển giữa các đơn vị, nhưng vẫn duy trì được 46 công chức; trong đó trình độ thạc sĩ có 01 công chức, đại học có 21 công chức, cao đẳng có 07 công chức và trung cấp có 17 công chức.

Thời kỳ từ 2015-2025, số lượng biên chế ở các phòng thuộc cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê cấp huyện cũng liên tục biến động do được tuyển mới, nghỉ hưu và có một số thôi việc hoặc chuyển sang ngành khác. Tuy nhiên, số lượng biên chế ở cơ quan Cục luôn ổn định trong khoảng từ 30-32 công chức và 4 lao động hợp đồng và ở các Chi cục Thống kê cũng xoay quanh từ 45-48 công chức và lao động hợp đồng.

2. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

a. Về Ban Lãnh đạo Cục

Năm 1997, khi mới chia tách tỉnh, Ông Ngô Minh Quang, Cục trưởng



Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc được giữ chức Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh; đến tháng 2/1997, Ông Nghiêm Đình Thuận, Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp được Thường trực Tỉnh uỷ hiệp y và TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng; đến tháng 12/2001, Ông Vũ Thanh Liêm, Thị uỷ viên, Trưởng phòng Thống kê thị xã Bắc Ninh được Tổng cục trưởng TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Đến tháng 4/2004, ông Ngô Minh Quang được nghỉ hưu theo chế độ và tháng 5/2004, ông Vũ Thanh Liêm được Tổng cục trưởng TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng, đồng thời bổ nhiệm ông Lê Văn Phát, Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Tháng 10/2009, ông Vũ Thanh Liêm được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thống kê; đến tháng 2/2010, ông Nghiêm Đình Thuận được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh và Tổng cục trưởng TCTK cũng bổ nhiệm ông Vũ Minh Giang, Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp giữ chức vụ Phó Cục trưởng.

Đến tháng 01/2011, Ban Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh tiếp tục có sự thay đổi về nhân sự; ông Lê Văn Phát được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra, Tổng cục Thống kê. Tháng 01/2013, được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hiệp y, Tổng cục trưởng TCTK đã bổ nhiệm ông Phạm Sỹ Duân giữ chức vụ Phó Cục trưởng, đến tháng 12/2017 thì nghỉ hưu theo chế độ.

Tháng 9/2017, ông Khổng Văn Thắng, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố Bắc Ninh được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng. Tháng 12/2018, ông Nghiêm Đình Thuận được nghỉ hưu theo chế độ; từ tháng 01/2019, Tổng cục Thống kê đã giao Quyền Cục trưởng cho ông Vũ Minh Giang.



Tháng 4/2019, ông Ngô Văn Tuệ, Trưởng phòng Thống kê Tổng hợp được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hiệp ý và Tổng cục trưởng TCTK bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng. Tháng 5/2021, khi thực hiện tinh giản bộ máy, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, ông Lê Văn Phát - Giám đốc Trung tâm Thông tin tư liệu và Dịch vụ Thống kê, được Tổng cục trưởng điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, từ tháng 5/2021, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh có 04 Phó Cục trưởng, trong đó ông Vũ Minh Giang được giao Quyền Cục trưởng.

Tháng 7/2022, ông Ngô Văn Tuệ được Tổng cục trưởng TCTK điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. Đến tháng 10/2024, ông Vũ Minh Giang được nghỉ hưu theo chế độ và đến tháng 11/2024, Tổng cục trưởng TCTK đã giao Quyền Cục trưởng cho ông Khổng Văn Thắng.

b. Công chức và người lao động

Ở thời điểm chia tách, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh có 16 cán bộ, công chức được về Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh làm việc theo nguyện vọng cá nhân. Trong đó có 10 người có trình độ đại học, 5 người có trình độ trung cấp. Từ tháng 02/1997 đến tháng 2/2002, đã tiếp nhận một số công chức từ một số tỉnh và tuyển dụng thêm một số công chức. Đến cuối năm 2002, cơ quan Cục đã có 26 biên chế. Từ năm 2003, số lượng công chức, người lao động ở cơ quan Cục Thống kê cũng liên tục biến động do được tuyển mới, điều động, luân chuyển từ tỉnh về huyện và từ huyện lên tỉnh khi thực hiện mô hình mới, nghỉ hưu, chuyển ngành công tác,... Tuy có biến động, nhưng nhìn chung tổng biên chế ở cơ quan Cục luôn dao động từ 28-30 công chức, người lao động.



3. Thống kê tỉnh Bắc Ninh sau khi sáp nhập 2 tỉnh

Tháng 7/2025, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang và lấy tên là tỉnh Bắc Ninh, trung tâm hành chính của tỉnh đặt tại phường Bắc Giang. Theo đó, Chi cục Thống kê 2 tỉnh cũng sáp nhập và được đổi tên thành Thống kê tỉnh Bắc Ninh.

Về Ban Lãnh đạo: Trước khi sáp nhập tỉnh, ở Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có 3 Lãnh đạo, gồm Ông Đồng Văn Sùng - Chi cục trưởng và 02 Phó chi cục trưởng, là ông Hà Văn Lượng và ông Ngô Văn Tuệ. Ở Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh có ông Khổng Văn Thắng - Quyền Chi cục trưởng và ông Lê Văn Phát, Phó Chi cục trưởng.

Đối với các phòng ở cơ quan tỉnh của 2 Chi cục Thống kê đã được sắp xếp và tổ chức lại theo mô hình 5 phòng từ tháng 3/2025. Theo đó, ở Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có 4 Trưởng phòng và 5 Phó Trưởng phòng (trong đó có Phó Trưởng phòng Thống kê Nông nghiệp - Xã hội được giao Phụ trách phòng) và ở Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh cũng có 4 Trưởng phòng và 5 Phó Trưởng phòng (trong đó có Phó Trưởng phòng TC-HC được giao Phụ trách phòng). Tổng biên chế ở cơ quan Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có 32 công chức và người lao động, còn ở Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh có 28 công chức và người lao động.

Thực hiện chủ trương tinh giản tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tinh gọn biên chế, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178/2024/NĐ-CP về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Theo đó, một số Lãnh đạo Chi cục, phòng, đội Thống kê cấp huyện và công chức, người lao động đủ tuổi, đủ điều kiện và có nguyện vọng để được nghỉ hưu trước tuổi theo quy định, đã được xem xét và Cục Thống kê đã trình Bộ Tài chính phê duyệt cho nghỉ hưu, cụ thể:

Về Lãnh đạo: Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh có ông Lê Văn Phát được nghỉ hưu từ ngày 01/4/2025 và Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang



có ông Hà Văn Lượng được nghỉ hưu từ ngày 01/7/2025. Lãnh đạo phòng: Bắc Ninh có bà Cao Thị Huyền, Trưởng phòng, Phòng Thống kê CN-XD nghỉ hưu từ 01/7/2025, Bắc Giang có ông Trịnh Quang Thế, Trưởng phòng, Phòng Thống kê CN-XD và ông Hà Văn Thương, Phó Trưởng phòng, Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá được nghỉ hưu từ 01/9/2025. Đối với cấp huyện: tỉnh Bắc Ninh có ông Trần Đức Văn, Đội trưởng Đội Thống kê thành phố Từ Sơn và bà Nguyễn Thị Lan, Đội trưởng Đội Thống kê thị xã Quế Võ được nghỉ hưu từ 01/4/2025; ông Nguyễn Xuân Ninh, Đội trưởng Đội Thống kê thị xã Quế Võ (được điều động từ Đội Thống kê huyện Gia Bình sang tháng 5/2025) nghỉ hưu từ 01/9/2025. Tỉnh Bắc Giang, ông Hà Văn Chương, Đội trưởng Đội Thống kê Lục Nam (nguyên là Chi cục trưởng Thống kê huyện Lạng Giang); ông Dương Văn Du, Phó Đội trưởng, Đội Thống kê Lục Nam; ông Trịnh Văn Cương, Đội trưởng Đội Thống kê Sơn Động (nguyên là Chi cục trưởng Thống kê khu vực Chũ-Lục Ngạn) và bà Dương Thị Chúc, Phó Đội trưởng, Đội Thống kê thị xã Việt Yên được nghỉ hưu từ 01/9/2025. Bên cạnh đó, tháng 8/2025 ông Vũ Kiến Nghị, Phó Trưởng phòng, Phòng TC-HC cũng đủ tuổi và được nghỉ hưu theo chế độ.

Về công chức, người lao động: Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh 03 công chức cũng được xem xét cho nghỉ hưu trước tuổi và 01 lao động hợp đồng được thôi việc theo Nghị định số 178; 02 lao động hợp đồng được thôi việc theo nguyện vọng cá nhân. Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang có 01 công chức theo nguyện vọng cá nhân cũng được cho thôi việc theo Nghị định số 178.

Thời điểm 01/7/2025, khi thực hiện sáp nhập, có 02 Trưởng phòng thuộc Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã tình nguyện và xin được chuyển xuống cơ sở làm việc để thuận cho công tác cán bộ: ông Nguyễn Đức Chinh, Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp được điều động và bổ nhiệm Trưởng Thống kê cơ sở Gia Bình, đến tháng 11/2025 được điều động làm Trưởng Thống kê cơ sở Quế Võ; ông Nghiêm Đình Hoàn, Trưởng



phòng Thống kê Dịch vụ và Giá được điều động và bổ nhiệm Trưởng Thống kê cơ sở Từ Sơn từ tháng 7/2025. Sau khi sắp xếp, tại thời điểm 01/7/2025 cơ quan Thống kê tỉnh có 5 Trưởng phòng và 7 Phó Trưởng phòng; có 48 công chức và 6 lao động hợp đồng làm việc tại cơ quan Thống kê tỉnh, ở cấp huyện có 72 công chức và 6 lao động hợp đồng làm việc tại 13 Thống kê cơ sở. Đến cuối năm 2025, toàn ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh có 110 công chức và 12 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111; trong đó ở cơ quan Thống kê tỉnh có 42 công chức và 6 lao động hợp đồng và ở 13 Thống kê cơ sở có 68 công chức và 6 lao động hợp đồng.

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

1.1. Văn phòng Cục

Sau khi tái lập tỉnh, Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang làm việc tại địa điểm Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc (cũ).

Ban Lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang nhận bàn giao toàn bộ công trình xây dựng Văn phòng Cục là khu nhà làm việc 3 tầng, đang thi công xây phần thô hết tầng I. Sau bàn giao, ông Hà Văn Đối - Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang làm Trưởng ban, ông Vũ Hữu Do - Trưởng phòng Tổng hợp được cử giám sát công trình cùng với giám sát của tỉnh, bà Lê Thị Thoa - Phó Trưởng phòng, Phòng Tổ chức - Hành chính và bà Nguyễn Thị Chính - Kế toán trưởng giúp việc Ban xây dựng. Công trình xây dựng nhà làm việc Văn phòng Cục được hoàn thành và đưa vào sử dụng đầu năm 1998. Năm 2009, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang mở rộng, cải tạo nhà làm việc chính lên 4 tầng, phá toàn bộ nhà làm việc 2 tầng (cải tạo năm 2003) và khu nhà tập thể phía sau trụ sở chính. Quy hoạch sân



vườn, mở rộng nhà để xe máy, xây mới nhà khách, nhà để xe ô tô và nhà để xe đa năng tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, người lao động có khu vui chơi, giải trí sau mỗi ngày làm việc. Năm 2019, Tổng cục Thống kê cấp kinh phí để sửa chữa lớn trụ sở Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, chủ yếu là thay đổi thiết kế một số phòng và mua sắm thiết bị nội thất các phòng làm việc, sơn và lát gạch lại toàn bộ trụ sở.

Về phương tiện đi lại: Khi còn là Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc, có 2 xe ô tô (01 xe Uoát mua năm 1989 và 01 xe MAZDA 626 mua năm 1995), đã bàn giao cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh xe MAZDA 626. Đầu năm 1998, Tổng cục Thống kê cấp kinh phí cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang mua một xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA 1.6 bốn chỗ ngồi, năm 2001 bán thanh lý xe Uoát cũ. Năm 2004 Tổng cục Thống kê cấp kinh phí mua xe MITSUBISHI -PAJERO 7 chỗ ngồi. Tháng 6/2013, Tổng cục Thống kê đã cấp kinh phí đầu tư cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang mua 01 xe ô tô ATIS mới thay thế xe TOYOTA 1.6 đã cũ và thanh lý. Đến năm 2017, Tổng cục Thống kê đã thu hồi xe MITSUBISHI-PAJERO 7 chỗ ngồi theo chủ trương của Chính phủ, đến cuối năm 2017 Tổng cục Thống kê cấp kinh phí mua xe MITSUBISHI-PAJERO 7 chỗ ngồi phục vụ công tác chuyên dùng.

Các phương tiện làm việc cũng từng bước đầu tư mua sắm mới, giai đoạn từ 1997-2005 mỗi phòng có từ 1 đến 3 dàn máy vi tính nối mạng với Trung ương, Văn phòng Cục có 2 máy in chụp. Từ năm 2006, Tổng cục Thống kê thường xuyên cấp thêm máy vi tính cho các đơn vị và đến năm 2008 bình quân mỗi công chức có 01 máy vi tính để làm việc, mỗi phòng



được cấp từ 1-2 máy in hiện đại; cơ quan được đầu tư thay thế, nâng cấp máy in chụp tài liệu.

1.2. Trung tâm Tính toán

Khi mới chia tách, Trung tâm Tính toán có một ngôi nhà cấp 4 với 120 m², có 4 máy vi tính, 3 máy Photocopy, máy in lưới thủ công. Sau sáu năm kinh doanh và phục vụ, Trung tâm thường xuyên đảm bảo thu nhập bình quân hơn 700 ngàn đồng/người/tháng, làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước, đồng thời hàng năm có tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Năm 2003, Trung tâm đã xây mới nhà 3 tầng, với diện tích 600 m², đảm bảo đủ diện tích làm việc cho 2 Lãnh đạo, Tổ Tài vụ - Hành chính và các Tổ sản xuất. Trang bị tài sản, đồ dùng mới (tủ, bàn, ghế, giá đựng tài liệu trong kho), mua sắm thêm nhiều máy vi tính và máy in laze, máy photocopy, máy in nhanh, máy đóng và xén sách, một máy ép Plastic và một máy quét đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật của các ấn phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Trung tâm cũng đã mua được một ô tô MISSUBISHI JOLIO, năm 2009 thanh lý và mua xe MISSUBISHI hiệu ZINGER. Ngày 20/6/2014, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Quyết định số 881/QĐ-UBND về việc điều chuyển, sắp xếp trụ sở làm việc Trung tâm tính toán và phát hành biểu mẫu thống kê và được tỉnh giao cho 197 m² nhà trong Khu nhà Liên cơ quan của tỉnh để làm nơi làm việc và giao dịch kinh doanh. Đến năm 2015, khi đơn vị giải thể, tỉnh đã thu hồi nhà làm việc, toàn bộ tài sản được Cục tổ chức bán thanh lý và dùng vào thanh toán công nợ cho Trung tâm.

1.3. Thống kê huyện, thị xã, thành phố

Sau khi tái lập tỉnh, các Phòng Thống kê huyện, thị xã vẫn làm việc tại trụ sở và các phòng thuộc UBND huyện, thị xã và được bàn giao



nguyên trạng cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. Được sự hỗ trợ của UBND huyện và Tổng cục Thống kê, Cục đã tiến hành xây mới trụ sở làm việc của Phòng Thống kê huyện Lạng Giang (2 tầng) và Phòng Thống kê huyện Yên Thế (3 tầng) trong khu liên cơ quan. Làm việc với UBND huyện sắp xếp nơi làm việc cho Phòng Thống kê huyện Sơn Động, Yên Dũng, Việt Yên và TX. Bắc Giang trong khu liên cơ nhà kiên cố, mỗi phòng có từ 2 đến 4 phòng làm việc. Bên cạnh đó, tiến hành tu sửa thường xuyên các phòng Thống kê còn lại như: Hiệp Hòa nhà cấp III, Lục Ngạn, Lục Nam nhà cấp IV. Năm 2005, xây mới trụ sở làm việc của Phòng Thống kê huyện Tân Yên với diện tích 150 m² (2 phòng làm việc và Hội trường); năm 2006, xây dựng mới Phòng Thống kê huyện Lục Nam với diện tích 215 m² (2 phòng làm việc và Hội trường); năm 2007, xây mới Phòng Thống kê huyện Lục Ngạn với diện tích 215 m² (2 phòng làm việc và Hội trường); năm 2011, xây dựng mới Chi cục Thống kê huyện Hiệp Hòa với diện tích 200 m² (2 phòng làm việc và Hội trường); năm 2012 là Chi cục Thống kê huyện Việt Yên với diện tích 240 m² (3 phòng làm việc và Hội trường); năm 2015 là Chi cục Thống kê huyện Sơn Động và Yên Dũng với diện tích 240 m² (3 phòng làm việc và Hội trường). Từ năm 2016-2025, Tổng cục Thống kê đã cấp kinh phí để cải tạo, sửa chữa lớn một số Chi cục Thống kê huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Việt Yên, Hiệp Hòa và Sơn Động. Bên cạnh đó, một số Chi cục cũng chuyển vào làm việc tại Trụ sở Liên cơ quan UBND cấp huyện (được xây dựng từ năm 2015), như Chi cục Thống kê huyện Tân Yên, Lạng Giang.

Trang thiết bị làm việc của các phòng Thống kê huyện, thị cũng từng bước được mua sắm đồng bộ về bàn ghế, tủ như các phòng ở Văn phòng Cục, bình quân mỗi phòng huyện có từ 1-2 bộ máy vi tính trong giai đoạn



từ năm 1997-2005. Từ năm 2006 trở đi, khi được Tổng cục Thống kê cấp máy vi tính, máy photocopy, Cục Thống kê đều phân cho các phòng Thống kê (sau này là Chi cục Thống kê) huyện, thành phố, đảm bảo mỗi công chức có 01 máy tính được kết nối mạng internet để làm việc và đơn vị có 01 máy photocopy để in ấn tài liệu và báo cáo,..

2. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

2.1. Văn phòng Cục

Sau khi tái lập tỉnh, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh chưa có trụ sở làm việc riêng. Theo sự sắp xếp của tỉnh và sự thỏa thuận thống nhất giữa Cục Thống kê với Trường Cán bộ Thống kê Trung ương, Cục chuyển về làm việc nhờ tại trụ sở của nhà trường, trên đường Lê Phụng Hiểu, phường Vệ An, thị xã Bắc Ninh. Trường Cán bộ Thống kê Trung ương đã bố trí dãy nhà số 7 gồm 11 gian nhà cấp 4, nguyên là ký túc xá của học sinh đã xuống cấp và 1 gian dãy nhà số 6, đối diện. Cục đã đầu tư sửa chữa lớn toàn bộ nhà số 7; tu sửa, bổ sung thiết bị cho gian dãy nhà số 6 và xây dựng mới công trình vệ sinh, nhà xe, đường đi, tường bao, sân và trồng cây xanh với tổng kinh phí 240 triệu đồng, hoàn thành đưa vào sử dụng cuối tháng 2/1997. Trong số 12 gian nhà, Cục đã bố trí phòng làm việc cho ông Ngô Minh Quang - Cục trưởng là gian thuộc dãy nhà số 6; trong dãy nhà số 7, bố trí phòng làm việc cho ông Nghiêm Đình Thuận - Phó Cục trưởng; Phòng Tổ chức Hành chính và Tổng hợp 3 gian; Phòng Công nghiệp và Phòng Nông nghiệp mỗi phòng 2 gian; nhà ăn và nơi nghỉ của cán bộ độc thân, xa gia đình 1 gian và 2 gian làm hội trường. Năm 1998, UBND tỉnh đã cấp đất, đồng thời hỗ trợ một phần kinh phí và Tổng cục Thống kê đã phê duyệt dự án xây dựng Trụ sở Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh tại ngã tư đường Nguyễn Đăng Đạo và Nguyễn Gia Thiều thuộc phường Tiền An (nay là phường Kinh Bắc) với tổng kinh phí 2,6 tỷ đồng (UBND tỉnh hỗ



trợ 500 triệu đồng), đến tháng 01/2000 đã hoàn thành và Cục Thống kê chuyển sang trụ sở mới này làm việc từ tháng 2/2000. Cùng với việc xây dựng trụ sở làm việc, được sự đồng ý của UBND tỉnh và TCTK, cùng với nguyện vọng của một số công chức, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng 2 dãy nhà Tập thể với 9 gian nhà (sau trụ sở cơ quan Cục). Mỗi gian có diện tích (khép kín) là 35 m², được xây dựng theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Tổng kinh phí xây dựng 167 triệu đồng, trong đó các hộ gia đình công chức đóng góp 89,1 triệu đồng; trong đó có 1 gian được dùng làm bếp ăn của cơ quan, còn lại 8 gian giao cho 9 hộ gia đình và công chức sử dụng.

Năm 2017, TCTK đã cấp kinh phí để Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh xây dựng mới một đơn nguyên 2 ghép với trụ sở cũ sau khi phá bỏ dãy nhà tập thể do các hộ gia đình đã chuyển ra ngoài sinh sống và 2 gian của Trung tâm tính toán khi đã giải thể, đồng thời cũng cải tạo trụ sở cũ cho đồng bộ và hiện đại, đáp ứng đủ phòng làm việc cho công chức, người lao động và có 4 phòng khách để sử dụng cho các buổi tập huấn nghiệp vụ toàn tỉnh và các đoàn khách đến làm việc tại Cục.

Về phương tiện đi lại: Khi tách tỉnh, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh được cấp 01 xe MAZDA 626 từ Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc để sử dụng. Tháng 6/2003, Tổng cục Thống kê đã cấp kinh phí đầu tư cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh mua 01 xe ô tô ATIS.

Các phương tiện làm việc: Khi mới tách tỉnh, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh chỉ nhận bàn giao một số phương tiện làm việc thiết yếu đi kèm cán bộ công chức về Bắc Ninh, như: máy tính bấm tay, bàn làm việc, tủ đựng tài liệu,... Từ 1997-1999, Cục tranh thủ các nguồn hỗ trợ của địa phương và kinh phí do TCTK cấp để mua sắm một số máy vi tính đời 286, 586 cho các phòng nghiệp vụ (bình quân mỗi phòng có 01 máy vi tính). Năm 2000-2005, tranh thủ nguồn vốn đầu tư XDCB và nguồn kinh phí của



TCTK (700 triệu đồng), hỗ trợ của UBND tỉnh (300 triệu đồng), Cục đã đầu tư xây dựng mạng LAN nội bộ Văn phòng và mua mới máy vi tính cho các phòng (bình quân đạt 3 máy/phòng). Từ năm 2006, Tổng cục Thống kê thường xuyên cấp máy vi tính cho các đơn vị và đến năm 2008 bình quân mỗi công chức có 01 máy vi tính để làm việc, mỗi phòng được cấp từ 1-2 máy in hiện đại; cơ quan được đầu tư thay thế, nâng cấp máy in chụp tài liệu.

2.2. Trung tâm Tính toán

Khi mới chia tách tỉnh, để khai thác nhu cầu in ấn, photo ở khu vực thị xã Bắc Ninh, Trung tâm Tính toán tỉnh Bắc Giang đã thành lập Chi nhánh và thuê địa điểm ở phường Ninh Xá để hoạt động. Đến tháng 2/1998, trước nhu cầu cấp thiết phục vụ cho công tác thống kê và được sự nhất trí của Trung tâm Tính toán, Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh đã tách và thành lập Trung tâm tính toán riêng, đã đề bạt ông Nguyễn Đình Thành giữ chức Phó Giám đốc phụ trách và bà Nguyễn Thị Thu Hương phụ trách công tác kế toán. Cuối năm 2000, Cục đã đồng ý cho Trung tâm xây 2 gian nhà cấp 4 với diện tích 28 m², gần cổng phụ lối ra đường Nguyễn Gia Thiều để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ diện tích làm xưởng in. Các máy móc, trang thiết bị đều do Trung tâm tự hạch toán và mua sắm. Đến năm 2015, Trung tâm cũng kết thúc hoạt động và được giải thể theo chỉ đạo của Tổng cục Thống kê khi sắp xếp đơn vị sự nghiệp ở một số Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

2.3. Thống kê huyện, thị xã, thành phố

Sau khi tái lập tỉnh, các Phòng Thống kê huyện, thị xã cũng được UBND cùng cấp bàn giao nguyên trạng cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh. Trong đó, có 2 phòng Thống kê Gia Lương và Quế Võ có trụ sở làm việc riêng là nhà cấp 4 và các phòng Thống kê huyện, thị xã còn lại làm việc



trong khu vực trụ sở UBND cấp huyện. Năm 1999, sau khi chia tách huyện Gia Lương, Phòng Thống kê huyện Lương Tài vẫn làm việc tại trụ sở cũ, Phòng Thống kê huyện Gia Bình chuyển về địa điểm mới và thuê nhà ở xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, đến năm 2002 chuyển về nhà liên cơ quan chung với Phòng Tài chính-Kế hoạch của huyện. Đồng thời, năm 1999 cũng chia tách huyện Tiên Sơn, khi đó Phòng Thống kê huyện Tiên Du làm việc ở trụ sở cũ cho đến nay, còn Phòng Thống kê Từ Sơn chuyển về địa điểm mới và làm việc nhờ ở Nhà văn hóa thị trấn Từ Sơn, đến năm 2002 chuyển về làm việc trong khu vực trụ sở UBND huyện Từ Sơn, từ năm 2005 được chuyển sang khu liên cơ quan gồm phòng Tài chính - Kế hoạch quản lý và Đài Phát thanh Từ Sơn (hiện nay đang được giao cho Đội quản lý Thị trường số 8 cùng sử dụng chung). Năm 2001, được Tổng cục Thống kê cấp kinh phí, Cục đã xây dựng mới trụ sở Phòng Thống kê huyện Lương Tài (tại khu Táo Đồi, thị trấn Thứa) với diện tích 130 m² với 1 khu 2 tầng và 4 gian nhà cấp 4; đến năm 2025 khi sáp nhập tỉnh và nhập với Thống kê cơ sở Gia Bình đã bàn giao cho địa phương để xây dựng sân bay Gia Bình. Năm 2002, tranh thủ các nguồn vốn của địa phương hỗ trợ và TCTK cấp, đã xây dựng mới trụ sở Phòng Thống kê huyện Quế Võ với diện tích 140 m², 2 tầng kiên cố. Năm 2007, được sự nhất trí của TCTK và thỏa thuận của UBND huyện, Cục Thi hành án tỉnh, Phòng Thống kê huyện Yên Phong đã tiếp nhận trụ sở của Chi cục Thi hành án huyện Yên Phong làm trụ sở làm việc với 6 phòng và 01 hội trường. Năm 2009, được TCTK cấp kinh phí, Cục đã đầu tư và xây dựng mới Phòng Thống kê huyện Thuận Thành ở gần UBND huyện Thuận Thành với diện tích 160 m², nhà 2 tầng kiên cố có 4 phòng làm việc và 01 hội trường. Năm 2013, Chi cục Thống kê thành phố Bắc Ninh chuyển trụ sở từ UBND thành phố về Trung tâm Văn hóa của thành phố để làm việc và được giao cho 3 phòng; đến năm 2026 sau khi sáp nhập tỉnh, bỏ cấp huyện và sắp xếp lại trụ sở làm việc, Thống kê cơ sở Kinh Bắc đã được UBND tỉnh giao quản lý và sử dụng trụ sở làm việc của Đài Phát thanh thành phố Bắc Ninh. Trong giai đoạn



từ 2010-2024, cùng với việc xây dựng một số trụ sở cho Thống kê cấp huyện, TCTK cũng cấp kinh phí để cải tạo và sửa chữa một số đơn vị như: Chi cục Thống kê huyện Quế Võ, Thuận Thành, Yên Phong và Gia Bình.

Trang thiết bị làm việc của các phòng Thống kê huyện, thị cũng từng bước được mua sắm đồng bộ về bàn ghế, tủ như các phòng ở Văn phòng Cục, thời gian đầu khi chia tách tỉnh bình quân mỗi phòng huyện có từ 1-2 bộ máy vi tính (giai đoạn từ năm 1997-2005. Từ năm 2006 trở đi, khi được Tổng cục Thống kê cấp máy vi tính, máy photocopy, Cục Thống kê đều phân bổ cho phòng Thống kê (sau này là Chi cục Thống kê) huyện, thành phố, đảm bảo mỗi công chức có 01 máy tính được kết nối mạng internet để làm việc.

V. NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

A. Chức năng và nhiệm vụ

Trong giai đoạn từ 1997-2025, trải qua nhiều lần thay đổi về mô hình tổ chức, nên chức năng và nhiệm vụ của ngành Thống kê nói chung và của Thống kê tỉnh, thành phố nói riêng cũng thay đổi để phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Nhưng về cơ bản vẫn tập trung ở các nhiệm vụ cơ bản sau:

** Vị trí và chức năng*

1. Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Thống kê cấp tỉnh) là cơ quan thống kê nhà nước cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê (trước là Tổng cục Thống kê), thực hiện chức năng tổ chức, điều phối các hoạt động thống kê theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành



của lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Thống kê cấp tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

** Nhiệm vụ và quyền hạn*

1. Thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.

2. Tổ chức thu thập, tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng dữ liệu, thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý dữ liệu cung cấp cho hoạt động thống kê trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao sau khi được Cục Thống kê thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng hợp thông tin thống kê, kết quả điều tra thống kê do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh, thành phố cung cấp. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.

5. Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công.



6. Biên soạn, xuất bản Niên giám thống kê và các sản phẩm thống kê khác.

7. Ban hành và tổ chức thực hiện phổ biến thông tin thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức họp báo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố.

8. Quản lý và thực hiện công bố, phổ biến, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp của Cục trưởng Cục Thống kê.

9. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

11. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thống kê đối với điều tra viên, người làm công tác thống kê Sở, ngành, doanh nghiệp, xã, phường, đặc khu và người làm công tác thống kê thuộc phạm vi quản lý của Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

13. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

14. Ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin - truyền thông vào hoạt động thống kê. Triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê, công tác quản lý công chức và người lao động của Thống kê cấp tỉnh.



15. Quản lý, sử dụng công chức, người lao động thuộc Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính, Cục Thống kê.

16. Lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo hướng dẫn của Cục Thống kê; quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện cải cách hành chính; xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra nội bộ; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, cập nhật, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ công chức, người lao động và các văn bản pháp quy của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật. Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Cục trưởng Cục Thống kê giao và theo quy định của pháp luật.

B. Hoạt động của các lĩnh vực thống kê

1. Thống kê Tổng hợp

Về cơ bản, nhiệm vụ của Thống kê Tổng hợp trải qua các thời kỳ vẫn tương đối ổn định. Nhiệm vụ chủ yếu, gồm: Thực hiện báo cáo ước tính số liệu và phân tích tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và dự báo cả năm (lần 1 và lần 2), báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu và biên soạn Niên giám Thống kê tỉnh; hỗ trợ biên soạn Niên giám Thống kê cấp huyện.



Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ báo cáo tình hình KT-XH hàng tháng, quý, năm... ngoài thực hiện theo biểu mẫu và maket chung của TCTK (nay là Cục Thống kê), Thống kê tỉnh đã có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức, bám sát mục tiêu Đại hội Đảng, Nghị quyết của HĐND tỉnh và các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương và hướng dẫn, chỉ đạo hệ thống mạng lưới Thống kê trong tỉnh, thu thập tổng hợp báo cáo kịp thời, có hệ thống với cấp uỷ và UBND các cấp, bước đầu có những dự báo tốc độ phát triển và khả năng hoàn thành từng chỉ tiêu, chương trình mục tiêu có cơ sở khoa học, giúp sự chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp hiệu quả hơn.

Hàng tháng, Lãnh đạo Cục chỉ đạo các Phòng bám sát cơ sở, duy trì phối hợp với các Sở, Ngành để kịp thời phát hiện những bất cập về số liệu và sự đánh giá khác biệt giữa Cục với các Ngành, để tiến hành phúc tra, xác minh đi đến thống nhất khi báo cáo Tỉnh và TCTK. Vì vậy, các báo cáo của Cục và Thống kê các huyện, thị xã đã được cấp uỷ và chính quyền địa phương đánh giá cao và tin tưởng sử dụng trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Từ năm 1998, TCTK bổ sung thêm nhiệm vụ hướng dẫn và thu thập biên soạn niên giám thống kê hàng năm của các huyện, thị xã. Hệ thống hoá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở huyện, thị phục vụ cho sự chỉ đạo, điều hành của cấp huyện, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng của cấp huyện và của ngành Thống kê. Ngoài việc biên soạn niên giám Thống kê hàng năm, Cục còn biên soạn hệ thống số liệu ước tính các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu dưới hình thức Tờ gấp phục vụ các kỳ họp của Tỉnh uỷ và HĐND tỉnh.

Từ năm 2005 đến năm 2010, nhiệm vụ của Thống kê Tổng hợp hàng năm tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 296/TCTK ngày 5/11/1995, nhưng các nội dung không có thay đổi lớn. Từ năm 2011, chế độ báo cáo Thống kê Tổng hợp đã được điều chỉnh theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ



thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã. Theo đó, lĩnh vực Thống kê Tổng hợp ở cấp tỉnh được mở rộng hơn theo hướng biên soạn các chỉ tiêu thuộc hệ thống cấp tỉnh, huyện và xã để phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh và huyện trong xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển KT-XH hàng năm và dài hạn, đồng thời phục vụ việc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Từ năm 2013, lĩnh vực Thống kê Tổng hợp thực hiện theo Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời biên soạn các chỉ tiêu trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thống kê Tài khoản quốc gia

Sau khi Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) năm 1993 được thay thế cho Bảng cân đối kinh tế quốc dân (MPS), Thống kê Tài khoản quốc gia chính thức được áp dụng ở Việt Nam và được xác định là một trong những lĩnh vực “Trụ cột” của ngành Thống kê Việt Nam. Cùng với việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 32/TCTK-QĐ ngày 29/3/1994 của Tổng cục Thống kê, lĩnh vực này ngày càng được hoàn thiện trong quá trình áp dụng và đã nhiều lần bổ sung thêm các nhiệm vụ mới, như:

Năm 1997, bổ sung báo cáo Bảng cân đối sản phẩm chủ yếu trong nông nghiệp (gồm 6 sản phẩm chính trồng trọt và chăn nuôi); Năm 1998, bổ sung báo cáo Tài sản cố định của khu vực Hành chính - Sự nghiệp; tiến hành một số cuộc điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp



(GDP) như điều tra kết quả hoạt động dịch vụ ngoài quốc doanh (năm 2001, 2002); thu thập thông tin để ước tính các chỉ tiêu GDP quý (từ năm 2001).

Ngày 15/1/2003, Tổng cục trưởng TCTK ra Quyết định số 75/2003/QĐ-TCTK ban hành Chế độ báo cáo Thống kê định kỳ Tài khoản quốc gia áp dụng từ ngày 01/01/2003, thay thế Quyết định số 31/TCTK-PPCĐ ngày 29/3/1994. Theo đó, đã bỏ một số chỉ tiêu báo cáo chính thức về tài chính doanh nghiệp Nhà nước, thực hiện 16 biểu về tổng hợp hệ thống tài khoản quốc gia; tài sản cố định doanh nghiệp Nhà nước và khu vực hành chính sự nghiệp; Thống kê ngân hàng và Thống kê ngân sách.

Những năm tiếp theo, lĩnh vực Thống kê Tài khoản quốc gia tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống phương pháp luận để thống nhất tính toán các chỉ tiêu quan trọng là Giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh; cập nhật hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Năm 2007, đã áp dụng Hệ thống phân ngành kinh tế (VSIC) thay thế VSIC 1993; đồng thời sử dụng hệ thống chỉ số giá thay cho Bảng giá cố định năm 1994 đã lỗi thời do xuất hiện nhiều loại sản phẩm mới không có trong bảng giá cũ. Năm 2008, lần đầu tiên thực hiện Điều tra lập bảng cân đối liên ngành (I/O) và biên soạn hệ số chi phí trung gian với 152 ngành sản phẩm; năm 2013 tổ chức điều tra lập bảng cân đối liên ngành lần thứ 2 với 168 ngành sản phẩm. Bên cạnh việc triển khai các cuộc điều tra lớn, thống kê Tài khoản quốc gia còn thực hiện một số cuộc điều tra tính tỷ lệ giá trị sản xuất trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp, sự nghiệp ngoài công lập,... để cập nhật sự thay đổi khi chi ngân sách cho khu vực hành chính công và các ngành giáo dục, y tế, văn hoá,... có sự thay đổi. Năm 2018, sử dụng Bảng phân ngành kinh tế quốc dân (VSIC 2018) thay thế VSIC 2007.



3. Thống kê Nông - Lâm nghiệp, Thủy sản

Từ năm 1997, lĩnh vực này tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 300/TCTK-NLTS ngày 19/7/1996, thay cho chế độ báo cáo theo Quyết định số 1995/TCTK-NN. Theo quyết định này, chế độ báo cáo rộng hơn về phạm vi và số lượng chỉ tiêu như: Công tác thủy lợi; diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm; khai thác gỗ và lâm sản; nuôi trồng thủy sản, sản lượng sản phẩm ngành thủy sản và giá trị sản xuất, chi phí trung gian và giá trị tăng thêm của 3 ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Ngày 30/6/1998, TCTK ban hành Quyết định số 359/TCTK-QĐ về việc tiến hành điều tra trang trại; sau đó TCTK bổ sung thêm chế độ báo cáo trang trại thời điểm 1/7 hàng năm. Từ năm 2002, bổ sung thêm chế độ báo cáo phân tích tình hình nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm.

Năm 2001, thực hiện Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 13/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã tiến hành Tổng điều tra Nông thôn - Nông nghiệp và Thủy sản lần 2 gồm 5 nội dung: (i) Tình hình cơ bản nông thôn; (ii) Cơ sở hạ tầng của các xã và thực trạng tình hình thực hiện chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn; (iii) Quan hệ sản xuất nông thôn, kinh tế trang trại; (iv) Năng lực sản xuất ngành thủy sản; (v) Cơ cấu nông thôn, nông nghiệp, thủy sản và vốn trong nông thôn. Cuộc TĐT được thực hiện tại thời điểm 01/10/2001 và đã hoàn thành đúng thời gian, đảm bảo về chất lượng.

Ngày 02/10/2002, TCTK ban hành Quyết định số 657/2002 thay cho chế độ báo cáo theo Quyết định số 300/TCTK-NLTS. Theo quyết định này, số lượng chỉ tiêu, biểu mẫu rút gọn hơn, giảm 1 số biểu về hộ, khẩu, lao động, diện tích các loại đất, một số năng lực thiết bị chủ yếu, cơ giới hoá làm đất và tưới tiêu cho cây trồng hàng năm, các biểu chi phí trung



gian, giá trị tăng thêm các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; đồng thời cũng bổ sung thêm một chỉ tiêu cơ bản về HTX, trang trại, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản có vốn đầu tư nước ngoài.

Năm 2005, tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 657/TCTK - NLTS ngày 02/10/2002 của TCTK, nhưng số lượng chỉ tiêu đã rút gọn hơn, đồng thời bỏ một số chỉ tiêu không cần thiết.

Năm 2006, thực hiện Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản lần thứ 3 theo Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với 6 nội dung, gồm: (i) Thông tin cơ bản của hộ ở nông thôn; (ii) Cơ sở hạ tầng nông thôn và tình hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; (iii) Thực trạng kinh tế trang trại; doanh nghiệp; hợp tác xã Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; (iv) Tình hình cơ bản và năng lực sản xuất của ngành thủy sản; (v) Cơ cấu nguồn thu, vốn đầu tư trong năm 2005; vốn tích lũy và khả năng tích lũy của hộ nông thôn; (vi) Kết quả và hiệu quả sản xuất một số cây, con chủ yếu; các số liệu đánh giá về sự phát triển bền vững. Cuộc Tổng điều tra được thực hiện ở thời điểm 01/7/2006 và đã hoàn thành đúng thời hạn.

Ngày 28/4/2008, TCTK ban hành Quyết định số 329/QĐ-TCTK về việc ban hành các phương án điều tra trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản, gồm: Phương án điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp (cây hàng năm và cây lâu năm); Phương án điều tra năng suất - sản lượng lúa; năng suất - sản lượng cây hàng năm khác; điều tra năng suất - sản lượng cây lâu năm; Phương án điều tra chăn nuôi; Phương án điều tra thủy sản. Các Phương án điều tra theo quyết định này phần lớn dần chọn mẫu được xây dựng trên cơ sở kết quả Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản năm 2006. Đây là bước tiến mới trong việc xây dựng phương án điều tra trong nông, lâm



ng nghiệp và thủy sản. Các phương án này có căn cứ khoa học hơn, không sử dụng nhiều phương pháp chuyên gia trong công tác chọn mẫu.

Năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 144/2008/QĐ -TTg về chương trình Điều tra thống kê quốc gia; năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh, huyện và xã theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg. Trong đó, quy định nhiều chỉ tiêu chuyên ngành về nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Ngày 01/7/2011, đã tiến hành Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản lần thứ 4 theo Quyết định số 1785/QĐ-TTg ngày 27/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, với 3 nội dung lớn, gồm:

(i) Thực trạng nền sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, gồm: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất, tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của đơn vị sản xuất; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; Phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ v.v... trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

(ii) Thực trạng nông thôn: Thực trạng và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

(iii) Thông tin về cư dân nông thôn: Điều kiện sống của cư dân nông thôn; tích lũy và khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của cư dân nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Cuộc Tổng điều tra đã hoàn thành theo đúng kế hoạch, số liệu tổng hợp đã cung cấp nhiều thông tin để hoạch định chính sách phát triển NTNN.



Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do Thủ tướng ban hành, ngày 10/01/2011 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT quy định danh mục và nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

Ngày 30/09/2011, TCTK ban hành Phương án điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh theo Quyết định số 647/QĐ-TCTK. Trong Phương án quy định về điều tra toàn bộ các doanh nghiệp, HTX, trang trại lâm nghiệp, các tổ chức khác có hoạt động lâm nghiệp; điều tra chọn mẫu đối với khai thác, thu nhặt, trồng cây phân tán. Phương pháp chọn mẫu theo 3 cấp: cấp 1 chọn theo xã; cấp 2 chọn theo thôn của xã mẫu được chọn; cấp 3 chọn hộ mẫu ở các thôn mẫu được chọn. Đến năm 2013, hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành đã giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT thu thập số liệu về lâm nghiệp.

Căn cứ vào Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ngày 07/11/2012 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT quy định chế độ báo cáo Thống kê Tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là chế độ báo cáo bao gồm nhiều chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực khác nhau được thống nhất thực hiện từ 07/11/2012. Trong đó, có các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Ngày 28/8/2013, TCTK ra Quyết định số 882/QĐ-TCTK ban hành phương án điều tra chăn nuôi. Đây là phương án hoàn thiện hơn nhiều so với trước và tiến hành điều tra thu thập theo quý nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ tính toán GRDP theo quý đối với tỉnh. Ngày 17/3/2015, sau một thời gian thực hiện và phát hiện một số bất cập, TCTK có công văn số 249/TCTK- NLTS sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện phương án.



Ngày 02/4/2015, TCTK ban hành phương án điều tra thủy sản theo Quyết định số 235/QĐ-TCTK. Phương án này sử dụng các số liệu điều tra diện tích thủy sản hàng năm kết hợp với danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam để lập dàn chọn mẫu trên các mẫu nằm rải đều trên phạm vi toàn tỉnh nên mức độ tin cậy cao hơn và không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người.

Trong chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực Thống kê Nông nghiệp, ngoài việc thu thập Thông tin đáp ứng nhiệm vụ của TCTK giao, Cục còn lồng ghép chỉ đạo thu thập số liệu, tổng hợp phân tích phục vụ công tác chỉ đạo nhiệm vụ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá của địa phương, như: Điều tra xác định diện tích cho thu hoạch và sản lượng một số cây ăn quả trọng điểm, như: vải, nhãn, hồng, na; điều tra tình hình tiến độ chuyển đổi 10.000 ha đất cấy lúa không ăn chắc sang trồng cây ăn quả và nuôi thủy sản; Thống kê hộ có quy mô chăn nuôi vượt trội trong điều tra chăn nuôi. Lĩnh vực Thống kê Nông nghiệp, nhờ có đội ngũ điều tra viên ở cấp xã ổn định, nên đã thu thập các chỉ tiêu đảm bảo chất lượng và phục vụ công tác phân tích tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh và của các huyện, thị xã.

4. Thống kê Công nghiệp - Xây dựng

Từ 1997-2025, lĩnh vực này cũng có một số lần thay đổi về chế độ báo cáo Thống kê công nghiệp áp dụng cho các Cục Thống kê địa phương.

Năm 1997, Quyết định số 146/TCTK-QĐ quy định báo cáo tháng gồm 2 biểu: Giá trị sản xuất và sản phẩm công nghiệp chủ yếu, báo cáo năm gồm 12 biểu: Giá trị công nghiệp chia theo thành phần kinh tế; giá trị công nghiệp và doanh thu của các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ; sản phẩm công nghiệp chủ yếu; số cơ sở và lao động của công nghiệp nhỏ; doanh thu, lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách; nguồn vốn và tài sản



của doanh nghiệp; nguồn vốn và tài sản của công nghiệp; lao động, tiền công và nộp ngân sách của công nghiệp nhỏ; giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Năm 1999, tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo thống kê công nghiệp có sửa đổi, bổ sung: Phạm vi thu thập thông tin các biểu báo cáo được mở rộng cả công nghiệp địa phương, quốc doanh Trung ương và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; sửa đổi phương án điều tra chọn mẫu cơ sở công nghiệp cá thể, theo đó các hộ được chọn làm mẫu điều tra đại diện ở các xã, phường, thị trấn có quy mô sản xuất lớn.

Năm 2001, tiến hành điều tra tình hình sản xuất của các loại hình doanh nghiệp theo Quyết định số 109/TCTK/QĐ ngày 20/3/2001 của TCTK, nhằm thu thập thông tin phục vụ báo cáo chính thức năm 2000 về doanh nghiệp của các chuyên ngành sản xuất và làm dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ cho việc đánh giá tình hình chuyển đổi cơ chế quản lý doanh nghiệp Nhà nước.

Năm 2002, TCTK ban hành Quyết định số 735/2002 ngày 15/11/2002 quy định chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về Thống kê Công nghiệp. Theo chế độ này, báo cáo tháng gồm 3 biểu (Giá trị sản xuất theo giá cố định, giá trị sản xuất theo giá thực tế và sản phẩm công nghiệp chủ yếu), 10 biểu báo cáo chính thức năm. Kết quả điều tra chọn mẫu 3 cấp có chỉ định đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh vào thời điểm 1/12 hàng năm được sử dụng vào báo cáo năm, về cơ sở, lao động; nguồn vốn, tài sản; về doanh thu, nộp ngân sách và chi phí sản xuất.

Năm 2006 TCTK ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TCTK ngày 24/11/2006 về điều tra mẫu các cơ sở công nghiệp hàng tháng. Theo



đó, từ tháng 7/2007 bắt đầu thực hiện chính thức phương pháp mới và công bố theo tháng các chỉ tiêu sau: (i) Chỉ số sản xuất công nghiệp; (ii) Chỉ số sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu; (iii) Khối lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu; (iv) Chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp.

Từ năm 2010, TCTK công bố đầy đủ hệ thống chỉ số và khối lượng sản phẩm công nghiệp và chấm dứt việc công bố chỉ tiêu chỉ số phát triển giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định.

Năm 2012, TCTK ban hành Quyết định số 37/QĐ-TCTK ngày 16/02/2012 về việc ban hành Phương án điều tra mẫu hàng tháng ngành công nghiệp năm gốc so sánh 2010 thay thế Quyết định số 1288/QĐ-TCTK ngày 24/11/2006. Quyết định này chấm dứt thực hiện báo cáo giá trị sản xuất công nghiệp theo giá cố định và thay bằng giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010 và gồm 5 biểu báo cáo hàng tháng là: Chỉ số sản xuất, giá trị sản xuất CN theo giá hiện hành và theo giá so sánh 2010, sản phẩm chủ yếu, chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành CN chế biến, chế tạo.

Lĩnh vực Thống kê Xây dựng: Năm 1997, tiến hành điều tra tình hình sản xuất, kinh doanh và vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp xây lắp ngoài quốc doanh phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo chính thức về XDGB. Năm 2001, tiến hành điều tra vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2000 và dự tính đầu tư phát triển năm 2001, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng thu hút vốn đầu tư các năm tiếp theo. Từ năm 2002, TCTK sửa đổi nội dung các báo cáo chính thức năm 2001 về vốn đầu tư XDGB thành vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Nhà nước do địa phương quản lý. Cũng từ năm 2002, ngành Thống kê đã phối hợp với các ngành, các cấp, tiến hành thu thập thông tin, tổng hợp tình hình và kết quả đầu tư phát triển trên địa bàn, phân theo các nguồn vốn: Vốn đầu tư của các



Bộ, Ngành Trung ương trên địa bàn, vốn đầu tư qua các chương trình mục tiêu quốc gia, qua các chủ trương, chính sách của tỉnh, vốn đầu tư của các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), vốn đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác...

Từ năm 2002-2011, TCTK ban hành các Quyết định quy định chế độ báo cáo giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành và giá so sánh 2010. Năm 2011, TCTK ban hành Quyết định số 217/QĐ-TCTK ngày 16/03/2011 về việc điều tra thực hiện vốn đầu tư phát triển, theo đó hàng tháng thực hiện 1 báo cáo về vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý; hàng quý thực hiện 1 báo cáo về vốn đầu tư phát triển trên địa bàn.

Năm 2012, TCTK ban hành Quyết định số 17/QĐ-TCTK ngày 01/02/2012 về việc điều tra hoạt động xây dựng thay thế cho Quyết định số 216/QĐ-TCTK ngày 16/03/2011. Theo đó hàng quý thực hiện 3 biểu tổng hợp giá trị sản xuất xây dựng và 9 biểu báo cáo năm; Quyết định số 277/QĐ-TCTK ngày 14/05/2012 về việc điều tra thực hiện vốn đầu tư phát triển thay thế Quyết định số 217/QĐ-TCTK ngày 16/03/2011.

5. Thống kê Thương mại và Dịch vụ

Năm 1997, lĩnh vực này tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo Thương nghiệp - Vật tư theo Quyết định số 34/TCTK-QĐ; Thống kê du lịch theo Quyết định số 110/TCTK-QĐ và Thống kê Giá theo Quyết định số 302/TCTK-QĐ.

Tuy nhiên, từ cuối năm 1997 tình hình thị trường đã có sự biến đổi lớn: Mức lưu chuyển hàng hoá của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng chủ yếu, hầu hết các tổ chức thương nghiệp quốc doanh (công ty, cửa hàng, trung tâm thương nghiệp Nhà nước) đều khoán cho mặt dịch viên về doanh thu và mức thuế, vốn, riêng nguồn hàng do mặt dịch viên tự đầu tư, khai thác... Trước tình hình này, TCTK đã sửa đổi,



bổ sung thay thế chế độ báo cáo bằng chế độ điều tra về thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch, dịch vụ ngoài quốc doanh định kỳ hàng năm theo Quyết định số 219/TCTK ngày 5/6/1967 thay thế cho Quyết định số 256/TCTK-QĐ ngày 10/7/1997 về chế độ điều tra tình hình lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ hàng tháng.

Từ tháng 1/1998, chế độ báo cáo Thống kê Thương mại và Dịch vụ tiếp tục được cải tiến và bổ sung: Báo cáo giá và chỉ số giá bán lẻ hàng hoá, dịch vụ được sửa đổi, bổ sung thành báo cáo giá và chỉ số giá tiêu dùng; phạm vi thu thập thông tin tổng mức lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ xã hội bao gồm tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh: Quốc doanh địa phương và Trung ương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ cá thể và bán lẻ trực tiếp của các đơn vị sản xuất; xuất nhập khẩu (chỉ tổng hợp xuất - nhập khẩu của các thành phần kinh tế do địa phương quản lý).

Năm 2001, tuy TCTK bãi bỏ chế độ báo cáo chính thức 6 tháng đầu năm nhưng để phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, ngành Thống kê vẫn duy trì chế độ báo cáo thương mại, dịch vụ 6 tháng đầu năm, đồng bộ với báo cáo các ngành kinh tế khác, trình kỳ họp giữa năm của HĐND các cấp.

Năm 2002, thực hiện Quyết định số 05/2002/QĐ-TTg ngày 4/1/2002 của Thủ tướng Chính phủ, Thống kê tỉnh đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan tiến hành cuộc Tổng điều tra Cơ sở kinh tế, hành chính - sự nghiệp lần thứ 2 vào thời điểm 1/7/2002. Cuộc Tổng điều tra nhằm thu thập số liệu về số lượng đơn vị, địa điểm hoạt động, loại hình tổ chức; số lượng lao động; kết quả hoạt động cơ bản và một số chỉ tiêu về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị cơ sở vào hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính, hoạt động Đảng, Đoàn thể, hoạt động sự nghiệp... trên địa bàn (trừ hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản).



Cũng trong năm 2002, TCTK ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và dịch vụ áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chế độ này được áp dụng từ tháng 1/2003: Báo cáo tháng (cũ 6 biểu); 11 biểu báo cáo chính thức năm (cũ 15 biểu). Trong đó, có một số điểm mới là báo cáo năm được bổ sung thêm các lĩnh vực, gồm: Kết quả kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành, do cơ sở lưu trú, cơ sở du lịch lữ hành phục vụ, năng lực và kết quả hoạt động của các cơ sở lưu trú du lịch, danh mục khách sạn, điểm cắm trại và các dịch vụ nghỉ trọ ngắn ngày và báo cáo điều tra định kỳ thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh.

Ngày 7/11/2012, thực hiện Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ KHĐT về quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, các biểu báo cáo thương mại, dịch vụ được sử dụng phần mềm chương trình chung để tổng hợp, tuy nhiên bắt đầu từ tháng 01/2014 các biểu báo cáo phần thương mại, dịch vụ lại được tách riêng độc lập.

Ngoài việc thực hiện các chế độ báo cáo nêu trên, ngành Thống kê luôn được giao trọng trách là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp lần thứ 3 vào thời điểm 1/7/2007 theo Quyết định số 187/2006/QĐ-TTg ngày 15/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Đáng lưu ý là, thực hiện Quyết định số 1271/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012, được tiến hành làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc doanh nghiệp, các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài, thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 đến ngày 30/4/2012; giai đoạn 2 thực hiện thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, tôn giáo và các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 đến ngày 30/7.



Từ năm 2005 (trừ những năm có Tổng điều tra kinh tế, hành chính, sự nghiệp) hàng năm đều thực hiện điều tra các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản theo quyết định và phương án từng năm, thời điểm điều tra những năm trước thường được thực hiện vào thời điểm 01/7 (điều tra số lượng) và thời điểm 01/10 (điều tra chọn mẫu suy rộng các chỉ tiêu kết quả các ngành Thương mại và dịch vụ); từ năm 2023 chuyển sang thời điểm 01/01 và điều tra cả số lượng và kết quả.

Năm 2017, tiếp tục thực hiện cuộc TĐT kinh tế, hành chính-sự nghiệp lần thứ 5 theo 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thực hiện thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp; các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài; cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị sự nghiệp; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam; cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3 đến ngày 30/5.

Giai đoạn 2: Thực hiện thu thập thông tin về cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 đến ngày 30/7/2017.

Năm 2021, trong bối cảnh cả nước đang thực hiện chống dịch Covid-19, ngành Thống kê tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Tổng điều tra kinh tế lần thứ 6. Điểm khác biệt trong cuộc TĐT lần này là các cơ sở hành chính, sự nghiệp công được tách ra và do ngành Nội vụ triển khai (có BCD riêng) và cuộc TĐT cũng được tiến hành theo 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thực hiện điều tra khối doanh nghiệp; hội và hiệp hội từ ngày 01/3 đến 30/5/2021;

Giai đoạn 2: Thực hiện điều tra các cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng từ ngày 01 đến 30/7/2021.



Năm 2026, tiếp tục thực hiện cuộc TĐT kinh tế lần thứ 7 và cũng được triển khai ở hai giai đoạn, nhưng được bổ sung thêm đối tượng, thời điểm và thời gian thu thập cũng có thay đổi, cụ thể:

Giai đoạn 1: Thực hiện điều tra khối cơ sở SXKD cá thể, tổ hợp tác (đối tượng điều tra mới so với các lần TĐT trước) và tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra từ ngày 01/01 đến 30/3/2026, sau được rút ngắn đến ngày 10/3.

Giai đoạn 2: Thực hiện điều tra khối doanh nghiệp và các hội, hiệp hội, theo phương án sẽ thu thập thông tin từ ngày 01/3 đến 30/6, nhưng được rút ngắn đến ngày 30/4/2026.

Cuộc Tổng điều tra lần này được rút ngắn thời gian thu thập thông tin hơn hai tháng, dự kiến đến ngày 30/6/2026 sẽ công bố kết quả sơ bộ.

Lĩnh vực thống kê xuất - nhập khẩu hàng hoá từ năm 2005 tiếp tục được mở rộng phạm vi, mở rộng cả kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Từ 2016 số liệu xuất nhập khẩu hàng hoá do Tổng cục Hải quan (từ năm 2025 được sắp xếp lại mô hình là Cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính) công bố cho các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, do số liệu được Cục Hải quan công bố chỉ bao gồm giá trị (kim ngạch) xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá, không đủ thông tin để đánh giá những tác động của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá đối với phát triển kinh tế của tỉnh, nhất là trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động bất thường, như xung đột vũ trang, sắc tộc, chiến tranh, khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh (Covid-19),... nên Thống kê tỉnh vẫn tiếp tục thực hiện điều tra chọn mẫu đối với các doanh nghiệp có kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn để có thêm thông tin đánh giá tình hình.

Lĩnh vực Thống kê Giao thông - Vận tải: Trong giai đoạn từ 1997-2004, về cơ bản lĩnh vực này vẫn thực hiện báo cáo các chỉ tiêu như đã quy định ở các thời kỳ trước (Quyết định số 03/QĐ-TCTK ngày 01/01/1995).



Báo cáo tháng về vận tải hàng hoá, hành khách, bốc xếp, đơn vị vận tải, giá trị sản xuất, chi phí trung gian và giá trị tăng thêm ngành vận tải, bốc xếp.

Năm 1998, thực hiện Quyết định số 192/QĐ-TCTK, đã tiến hành điều tra mạng lưới giao thông để phục vụ cho công tác quản lý phương tiện vận tải và đảm bảo an toàn giao thông. Năm 1999, Cục Thống kê đã phối hợp với Sở Giao thông - Vận tải và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh để tiến hành điều tra phương tiện giao thông cơ giới. Trên cơ sở đó, Ban An toàn Giao thông tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các thông báo nghiêm cấm lưu hành các phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn và thực hiện các biện pháp quản lý khác đối với phương tiện vận tải.

Từ ngày 1/1/2003, tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải và bưu chính viễn thông theo Quyết định số 732/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của TCTK. Theo quyết định này, chế độ báo cáo có một số thay đổi, đó là: Bổ sung thêm phần bưu chính viễn thông (áp dụng đối với các đơn vị không thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông), bổ sung báo cáo giao thông công cộng đường bộ và đường sông và các chỉ tiêu về phương tiện vận tải, lượng doanh nghiệp và cơ sở vận tải, bốc xếp, dịch vụ, đại lý vận tải có đến 31/12 hàng năm.

Phương pháp thu thập số liệu về giao thông vận tải trong thời kỳ này được thực hiện theo 2 Quyết định số 03/QĐ-TCTK ngày 01/01/1995 và Quyết định số 732/2002/QĐ-TCTK đối với các Doanh nghiệp Nhà nước, chủ yếu dựa vào chế độ báo cáo định kỳ, đối với doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chủ yếu theo điều tra chọn mẫu thời điểm 01/01 hàng năm, phù hợp với cơ chế quản lý của nền kinh tế thị trường.

Từ năm 2013, thực hiện Quyết định số 734/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng TCTK ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và dịch vụ áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, lĩnh vực thống kê vận tải được tích hợp vào chung



với các ngành thương mại và dịch vụ, được điều tra chọn mẫu hàng tháng. Hằng năm, khi thực hiện điều tra doanh nghiệp và cơ sở SXKD cá thể, kết quả ngành vận tải sẽ được tổng hợp riêng trong phần mềm chung của ngành Thống kê.

Lĩnh vực thống kê giá: Đây là lĩnh vực có nhiều thay đổi, những năm trước vẫn tiếp tục thực hiện theo chế độ báo cáo cùng với lĩnh vực thống kê thương mại và dịch vụ. Năm 2002, được mở rộng thêm đối tượng điều tra thu thập và tổng hợp thông tin, cụ thể:

(i) Báo cáo tháng: Bổ sung thêm giá bán của người sản xuất nông - lâm nghiệp thủy sản, công nghiệp, vật tư.

(ii) Báo cáo quý: Bổ sung thêm chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản.

Thời kỳ 2005-2015, lĩnh vực thống kê giá tiếp tục thực hiện điều tra 3 loại giá và theo các phương án khác nhau, cụ thể:

- Giá tiêu dùng: Từ 2002-2005, tiếp tục thực hiện Quyết định số 302/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng TCTK về thống kê giá; đến ngày 3/3/2006 thực hiện theo Quyết định số 253/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng TCTK về việc điều tra và báo cáo thống kê giá tiêu dùng giai đoạn 2005-2010 (thời kỳ này điều tra rổ hàng hoá với 570 mặt hàng chia làm 3 kỳ); ngày 22/5/2009 thực hiện theo Quyết định số 409/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng TCTK về việc điều tra và báo cáo thống kê giá tiêu dùng thời kỳ 2009-2014 (thời kỳ này điều tra rổ hàng hoá với 570 mặt hàng chia làm 3 kỳ); ngày 13/1/2015 thực hiện theo Quyết định số 31/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng TCTK về ban hành Phương án và báo cáo giá tiêu dùng thời kỳ 2014-2019 (thời kỳ này điều tra rổ hàng hoá với 652 mặt hàng chia làm 3 kỳ); thời kỳ 2020-2025 mở rộng rổ hàng hoá với 780 mặt hàng và cũng được thực hiện theo 3 kỳ điều tra.



- Giá bán của người sản xuất hàng nông, lâm, thủy sản: Thực hiện Quyết định số 225B/QĐ-TCTK ngày 6/3/2007 về điều tra và báo cáo thống kê giá bán của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2007 - 2010 (thời kỳ này điều tra 90 mặt hàng); năm 2011 thực hiện Quyết định số 493/QĐ-TCTK ngày 4/7/2011 của Tổng cục trưởng TCTK về việc ban hành Phương án điều tra giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2010-2015 (thời kỳ này điều tra 87 mặt hàng); thời kỳ 2015-2019 tiếp tục mở rộng điều tra với 95 mặt hàng và thời kỳ 2020-2025 lại mở rộng lên tới 142 mặt hàng.

- Giá bán của người sản xuất hàng công nghiệp: Cũng giống các loại giá khác, giá bán của người sản xuất công nghiệp cũng được bắt đầu triển khai từ năm 2007 với các thời kỳ: Từ 2007-2010, được điều tra với 25 nhóm mặt hàng; thời kỳ 2010-2015, được mở rộng lên 33 mặt hàng; thời kỳ 2015-2019 tiếp tục mở rộng điều tra với 36 mặt hàng và thời kỳ 2020-2025 lại mở rộng lên 39 nhóm mặt hàng.

- Giá cước vận tải: Từ năm 2006, thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TCTK ngày 25/8/2006 của Tổng cục trưởng TCTK, điều tra và báo cáo thống kê giá cước vận tải đường bộ, đường thủy nội địa được thực hiện cùng với các loại giá dịch vụ.

Năm 2010 và 2012, thực hiện điều tra để tính chỉ số giá sinh hoạt theo không gian (SCOLI): Đây là chỉ tiêu thống kê được dùng để loại trừ yếu tố giá khi nghiên cứu khảo sát mức sống dân cư, đánh giá tình hình thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, trợ cấp khó khăn, trợ cấp tiền lương theo vùng, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... và các mục đích nghiên cứu khác. Để chuẩn bị cho việc thực hiện chính thức, với sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới, năm 2010, Tổng cục trưởng TCTK ban hành Quyết định số 476/QĐ-TCTK ngày 26/7/2010 về điều tra giá để tính chỉ số giá sinh hoạt theo không gian năm 2010 (thời kỳ này điều tra



65 mặt hàng chia làm 2 kỳ, kỳ thứ nhất tháng 9/2010 điều tra toàn bộ số địa bàn kỳ 2 của cuộc điều tra khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2010, kỳ thứ hai vào tháng 12/2010 điều tra số địa bàn còn lại). Cuộc điều tra năm 2010 đã thu được kết quả khả quan, nên năm 2011 Tổng cục trưởng TCTK đã ký Quyết định số 758/QĐ-TCTK ngày 22/11/2011 về ban hành Phương án điều tra giá để tính chỉ số giá sinh hoạt theo không gian năm 2012 (SCOLI 2012), thời kỳ này điều tra 101 mặt hàng trên toàn bộ số địa bàn được chọn điều tra kỳ 1 và kỳ 3 của cuộc khảo sát mức sống dân cư năm 2012.

Từ năm 2015, Tổng cục Thống kê thực hiện điều tra thêm 3 loại giá, gồm: (1) Giá dịch vụ được thực hiện theo Quyết định số 664/QĐ-TCTK ngày 26/11/2012 và được thực hiện trong thời kỳ 2013-2015 (điều tra 214 mặt hàng); (2) Giá bán của người sản xuất hàng công nghiệp, được thực hiện theo Quyết định số 538/QĐ-TCTK ngày 25/7/2011 của Tổng cục trưởng TCTK trong thời kỳ từ 2010-2015 (điều tra 300 mặt hàng); (3) Giá xuất, nhập khẩu được thực hiện theo Quyết định số 434/QĐ-TCTK ngày 01/4/2013 của Tổng cục trưởng TCTK về việc điều tra giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp ngoài nhà nước (điều tra 80 mặt hàng xuất khẩu và 226 mặt hàng nhập khẩu).

6. Thống kê Dân số - Văn xã

Từ năm 1997 đến năm 2001, ngành Thống kê tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo Thống kê Dân số - Văn xã theo Quyết định số 220/TCTK của Tổng cục trưởng TCTK và Quyết định số 357/QĐ-LB của liên bộ TCTK - UBQG dân số KHHGD.

Thống kê Dân số - Lao động: Trong giai đoạn 1997-2001, Thống kê tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo chính thức và ước tính số dân hàng năm, điều tra mẫu về biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình vào thời



điểm 1/4 và 1/10 hàng năm; báo cáo tình hình điều động dân cư đi xây dựng vùng kinh tế mới; tình hình giải quyết việc làm khu vực thành thị; tình hình lao động, tiền lương khu vực Nhà nước.

Từ năm 2002, TCTK đã cải tiến chế độ báo cáo Thống kê Dân số - Lao động gồm các chỉ tiêu phải báo cáo là:

Báo cáo dân số mỗi năm một kỳ.

Báo cáo Lao động - Thu nhập 2 kỳ (6 tháng và năm) đối với các đơn vị trung ương quản lý; bổ sung thêm báo cáo ước tính lao động - thu nhập (6 tháng và năm) các đơn vị địa phương quản lý, gồm 4 biểu lao động xã hội là: 1) Người từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế và không hoạt động kinh tế có đến 1/7; 2) Lao động có việc làm phân theo ngành KTQD có đến 1/7; 3) Người có việc làm phân theo loại hình kinh tế có đến 1/7; 4) Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và thất nghiệp, có đến 1/7.

Báo cáo giải quyết việc làm, không phải thực hiện báo cáo nhân khẩu, lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, chỉ thực hiện 1 biểu số người trong độ tuổi lao động đăng ký xin việc làm và đã được giải quyết việc làm khu vực thành thị ước tính thời điểm (17/9) và chính thức (30/6) năm sau.

Từ năm 2005-2011, lĩnh vực này tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Lao động và Thu nhập theo Quyết định số 145/2003/QĐ-BKH ngày 07/3/2003 của Bộ trưởng Bộ KH-ĐT và Quyết định số 633/2003/QĐ-TCTK ngày 29/3/2003 của Tổng cục trưởng TCTK.

Từ năm 2012, lĩnh vực thống kê Dân số - Lao động được thực hiện theo Phương án điều tra Biến động Dân số và KHHGD do TCTK ban hành tại thời điểm 01/4 hàng năm (trừ những năm có TĐT và Điều tra giữa kỳ về Dân số và Nhà ở). Lĩnh vực Lao động - Việc làm, được thực hiện theo điều tra chọn mẫu hàng tháng (từ ngày 01-12 hàng tháng) và được tổng hợp, công bố số liệu hàng quý cho cấp tỉnh.



Bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ của ngành, cán bộ làm việc trong lĩnh vực Thống kê Dân số - Lao động này còn phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức rà soát hộ nghèo hàng năm (riêng năm 2015 nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều); điều tra thị trường lao động (từ 2012-2020) để tính toán một số chỉ tiêu phục vụ UBND tỉnh.

Về thực hiện Tổng điều tra Dân số và Nhà ở

Năm 1999, thực hiện Tổng điều tra dân số và Nhà ở theo Quyết định số 106/1998/QĐ-TTg ngày 9/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh đã thành lập BCĐ, Trưởng ban là Phó Chủ tịch phụ trách công tác thống kê; Cục trưởng Cục Thống kê làm Phó Trưởng ban thường trực, đại diện Lãnh đạo một số sở, ngành làm Ủy viên, Văn phòng BCĐ là các Trưởng phòng thuộc Cục Thống kê và một số lãnh đạo, quản lý phòng của các sở, ngành; các huyện, thị trong tỉnh cũng thành lập Ban Chỉ đạo, Trưởng phòng Thống kê các huyện, thị đều được phân công làm Phó trưởng Ban thường trực. Do làm tốt công tác chuẩn bị và chỉ đạo chặt chẽ, nên cuộc TĐT đã hoàn thành ghi phiếu đúng thời gian, đến tháng 12/1999 đã hoàn thành việc tổng hợp nhanh và bàn giao phiếu cho Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương.

Năm 2009, ngành Thống kê tiếp tục thực hiện Tổng điều tra dân số và Nhà ở lần thứ 4⁴ theo Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Cũng như các cuộc TĐT trước, UBND tỉnh đã thành lập BCĐ tỉnh và cấp huyện với các thành phần, gồm: Trưởng ban là Phó Chủ tịch tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê và đại diện Lãnh đạo một số sở, ngành; ở cấp huyện cũng có thành phần BCĐ

⁴ Kể từ sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Việt Nam đã thực hiện TĐT Dân số và Nhà ở 3 lần vào các năm 1979, 1989, 1999.



tương tự như cấp tỉnh. Điểm đặc biệt của cuộc TĐT lần này là phiếu điều tra được thiết kế để sử dụng công nghệ scan quét thông tin trong phiếu thay cho bước nhập tin thô, đã giúp rút ngắn thời xử lý, tổng hợp được 6 tháng so với các lần TĐT trước, đồng thời cũng giảm thiểu lỗi nhầm lẫn, sai sót ở khâu nhập tin.

Năm 2019, ngành Thống kê tiếp tục thực hiện Tổng điều tra dân số và Nhà ở lần thứ 5 theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc Tổng điều tra đầu tiên ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ chuẩn bị xây dựng mạng lưới, thu thập thông tin, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, xử lý số liệu đến công bố kết quả Tổng điều tra. Trong đó, cuộc Tổng điều tra lần này cũng là lần đầu tiên sử dụng thiết bị di động (CAPI) trong thu thập thông tin tại các địa bàn điều tra.

Thống kê Xã hội - Môi trường: Những năm đầu mới tách tỉnh, lĩnh vực này tiếp tục thực hiện quy định của TCTK về báo cáo định kỳ chính thức các ngành giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá - thể thao, đời sống dân cư và xã hội - môi trường. Do tình hình xã hội phát triển và tăng cường quản lý của Nhà nước các cấp, nên chế độ báo cáo Thống kê xã hội - môi trường cũng được thay đổi. Năm 1998, bổ sung thêm chế độ báo cáo chính thức năm về phát thanh - truyền hình; báo cáo xã hội, môi trường; báo cáo Lao động - Thu nhập và báo cáo tình hình và tiến độ thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, các báo cáo về giáo dục cũng chi tiết, cụ thể hơn như: Báo cáo tình hình đào tạo chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật, báo cáo về y tế tình hình dịch bệnh lây lan 6 tháng và cả năm. Năm 1999, bổ sung chế độ báo cáo tình hình xã hội - môi trường hàng quý. Năm 2000, tiếp tục bổ sung chế độ báo cáo đối với thư viện, trung tâm văn hoá, thể thao, triển lãm, bảo tàng, di tích lịch sử, di tích văn hoá; báo cáo xuất bản và phát hành sách.



Từ ngày 1/1/2003, áp dụng chế độ báo cáo định kỳ về giáo dục - đào tạo, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, y tế, thiếu đói trong nông dân theo Quyết định số 730/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của TCTK thay cho chế độ báo cáo theo Quyết định số 220/QĐ-TCTK ngày 31/12/1990 của Tổng cục Thống kê.

Từ năm 2012, lĩnh vực này cũng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, thống kê Xã hội và Môi trường thực hiện theo danh mục và 10 biểu mẫu, gồm: lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (6 biểu); Y tế (2 biểu); Xã hội (2 biểu).

7. Hoạt động Thanh tra

Từ năm 1997 đến năm 2004, theo mô hình thống nhất của ngành Thống kê, Bộ phận Thanh tra trực thuộc Lãnh đạo Cục, do một Phó Cục trưởng kiêm Chánh Thanh tra và có 1 Thanh tra viên (Kiêm nhiệm công tác thi đua). Từ tháng 4/2004 thực hiện mô hình mới, Thanh tra Cục trực thuộc Phòng Thống kê Tổng hợp, Chánh Thanh tra vẫn do một Phó Cục trưởng kiêm nhiệm. Hàng năm, xây dựng kế hoạch thanh tra, phối hợp với các Phòng nghiệp vụ Văn phòng Cục và Phòng Thống kê huyện, thị xã, tiến hành thanh tra việc thực hiện chế độ báo cáo từ 3 đến 5 đơn vị thực hiện chế độ báo cáo, điều tra đối với ngành Thống kê; thanh tra việc thực hiện phương án điều tra từ 3 đến 4 cuộc; thanh tra việc sử dụng kinh phí, quản lý tài sản từ 1 đến 2 Phòng Thống kê huyện và Văn phòng Cục. Sau mỗi lần Thanh tra tiến hành lập biên bản chỉ rõ mặt mạnh yếu của đơn vị, tuy chưa tới mức độ phải xử phạt nhưng qua thanh tra đã góp phần làm cho các đơn vị thấy rõ trách nhiệm trong việc chấp hành chế độ báo cáo và thực hiện đúng phương án điều tra cũng như quản lý chặt chẽ tài chính, tài sản của đơn vị.



Trong những năm này, Thanh tra Cục có nhiều đổi mới trong công tác, như: Tham mưu cho Lãnh đạo Cục trong việc triển khai Luật Thống kê, Luật Thanh tra; các Nghị định của Chính phủ liên quan đến lĩnh vực thống kê, các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Thống kê. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân chấp hành luật pháp, tạo điều kiện cho công tác của Ngành ngày càng phát triển.

Từ tháng 10/2007, Phó Cục trưởng kiêm nhiệm Chánh Thanh tra. Đến tháng 4/2011 thực hiện mô hình mới, Thanh tra được tách riêng thành Thanh tra Cục Thống kê để thực hiện các công việc: Thanh tra, Thi đua, Phương pháp chế độ và Công nghệ thông tin. Tuỳ theo điều kiện của từng tỉnh sẽ được phân bổ định mức biên chế từ 2-3 công chức; trong đó có 01 Chánh Thanh tra và ít nhất 01 Thanh tra viên. Bên cạnh đó, ở mỗi phòng cũng có ít nhất 01 công chức được bồi dưỡng kiến thức thanh tra và được cấp Thẻ Thanh tra viên để tham gia các đoàn thanh, kiểm tra của Cục. Đến tháng 4/2014, thực hiện Quyết định số 128/QĐ-TCTK ngày 24/3/2014 của Tổng cục trưởng TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố, theo đó Thanh tra Cục được đổi tên thành Phòng Thanh tra.

Năm 2020, thực hiện theo mô hình 5 phòng mới, đồng thời Thanh tra chuyên ngành ở các ngành dọc cũng được sắp xếp lại. Đến tháng 11/2020, Thống kê tỉnh đã thực hiện theo mô hình mới và Phòng Thanh tra chính thức được giải thể và sáp nhập thành một bộ phận thuộc Phòng Thống kê Tổng hợp như những năm trước.

Trong giai đoạn 2005-2020, Thanh tra Tham mưu cho Lãnh đạo Cục triển khai Nghị định số 14/2005/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê; Nghị định số 79/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê. Hàng năm đều thực hiện từ 4 đến 6 cuộc Thanh tra theo kế hoạch, trong đó hàng năm



thanh tra từ 2 đến 3 doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Các cuộc Thanh tra đã chỉ ra những tồn tại, thiếu sót của các cá nhân, tập thể khi thực hiện chế độ báo cáo, điều tra để có hướng khắc phục, đã có tác dụng giáo dục ý thức nghề nghiệp trong mỗi cán bộ, công chức làm công tác thống kê, qua đó đã nâng cao chất lượng số liệu thông tin thống kê theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác thanh tra đã phát hiện và uốn nắn kịp thời những sai sót của các đơn vị, các cá nhân, sau thanh tra, kiểm tra đã có chuyển biến thực sự, trách nhiệm tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, chấp hành chế độ thông tin thống kê nghiêm túc hơn so với trước khi được thanh tra.

8. Công tác xuất bản các ấn phẩm Thống kê

Ngay sau khi tái lập tỉnh, Cục Thống kê 2 tỉnh đều chỉ đạo các phòng Thống kê nghiệp vụ, dựa vào các ấn phẩm đã phát hành trong giai đoạn còn là tỉnh Hà Bắc, để hệ thống hoá các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang. Tuy không được đầy đủ, nhưng đây là những số liệu gốc được sử dụng cho việc nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và 5 năm từ 1997 trở đi.

Từ năm 1998, Thống kê 2 tỉnh đều duy trì có nề nếp việc biên soạn Niên giám Thống kê hàng năm. Bắt đầu từ năm 2000, đã biên soạn cuốn Niên giám 4 năm 1997-2000 phục vụ kịp thời cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và các ngành đánh giá nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ 2 tỉnh, nhiệm kỳ HĐND,... Từ năm 2001, biên soạn Niên giám tóm tắt và Tờ gấp số liệu về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng và năm, các ấn phẩm được Thống kê Tổng hợp biên soạn có sự phối hợp chặt chẽ với các lĩnh vực thống kê khác thuộc cơ quan Cục nhằm phục vụ kịp thời sự chỉ đạo của các cấp, các ngành ở địa phương. Bên cạnh đó, Phòng Thống kê Tổng hợp cũng được Lãnh đạo Cục giao chủ trì và phối hợp với các Phòng nghiệp vụ hướng dẫn các Phòng Thống kê huyện, thị biên soạn Niên giám Thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách.



Đối với các cuộc điều tra lớn định kỳ hàng năm, như: Điều tra doanh nghiệp, cá thể, trang trại, mức sống dân cư,... và các cuộc Tổng điều tra, đều được Cục chỉ đạo biên soạn và xuất bản thành ấn phẩm để cấp phát cho các sở, ngành, UBND cấp huyện và xã trên địa bàn tỉnh.

Một số ấn phẩm được phát hành với số lượng hàng trăm cuốn và theo nhiều chuyên đề, như:

- Niên giám Thống kê;
- Kết quả Tổng điều tra Nông thôn - Nông nghiệp và Thủy sản;
- Nông thôn - Nông nghiệp trên đường đổi mới;
- Động thái Kinh tế - Xã hội
- Kết quả Tổng điều tra Dân số - Nhà ở;
- Kết quả Tổng điều tra Kinh tế, Hành chính - Sự nghiệp;
- Thực trạng doanh nghiệp;
- Thực trạng vốn đầu tư phát triển;
- Kết quả Khảo sát mức sống hộ gia đình;
- Kết quả Điều tra Trang trại;
- Niên giám Thống kê huyện, thị xã, thành phố.

Các ấn phẩm này, đã giúp công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp được kịp thời và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao uy tín và trách nhiệm cung cấp Thông tin của ngành Thống kê với cấp uỷ và Chính quyền địa phương.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Lịch sử tổ chức và hoạt động của Thống kê tỉnh Bắc Ninh với sự ra đời, quá trình xây dựng và phát triển của ngành Thống kê Việt Nam, đồng



thời cũng gắn liền với lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng tổ quốc, gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Bắc và hiện nay là tỉnh Bắc Ninh. Từ thực tế hoạt động trong 80 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm về tổ chức, hoạt động của ngành, đó là:

Một là, trong mọi hoàn cảnh cán bộ, công chức và người lao động dù ở cương vị nào cũng cần nỗ lực phấn đấu hết mình để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ là ngành có chuyên môn khoa học, luôn giữ vững bản lĩnh trung thực, khách quan, phục vụ kịp thời sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo điều hành kinh tế - xã hội của chính quyền các cấp. Vì thế, toàn Ngành cũng như từng cán bộ thống kê phải tinh thông về nghiệp vụ, chuyên môn, luôn nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước để kịp thời tham mưu trong mọi tình huống.

Về nghiệp vụ: Lịch sử phát triển tổ chức cán bộ của ngành Thống kê là một quá trình liên tục, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác thực tế. Thống kê là môn khoa học tổng hợp Tự nhiên và Xã hội, là cơ quan tham mưu về quản lý kinh tế tổng hợp, luôn có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng giữa Thống kê - Kế hoạch - Kinh tế và Kế toán. Do đó, một cán bộ Thống kê giỏi không những phải nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ Thống kê, mà còn phải am hiểu sâu sắc về kế hoạch, kế toán, về các ngành kinh tế, các lĩnh vực của đời sống xã hội, có như vậy mới thành thạo trong thu thập thông tin, tổng hợp số liệu và phân tích sâu sắc tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội.

Thống kê là ngành thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình bằng quy luật số lớn, do đó một cán bộ Thống kê giỏi phải có thời gian công tác ổn định, kiến thức chuyên sâu, có năng lực phụ trách nhóm lĩnh vực và am hiểu địa bàn công tác, từ đó mới tích lũy được kinh nghiệm về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương để



biên soạn những báo cáo phân tích kinh tế sắc bén, tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền địa phương trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Về nắm vững và am hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước: Để làm tròn trách nhiệm của cơ quan tham mưu, toàn ngành cũng như mỗi cán bộ thống kê phải nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan đến các ngành kinh tế, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Muốn vậy, mỗi người cán bộ thống kê phải biết vận dụng nghiệp vụ, áp dụng thành thạo các phương pháp thống kê hiện đại phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước, đồng thời phải luôn cập nhật tình hình của thế giới và khu vực, biết ứng dụng khoa học kỹ thuật để từng bước vươn tầm trên trường quốc tế. Vì thế, ngành Thống kê phải luôn coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ, công chức để luôn chủ động trong mọi tình huống.

Hai là, Cán bộ Thống kê phải có bản lĩnh nghề nghiệp, cũng như tất cả các nghiệp vụ khác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành công và chất lượng công việc. Công tác Thống kê có những đặc điểm riêng, do đó yêu cầu cán bộ Thống kê phải có những phẩm chất đạo đức đặc thù, đó là:

- Thu thập thông tin thống kê phải tuân thủ các phương án điều tra, theo các phương pháp khoa học nghiêm ngặt; không có các điều kiện đồng đều về xã hội, về môi trường và tự nhiên, do đó yêu cầu mỗi cán bộ phải sẵn sàng vượt qua khó khăn, phải tận tụy, tỉ mỉ trong điều tra ghi chép, đặc biệt phải có năng lực và làm tốt công tác “Dân vận” mới có thể khai thác số liệu một cách chính xác.

- Yêu cầu số liệu thống kê là “Trung thực - Đầy đủ - Kịp thời - Chính xác - Khách quan”. Nhìn lại lịch sử phát triển của ngành Thống kê 80 năm qua, để đạt được các yêu cầu trên là một quá trình kiên trì thuyết phục, đấu tranh và bảo vệ số liệu. Đó là thuyết phục để tạo ra sự thống nhất về



nhận thức xã hội, về công tác thống kê nói chung và nhận thức về công việc thu thập thông tin Thống kê nói riêng. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi thu thập số liệu về kinh tế, hầu hết các cơ sở kinh tế đều cho rằng sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của họ và đều có ý kê khai không trung thực. Vì thế, ngành Thống kê nói chung và mỗi cán bộ nói riêng phải có bản lĩnh nghề nghiệp, kiên trì, thầm lặng đấu tranh bảo vệ nguyên tắc nghiệp vụ để thu thập thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác, khách quan theo phương án điều tra.

Ba là, công tác Thống kê tồn tại gắn liền với việc thu thập thông tin từ cơ sở. Đó là nguyên lý, là thực tế trong lịch sử tổ chức và hoạt động của ngành Thống kê. Nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng đó, ngành Thống kê Bắc Ninh phải luôn coi trọng công tác xây dựng và củng cố mạng lưới cộng tác viên ở cơ sở. Đây là lực lượng không thể thiếu trong các cuộc điều tra, tổng điều tra, là những người am hiểu địa bàn và giúp ngành Thống kê nắm chắc tình hình, bám sát cơ sở trong quá trình thu thập thông tin. Vì thế, lực lượng này phải luôn được tập huấn đầy đủ về nghiệp vụ, nắm chắc kiến thức thống kê cơ bản để thu thập thông tin chính xác, kịp thời và đúng đối tượng.

Bốn là, đoàn kết là sức mạnh để vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhận thức rõ điều này, trong suốt lịch sử xây dựng tổ chức và hoạt động của ngành Thống kê, các thế hệ Lãnh đạo và công chức, người lao động luôn coi trọng xây dựng và củng cố khối đoàn kết thống nhất trong cơ quan, trước hết là đoàn kết trong Ban Lãnh đạo, Cấp uỷ và trong các tổ chức đoàn thể. Đoàn kết trên cơ sở thẳng thắn đấu tranh phê bình và tự phê bình, góp ý cho nhau để cùng tiến bộ. Mọi nhiệm vụ được giao đều được công khai, dân chủ, bàn bạc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, gắn trách nhiệm với tình cảm, hài hoà giữa “Lý” và “Tình” tạo ra không khí phấn khởi thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.



Năm là, sự trưởng thành của ngành Thống kê Bắc Ninh là một quá trình phấn đấu liên tục dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương và được sự chỉ đạo chặt chẽ về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê. Trong lịch sử tổ chức và hoạt động 80 năm của ngành Thống kê, đa phần thời gian được tổ chức quản lý theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp huyện, nhưng tổ chức Đảng, các Đoàn thể luôn đặt dưới sự chỉ đạo của địa phương, mọi nhiệm vụ đều đồng thời phục vụ cho cấp uỷ và chính quyền địa phương. Do đó, tất cả mọi hoạt động của ngành Thống kê phải có sự lãnh đạo của cấp uỷ và chỉ đạo của chính quyền địa phương. Nên ngành Thống kê nói chung và mỗi cán bộ thống kê nói riêng phải luôn coi trọng và nắm vững các Nghị quyết của Đảng, chính sách và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương và phải thông qua lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ và chính quyền địa phương đối với tất cả các hoạt động nghiệp vụ thống kê.

Theo phân cấp quản lý, mọi phương pháp chế độ thu thập thông tin và báo cáo thống kê đều do Tổng cục Thống kê quyết định và ban hành thống nhất trong toàn quốc, cho nên hoạt động nghiệp vụ của ngành Thống kê Bắc Ninh là tổ chức thực hiện các phương pháp chế độ do Tổng cục Thống kê chỉ đạo: Từ việc xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện, đến thu thập thông tin, ghi chép ban đầu, đến khi tổng hợp theo hệ thống chỉ tiêu biểu mẫu và lập các báo cáo định kỳ chính thức, trước hết là đảm bảo chế độ theo kế hoạch chung của cả nước, đồng thời phục vụ yêu cầu của cấp uỷ và chính quyền địa phương. Nên trong suốt 80 năm qua, Thống kê tỉnh Bắc Ninh luôn không ngừng phấn đấu đào tạo, nâng cao trình độ “Vừa hồng vừa chuyên” cho tất cả cán bộ, công chức trong Ngành.

Sáu là, phát huy quyền làm chủ của tập thể, tăng cường kỷ cương là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh hoàn thành nhiệm vụ. Lịch sử 80 năm của ngành Thống kê Bắc Ninh đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau. Trong từng thời kỳ, nếu biết phát huy dân chủ sẽ khơi dậy được tiềm năng của mỗi người, tạo nên sức mạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ, tuy nhiên dân chủ luôn phải được giữ vững bằng kỷ cương, tình thương và trách nhiệm,



kịp thời ngăn ngừa hiện tượng lợi dụng dân chủ để chia rẽ, bè phái, dùng sức mạnh của chính quyền và các tổ chức quần chúng để xây dựng khối đoàn kết trên cơ sở các quy chế được xây dựng dân chủ, từ đó quản lý và điều hành theo quy chế.

Bảy là, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc hiện đại là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của ngành Thống kê. Cơ sở vật chất cùng với tổ chức bộ máy và cán bộ là 3 yếu tố cấu thành một cơ quan, đơn vị. Khi công sở khang trang sẽ tôn vinh thêm sự uy nghiêm của cơ quan, của mỗi cán bộ, công chức; khi đến làm việc tại cơ quan, công sở khang trang, kiên cố cũng là điều kiện “An cư” và củng cố tư tưởng “Lạc nghiệp” yên tâm công tác, tất cả cho công việc, vì vậy cơ quan nào, ở thời kỳ nào cũng phải phấn đấu để có được công sở tốt nhất trong điều kiện kinh tế cho phép.

Phương tiện làm việc là một trong hai điều kiện không thể thiếu để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cơ sở vật chất, trang thiết bị là điều kiện “Cần”, còn phương tiện làm việc là điều kiện “Đủ” để mỗi cán bộ, mỗi cơ quan hoàn thành tốt các mục tiêu công việc. Với ngành Thống kê ngoài phương tiện đi lại, thiết bị văn phòng (bàn ghế, tủ tài liệu) phương tiện rất quan trọng mà trước đây thường gắn với cán bộ là máy tính cầm tay, khi khoa học công nghệ phát triển đó là máy vi tính, là thiết bị điện tử thông minh, là phần mềm đa chức năng,... Trải qua 80 năm, phương tiện làm việc đã có sự phát triển nhanh chóng và được ứng dụng công nghệ hiện đại, nhưng ngành Thống kê vẫn luôn quan tâm, đầu tư đầy đủ để cán bộ, công chức yên tâm làm việc. Đồng thời, cán bộ công chức cũng dần thích ứng và sử dụng thành thạo các loại phương tiện làm việc để phục vụ chuyên môn, tổng hợp, phân tích số liệu, soạn thảo văn bản, khai thác thông tin trên mạng và truyền tin cho Tổng cục Thống kê theo yêu cầu báo cáo... Chính nhờ phương tiện làm việc hiện đại như vậy đã góp phần rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng phục vụ, nhất là đáp ứng tốt hơn hai yêu cầu về nhiệm vụ thống kê đó là “Kịp thời - Chính xác”.



Phần thứ ba

LÃNH ĐẠO THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH QUA CÁC THỜI KỲ (1956-2026)

I. GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 1997

CỤC TRƯỞNG



Ông **NGUYỄN THẾ HỒNG** (Kim Tiến)
Sinh năm 1925
Quê: Tây Giang - Tiên Hải - Thái Bình
Cục trưởng: 12/1957 - 3/1959



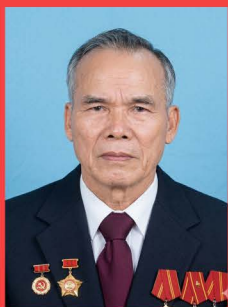
Ông **NGUYỄN ĐỒNG**
Sinh năm 1925
Quê: Nhân Chính - Từ Liêm - Hà Nội
Cục trưởng: 3/1960 - 9/1961



Ông **NGUYỄN MẬU HÂN**
Sinh năm 1920
Quê: Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang
Cục trưởng: 10/1961 - 01/1979



Ông **NGUYỄN ĐÌNH THẢO**
Sinh năm 1920
Quê: Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương
Cục trưởng: 02/1979 - 9/1983



Ông **LÊ HỒNG LÂM**
Sinh năm 1933
Quê: Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang
Cục trưởng: 9/1983 - 7/1988



Ông **HÀ TRỌNG CÔNG**
Sinh năm 1942
Quê: An Hà - Lạng Giang - Bắc Giang
Cục trưởng: 7/1987 - 12/1989



Ông **VŨ ĐỨC TRUNG**
Sinh năm 1944
Quê: Lâm Thao - Lương Tài - Bắc Ninh
Cục trưởng: 01/1990 - 9/1994



Ông **NGÔ MINH QUANG**
Sinh năm 1943
Quê: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh
Phó Cục trưởng phụ trách: 9/1994 - 3/1995
Quyền Cục trưởng: 4/1995 - 3/1996
Cục trưởng: 4/1996 - 12/1996



Lịch sử 80 năm **NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH** 1946-2026

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ông **NGUYỄN THẾ HỒNG** (Kim Tiến)
Sinh năm 1925
Quê: Tây Giang - Tiên Hải - Thái Bình
Phó Cục trưởng: 1956 - 11/1957



Ông **ĐỖ LỆNH HANH**
Sinh năm 1924
Quê: Từ Sơn - Bắc Ninh
Phó Cục trưởng: 5/1957 - 2/1958



Ông **NGUYỄN MẬU HÂN**
Sinh năm 1920
Quê: Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 5/1959 - 9/1961



Ông **LÊ THẮNG**
Sinh năm 1923
Quê: Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 8/1961 - 11/1964



Ông **NGÔ SỸ TUẤN**
Sinh năm 1918
Quê: Nội Duệ - Tiên Du - Bắc Ninh
Phó Cục trưởng: 4/1963 - 3/1967



Ông **TRẦN LỘC**
Sinh năm 1923
Quê: TX Bắc Giang - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 2/1967 - 6/1976



Ông **NGUYỄN ĐÌNH THẢO**
Sinh năm 1920
Quê: Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương
Phó Cục trưởng: 3/1967 - 1/1979



Bà **MAI THỊ NGỌC BÍCH**
Sinh năm 1935
Quê: Vũ Thư - Thái Bình
Phó Cục trưởng: 1/1979 - 11/1988



Ông **NGUYỄN XUÂN NAM**
Sinh năm 1935
Quê: Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 1/1984 - 8/1988



Ông **NGÔ MINH QUANG**
Sinh năm 1943
Quê: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh,
Phó Cục trưởng, Quyền Cục trưởng: 9/1988 - 8/1989
Phó Cục trưởng: 9/1989 - 8/1994



Ông **HÀ VĂN ĐỐI**
Sinh năm 1940
Quê: Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 1/1995 - 12/1996



II. GIAI ĐOẠN TỪ 1997 ĐẾN THÁNG 6/2025

1. Ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh

CỤC TRƯỞNG



Ông **NGÔ MINH QUANG**
Sinh năm 1943
Quê: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh
Cục trưởng: 1/1997 - 04/2004



Ông **VŨ THANH LIÊM**
Sinh năm 1959
Quê: Tiêu Động - Bình Lục - Hà Nam
Cục trưởng: 5/2004 - 10/2009



Ông **NGHIÊM ĐÌNH THUẬN**
Sinh năm 1958
Quê: TT Chờ - Yên Phong - Bắc Ninh
Cục trưởng: 2/2010 - 12/2018



Ông **VŨ MINH GIANG**
Sinh năm 1963
Quê: Hoàng Hộc - Hoàng Hóa - Thanh Hóa
Quyền Cục trưởng: 1/2019 - 10/2024



Ông **KHỔNG VĂN THẮNG**
Sinh năm 1973
Quê: Dũng Liệt - Yên Phong - Bắc Ninh
Quyền Cục trưởng: 11/2024 - 6/2025



Lịch sử 80 năm **NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH** 1946-2026

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ông **NGHIÊM ĐÌNH THUẬN**

Sinh năm 1958

Quê: TT Chờ - Yên Phong - Bắc Ninh

Phó Cục trưởng: 2/1997 - 1/2010



Ông **VŨ THANH LIÊM**

Sinh năm 1959

Quê: Tiêu Động - Bình Lục - Hà Nam

Phó Cục trưởng: 12/2001 - 4/2004



Ông **LÊ VĂN PHÁT**

Sinh năm 1966

Quê: Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh

Phó Cục trưởng: 5/2004 - 12/2010;
5/2021 - 4/2025



Ông **VŨ MINH GIANG**

Sinh năm 1963

Quê: Hoảng Hợp - Hoảng Hóa - Thanh Hóa

Phó Cục trưởng: 2/2010 - 10/2024
Quyển Cục trưởng: 1/2019 - 10/2024



Ông **PHẠM SỸ DUẬN**

Sinh năm 1957

Quê: Song Giang - Gia Bình - Bắc Ninh

Phó Cục trưởng: 1/2013 - 12/2017



Ông **KHỔNG VĂN THẮNG**

Sinh năm 1973

Quê: Dũng Liệt - Yên Phong - Bắc Ninh

Phó Cục trưởng: 9/2017 - 10/2024

Quyển Cục trưởng: 11/2024 - 6/2025



Ông **NGÔ VĂN TUỆ**

Sinh năm 1975

Quê: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh

Phó Cục trưởng: 4/2019 - 6/2022



2. Ngành Thống kê tỉnh Bắc Giang

CỤC TRƯỞNG



Ông **HÀ VĂN ĐỐI**
Sinh năm 1940
Quê: Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang
Cục trưởng: 1/1997 - 7/2000



Ông **DƯƠNG VĂN CHIẾN**
Sinh năm 1948
Quê: Văn Trung - Việt Yên - Bắc Giang
Cục trưởng: 8/2000 - 2/2008



Bà **NGUYỄN BÍCH HẰNG**
Sinh năm 1956
Quê: Đáp Cầu - TP Bắc Ninh - Bắc Ninh
Cục trưởng: 3/2008 - 6/2011



Ông **PHẠM BÁ DŨNG**
Sinh năm 1965
Quê: Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang
Cục trưởng: 7/2011 - 6/2021



Ông **ĐỒNG VĂN SÙNG**
Sinh năm 1975
Quê: Nghĩa Hòa - Lạng Giang - Bắc Giang
Cục trưởng: 6/2022 - 6/2025



Lịch sử 80 năm **NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH** 1946-2026

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ông **DƯƠNG VĂN CHIẾN**
Sinh năm 1948
Quê: Văn Trung - Việt Yên - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 02/1997 - 7/2000



Bà **NGUYỄN BÍCH HẰNG**
Sinh năm 1956
Quê: Đáp Cầu - TP Bắc Ninh - Bắc Ninh
Phó Cục trưởng: 8/2000 - 02/2008



Ông **HÀ VĂN XUÂN**
Sinh năm 1958
Quê: Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 10/2007 - 2/2018



Ông **PHẠM BÁ DŨNG**
Sinh năm 1965
Quê: Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 3/2008 - 6/2011



Ông **HÀ VĂN LƯỢNG**
Sinh năm 1965
Quê: An Hà - Lạng Giang - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 7/2011 - 6/2025



Ông **ĐỒNG VĂN SÙNG**
Sinh năm 1975
Quê: Nghĩa Hòa - Lạng Giang - Bắc Giang
Phó Cục trưởng: 11/2017 - 5/2022



Ông **NGÔ VĂN TUỆ**
Sinh năm 1975
Quê: Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh
Phó Cục trưởng: 7/2022 - 6/2025



III. GIAI ĐOẠN TỪ 7/2025 ĐẾN NAY

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Ông **ĐỒNG VĂN SỬNG**
Sinh năm 1975
Quê: Xã Tiên Lục - tỉnh Bắc Ninh
Trưởng thống kê: 7/2025 đến nay

PHÓ TRƯỞNG THỐNG KÊ



Ông **KHỔNG VĂN THẮNG**
Sinh năm 1973
Quê: Xã Yên Trung - tỉnh Bắc Ninh
Phó Trưởng thống kê: 7/2025 đến nay



Ông **NGÔ VĂN TUỆ**
Sinh năm 1975
Quê: Xã Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh
Phó Trưởng thống kê: 7/2025 đến nay





Phần thứ tư

HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH QUA CÁC THỜI KỲ (1956-2026)

(ẢNH TƯ LIỆU)

I. LỊCH SỬ NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH



Cán bộ và trụ sở Chi cục Thống kê Hà Bắc năm 1968



Lễ bàn giao chuyển sang quản lý ngành dọc năm 1974



Lễ Kỷ niệm 30 năm thành lập ngành Thống kê



Hội nghị Tổng kết ngành Thống kê Hà Bắc năm 1986



Lễ bàn giao Cục Thống kê Hà Bắc từ UBND tỉnh
về Tổng cục Thống kê năm 1994



Lễ khởi công xây dựng trụ sở Thống kê Hà Bắc năm 1996

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ



Gặp mặt và giao lưu giữa Thống kê hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang
trước khi sáp nhập



Đồng chí Nguyễn Thị Hương Cục trưởng Cục Thống kê và đồng chí Lê Xuân Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh tặng hoa chúc mừng các Lãnh đạo Thống kê tỉnh tại Hội nghị công bố quyết định về công tác cán bộ



Tập thể lãnh đạo, công chức Thống kê tỉnh Bắc Ninh cũ rời trụ sở để lên làm việc tại trụ sở Thống kê tỉnh Bắc Ninh mới từ ngày 01/7/2025



Lãnh đạo và công chức Thống kê tỉnh Bắc Ninh
tại trụ sở mới ngày 1/7/2025



Hội nghị trực tuyến phổ biến Luật Thống kê sửa đổi và triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023



Lễ ra quân Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp năm 2025



Các giám sát viên cấp tỉnh, cơ sở dự phòng vấn tại cơ sở
trong TĐT nông thôn nông nghiệp năm 2025



Hội nghị Tổng kết và công bố kết quả sơ bộ TĐT Nông thôn và Nông nghiệp năm 2025



Lễ ra quân Tổng điều tra Kinh tế năm 2026 với sự tham dự của đồng chí Ngô Tân Phượng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban, BCD Tổng điều tra tỉnh Bắc Ninh



Đoàn giám sát trung ương về giám sát điều tra
thí điểm TĐT Kinh tế 2026 tại chùa Bồ Đà



Điều tra viên sử dụng phiếu điều tra
điện tử CAPI thực hiện điều tra
thống kê tại làng nghề gốm
xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh



Đoàn kiểm tra, giám sát giai đoạn 1 cuộc Tổng điều tra Kinh tế
năm 2026 tại phường Kinh Bắc



Hội nghị xin ý kiến Cục Thống kê thẩm định phương án Điều tra Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn và Thu nhập bình quân đầu người cấp xã tháng 9 năm 2025



Hội nghị tập huấn Điều tra Thu nhập bình quân đầu người cấp xã tại Thống kê cơ sở Sơn Động



Hội nghị công chức, người lao động năm 2026



Lãnh đạo Thống kê tỉnh Bắc Ninh tặng quà tri ân gia đình có công với cách mạng nhân dịp kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025)



Tập thể cán bộ công chức, người lao động ngành thống kê tỉnh Bắc Ninh
tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2025



Tập thể Ban lãnh đạo, Lãnh đạo các phòng và Thống kê cơ sở tỉnh Bắc Ninh tại Hội nghị
Tổng kết công tác năm 2025



Lãnh đạo Thống kê tỉnh Bắc Ninh tặng hoa chúc mừng
nhân kỷ niệm 116 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3



Chị em phụ nữ ngành Thống kê tỉnh Bắc Ninh
trong ngày kỷ niệm 116 năm Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3



Giao lưu thể thao chào mừng kỷ niệm 65 năm thành lập Trường Cao đẳng Thống kê



Giao lưu thể thao nhân kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Hà Bắc



Cán bộ, công chức ngành thống kê
tỉnh Bắc Ninh tham gia Hiến máu
tình nguyện



III. CÁN BỘ CÔNG CHỨC NGÀNH THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

1. PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC VĂN PHÒNG THỐNG KÊ TỈNH



Phòng Tổ chức hành chính



Phòng Thống kê Tổng hợp



Phòng Thống kê Công nghệ và Xây dựng



Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội



Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá



2. THỐNG KÊ CƠ SỞ



TKCS Bắc Giang



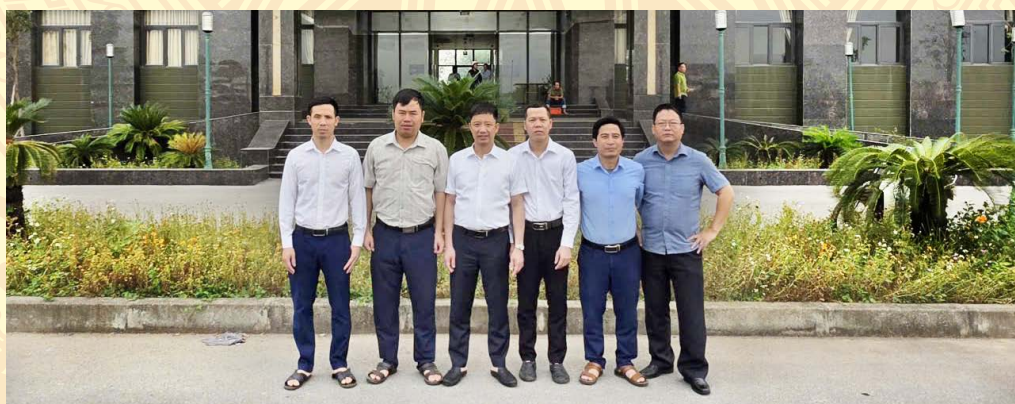
TKCS Việt Yên



TKCS Hiệp Hòa



TKCS Yên Thế



TKCS Lục Nam



TKCS Sơn Động



TKCS Kinh Bắc



TKCS Từ Sơn

THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH THỐNG KÊ CƠ SỞ QUẾ VỖ



TKCS Quế Võ



TKCS
Thuận Thành



TKCS
Yên Phong



TKCS Tiên Du



TKCS Gia Bình



CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TCTK :	Tổng cục Thống kê
TK, TK-KH :	Thống kê, Thống kê - Kế hoạch
CNXH :	Chủ nghĩa xã hội
XHCN :	Xã hội chủ nghĩa
HTX :	Hợp tác xã
CN-TTCN :	Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp
XDCB :	Xây dựng cơ bản
TN-TM :	Thương nghiệp - Thương mại
TN - GC :	Thương nghiệp - Giá cả
TN - VT :	Thương nghiệp - Vật tư
NN, LN :	Nông nghiệp, Lâm nghiệp
LĐ - VX :	Lao động - Văn xã
UBND, UBHC :	Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Hành chính
UBKHNN:	Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
TH :	Tổng hợp
DNNN :	Doanh nghiệp Nhà nước
DS-VX :	Dân số Văn xã



TƯ LIỆU THAM KHẢO VÀ SỬ DỤNG

1. Dư địa chí tỉnh Bắc Ninh;
2. Lưu trữ cơ quan Cục Thống kê tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh;
3. Lưu trữ Văn phòng UBND tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh;
4. Công báo nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh;
5. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh;
6. Lịch sử Quân sự tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh;
7. Niên giám Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Bắc, Bắc Giang và Bắc Ninh qua các thời kỳ;
8. Văn bản pháp quy ngành Thống kê (Quyển 1, 2, 3) do TCTK xuất bản;
9. Ảnh và tư liệu khác do các đồng chí nguyên là Lãnh đạo Cục, Lãnh đạo các Phòng và công chức ngành Thống kê qua các thời kỳ cung cấp và tặng.

LỊCH SỬ **8** NĂM
NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH
1946 - 2026

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

PHAN NGỌC CHÍNH

Biên tập: LÊ TUYẾT MAI

Trình bày - Thiết kế bìa: HỒNG THÁI

Ấn phẩm được xuất bản tại:

NHÀ XUẤT BẢN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

Địa chỉ: 86-98 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 826 4565; 0243 847 1485

Website: efph.vn; nxbkinhtetaichinh.vn

Email: info@efph.vn

Xuất bản phẩm điện tử được đăng tải tại địa chỉ: nhaxuatbanthongke.vn; nxbtaichinh.vn

Định dạng: PDF - Dung lượng: 11.1 (MB)

Số xác nhận ĐKXB: 1416-2026/CXBIPH/1-61/KTTC do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 14/4/2026.

Số QĐXB: 205/QĐ-NXBKTTC ngày 21/4/2026 của Giám đốc Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính.

Mã ISBN: 978-604-79-5771-2. Nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2026.

LỊCH SỬ **8** **NĂM**
NGÀNH THỐNG KÊ
TỈNH BẮC NINH
1946 - 2026



ISBN: 978-604-79-5207-6



SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG